

Số: **0859/PLX-TCKT**

Hà Nội, ngày **20 tháng 04 năm 2026**
Hanoi, April 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: - *The State Securities Commission;*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange.*

1. Tổ chức công bố thông tin

- Tên tổ chức: TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
- Mã chứng khoán: PLX
- Trụ sở chính: Số 1 Khâm Thiên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 024 38 512 603 Fax: 024 38 512 902

1. Information disclosure organization

- Name of organization: VIETNAM NATIONAL PETROLEUM GROUP
- Stock code: PLX
- Headquarters Address: No.1 Kham Thien Street, Van Mieu - Quoc Tu Giam Ward, Hanoi City.
- Telephone: 024 38 512 603 Fax: 024 38 512 902

2. Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025.

2. Content of information disclosure:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market.

Vietnam National Petroleum Group discloses the Company's 2025 Annual Report.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn:

<https://www.petrolimex.com.vn/quan-he-nha-dau-tu.html>

3. This information was published on the Company's website on April 20, 2026, as in the link:

<https://www.petrolimex.com.vn/investor-relations.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam trân trọng báo cáo./.

Vietnam National Petroleum Group respectfully reports./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TT&QHCC;
- Lưu VT/TCKT.

Recipients:

- As above;
- PR Department;
- Archives in office/Finance and Accounting.

Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025
- Annual Report 2025

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG
AUTHORIZED PERSON TO
DISCLOSURE INFORMATION
CHIEF ACCOUNTANT**



Phạm Văn Quang



Tư duy mới
DẪN TƯƠNG LAI

THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
ASXH	An sinh xã hội
CTCP	Công ty Cổ phần
Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc
BH	Bảo hiểm
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BKS	Ban Kiểm soát
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CĐS	Chuyển đổi số

CHXD	Cửa hàng xăng dầu
CLTG	Chênh lệch tỷ giá
CNTT	Công nghệ thông tin
CTXD	Công ty xăng dầu
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	Đơn vị tính
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
IoT	Internet vạn vật
KSV	Kiểm soát viên
LNST	Lợi nhuận sau thuế

MTV	Một thành viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
QLRR	Quản lý rủi ro
SXKD	Sản xuất kinh doanh
Tập đoàn / Petrolimex	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam
TCT	Tổng công ty
TĐH	Tự động hóa
TGD	Tổng Giám đốc
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VSLĐ	Vệ sinh lao động

CHÚ THÍCH

DO 0,001S – V	Dầu DO 0,001S tiêu chuẩn khí thải Euro V
E5 RON 92 – II	Xăng sinh học E5 RON 92 – II
FO 0,5S	Nhiên liệu hàng hải
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng
LPG	Khí dầu mỏ hóa lỏng
RON 95 – IV	Xăng RON 95 tiêu chuẩn khí thải Euro IV
RON 95 – V	Xăng RON 95 tiêu chuẩn Euro V

06	Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
08	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
10	Thông điệp của Tổng Giám đốc

GIỚI THIỆU VỀ PETROLIMEX

14	Thông tin khái quát
16	Các con số tiêu biểu
18	Danh hiệu và Giải thưởng tiêu biểu
20	Quá trình hình thành và phát triển
22	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
26	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
28	Giới thiệu Hội đồng quản trị
32	Giới thiệu Ban Điều hành
38	Giới thiệu Ban Kiểm soát

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

42	Tổng quan ngành xăng dầu
44	Yếu tố tạo động lực tăng trưởng
46	Định hướng phát triển

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

52	Tổ chức và nhân sự
60	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tập đoàn
64	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
88	Báo cáo của Ban Kiểm soát
90	Tình hình tài chính hợp nhất
94	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

98	Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị
104	Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát
108	Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông
111	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS
112	Tình hình thực hiện bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng thể điểm ASEAN
126	Quản trị rủi ro

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC

217	Phụ lục 01: Danh sách công ty con, công ty liên doanh, liên kết
220	Phụ lục 02: Các công ty thuộc lĩnh vực vận tải bộ

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SỨ MỆNH

Không ngừng gia tăng giá trị Petrolimex, đồng thời góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, hài hòa lợi ích giữa khách hàng, Petrolimex và nhà nước.



TẦM NHÌN

Petrolimex trở thành Tập đoàn năng lượng đứng đầu Việt Nam về những sản phẩm năng lượng xanh, sạch, chất lượng cao, thân thiện với môi trường dựa trên nền tảng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số toàn diện.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



DI SẢN

Gìn giữ và phát huy giá trị hơn bảy thập kỷ phát triển, Petrolimex kế thừa truyền thống vững bền của doanh nghiệp năng lượng quốc gia, nơi uy tín, trách nhiệm và niềm tin xã hội được xây dựng qua nhiều thế hệ.



TẬN TÂM

Lấy khách hàng và cộng đồng làm trung tâm, Petrolimex cam kết cung cấp nguồn năng lượng an toàn, ổn định và dịch vụ chất lượng cao, với tinh thần trách nhiệm và sự tận tâm trong từng sản phẩm, từng điểm chạm dịch vụ.



TIÊN PHONG

Không ngừng đổi mới để dẫn dắt tương lai năng lượng, Petrolimex tiên phong ứng dụng công nghệ, phát triển các giải pháp năng lượng mới và mở rộng hệ sinh thái dịch vụ hiện đại, hướng tới phát triển bền vững.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị!

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Những xung đột địa chính trị kéo dài, biến động của thị trường năng lượng toàn cầu cùng với những thay đổi trong cấu trúc kinh tế và xu hướng chuyển dịch năng lượng đã đặt ra nhiều thách thức đối với ngành xăng dầu. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục duy trì đà phục hồi và tăng trưởng, song cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với các doanh nghiệp nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm an ninh năng lượng và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong bối cảnh đó, với tinh thần chủ động, đoàn kết và trách nhiệm, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã nỗ lực vượt qua khó khăn, tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí nòng cốt trong bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho nền kinh tế và ổn định thị trường trong nước.

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn đạt nhiều kết quả tích cực. Tổng sản lượng xăng dầu hợp nhất đạt **17,7 triệu m³/tấn, tăng 12%** so với năm 2024 và tương đương kế hoạch được giao; trong đó sản lượng bán lẻ đạt **7,92 triệu m³/tấn, tăng 7%** so với cùng kỳ. Tổng doanh thu hợp nhất đạt **309.875 tỷ đồng, vượt 25%** kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt **3.643 tỷ đồng, vượt 14%** kế hoạch. Tập đoàn tiếp tục là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước với **30.815 tỷ đồng** nộp ngân sách trong năm 2025. Thu nhập bình quân của người lao động toàn Tập đoàn đạt **20,9 triệu đồng/người/tháng**, được duy trì ổn định.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, năm 2025 cũng đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình tái cấu trúc hệ thống tổ chức của Tập đoàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Tập đoàn hoàn thành công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương từ việc hệ thống lại 51 Công ty Xăng dầu còn 34 Công ty Xăng dầu TNHH MTV đến việc giảm 03 Ban của Tập đoàn, qua đó nâng cao năng lực quản trị, tăng cường hiệu quả điều hành, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao sức cạnh tranh của toàn hệ thống. Đây là bước đi quan trọng nhằm hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Song song với quá trình tái cấu trúc tổ chức, Tập đoàn cũng đã triển khai thay đổi và công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Petrolimex, đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển thương hiệu của Tập đoàn. Hệ thống nhận diện thương hiệu mới kế thừa những giá trị cốt lõi đã được khẳng định trong gần bảy thập kỷ hình thành và phát triển, đồng thời thể hiện khát vọng đổi mới, hiện đại và hội nhập của Petrolimex trong giai đoạn phát triển mới. Việc triển khai đồng bộ nhận diện thương hiệu trên toàn hệ

thống không chỉ góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Tập đoàn mà còn tạo nền tảng quan trọng để Petrolimex tiếp tục phát triển theo hướng doanh nghiệp năng lượng hiện đại.

Cũng trong năm 2025, Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng và hiện đại hóa hệ thống kinh doanh với giá trị đầu tư thực hiện gần 3.200 tỷ đồng, tập trung vào nâng cấp kho cảng, phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, Petrolimex luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội, với gần 240 tỷ đồng dành cho các hoạt động an sinh xã hội, góp phần chia sẻ khó khăn với cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 là minh chứng cho sự nỗ lực, đoàn kết và trách nhiệm của toàn thể cán bộ, người lao động Petrolimex. Hội đồng quản trị trân trọng ghi nhận và đánh giá cao sự đóng góp của các đơn vị thành viên, sự đồng hành của Quý cổ đông, Quý đối tác cùng sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và các cơ quan quản lý.

Bước sang giai đoạn phát triển mới, Petrolimex sẽ tiếp tục kiên định với mục tiêu giữ vững vai trò doanh nghiệp chủ lực của Nhà nước trong lĩnh vực xăng dầu, đồng thời đẩy mạnh đổi mới quản trị, chuyển đổi số, phát triển hệ thống phân phối hiện đại và từng bước tham gia sâu hơn vào xu thế chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh và bền vững. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng với truyền thống gần 70 năm xây dựng và phát triển, cùng với tinh thần đổi mới và khát vọng vươn lên, Petrolimex sẽ tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp năng lượng hàng đầu Việt Nam và đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước.

Nhân dịp này, thay mặt Hội đồng quản trị Tập đoàn, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý đối tác; sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan quản lý nhà nước; và đặc biệt là sự nỗ lực, cống hiến của toàn thể cán bộ, người lao động Petrolimex trong suốt năm qua.

Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng vững chắc đã được xây dựng, cùng tinh thần đoàn kết và trách nhiệm, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững và đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế đất nước.

Chúc quý vị một năm thật nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Văn Thanh

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình thế giới năm 2026 dự báo tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó đoán định; khó khăn và thách thức có xu hướng nhiều hơn thuận lợi. Những biến động về địa chính trị, cạnh tranh thương mại, khủng hoảng năng lượng và chuyển đổi xanh đặt ra yêu cầu cấp thiết về tầm nhìn, tư duy và cách tiếp cận phát triển mới, nhằm đạt được tăng trưởng nhanh, bền vững. Hiểu được điều đó, Tập đoàn triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển tập trung vào **09 nhóm nhiệm vụ nền tảng trọng tâm**, cụ thể như sau:

- **Một là, đảm bảo tuyệt đối công tác an toàn** trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, “An toàn là trên hết và không có thỏa hiệp” bao gồm: An toàn con người và tài sản, an toàn PCCC, môi trường, an toàn tài chính, bảo mật thông tin, an toàn pháp lý...
- **Hai là, bảo đảm vai trò chủ đạo trong an ninh năng lượng cho sản xuất tiêu dùng:** Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài Chính và Bộ Công Thương... đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu; bảo đảm cung ứng ổn định cho nền kinh tế trong mọi tình huống, qua đó giữ vững vị thế, khẳng định vai trò nòng cốt của Petrolimex trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.
- **Ba là, chuẩn hóa quy định/quy chế nội bộ:** Quyết liệt và khẩn trương rà soát để sửa đổi/điều chỉnh các quy định/quy chế nhằm bảo đảm phù hợp theo đúng quy định của Nhà nước và của Tập đoàn, khơi thông mọi nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn trong tổ chức và quản trị, coi đây là “đột phá của đột phá” để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.
- **Bốn là, quyết liệt trong công tác đầu tư và chuyển đổi số:** Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 93-NQ/ĐU của Đảng ủy Tập đoàn; tập trung tự động hóa toàn bộ kho và cửa hàng xăng dầu, triển khai Camera AI, thay thế hệ thống quản trị cửa hàng, tối ưu hóa đường vận động hàng hóa; đẩy nhanh đưa các cửa hàng, trạm xăng dầu mới vào hoạt động và khai thác tối đa chuỗi giá trị gia tăng tại cửa hàng; quyết liệt triển khai các dự án thu hồi hơi xăng dầu, đầu tư thay thế, hiện đại hóa đội tàu/phương tiện vận tải bộ; tổ chức Hội nghị đầu tư phát triển để đẩy nhanh tiến độ đầu tư nhằm khai thác tối đa lợi thế của Petrolimex.
- **Năm là, gia tăng sản lượng gắn với tập trung đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi năng lượng xanh, sạch và kiểm soát chi phí:** từng bước cơ cấu lại danh mục sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng năng lượng xanh, sạch; tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai E10 và nhiên liệu đạt tiêu chuẩn Euro V; xây dựng các chính sách marketing linh hoạt hướng tới thị trường để phần đầu tăng trưởng hai con số; tối ưu hóa chi phí logistics, vận tải, pha chế, lưu kho, tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro trong điều hành.
- **Sáu là, quan tâm đến chính sách người lao động và phát triển nhân lực:** xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập phù hợp với hiệu quả công việc; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho các cấp quản lý và người lao động; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.
- **Bảy là, khai thác tối đa giá trị chuỗi trong hệ sinh thái:** Tăng cường hợp tác nội khối giữa xăng dầu – bảo hiểm – vận tải – hóa dầu – gas; bảo đảm hiệu quả chuỗi và sức mạnh nội khối.
- **Tám là, tăng cường công tác bảo vệ thương hiệu,** đồng thời xây dựng và triển khai lộ trình áp dụng bộ nhận diện thương hiệu mới trong toàn hệ thống Petrolimex, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và tuân thủ đúng định hướng, lộ trình của Tập đoàn.
- **Chín là, phát triển văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội:** Xây dựng văn hóa “Đổi mới – Minh bạch – Hiệu quả – Hướng tới khách hàng”. Đẩy mạnh chương trình an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp với cộng đồng.

Năm 2026 – năm mở đầu Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026–2030 và là dấu mốc kỷ niệm 70 năm hình thành – xây dựng – phát triển của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; phát huy truyền thống đoàn kết, kỷ cương và tinh thần đổi mới, toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động Petrolimex quyết tâm đồng lòng, chủ động thích ứng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch được giao, giữ vững vai trò doanh nghiệp chủ lực trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới theo hướng hội nhập, hiện đại, phát triển xanh – số và bền vững.



Tổng Giám đốc
Lưu Văn Tuyền



GIỚI THIỆU VỀ PETROLIMEX

Thông tin khái quát	14
Các con số tiêu biểu	16
Danh hiệu và Giải thưởng tiêu biểu	18
Quá trình hình thành và phát triển	20
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	22
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	26
Giới thiệu Hội đồng quản trị	28
Giới thiệu Ban Điều hành	32
Giới thiệu Ban Kiểm soát	38

CHƯƠNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TRỰC TIẾP KINH DOANH XĂNG DẦU

34 đơn vị thành viên

Ở NƯỚC NGOÀI

02 thành viên

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI GỒM

4.379 CỬA HÀNG

HỆ THỐNG CỬA HÀNG TRỰC THUỘC

2.946 CỬA HÀNG

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (tên viết tắt là Petrolimex) hiện nay được hình thành từ việc cổ phần hóa và cấu trúc lại Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam. Lĩnh vực kinh doanh chính của Petrolimex là xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu, đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác để kinh doanh các ngành nghề mà Petrolimex đang kinh doanh và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực xăng dầu, Petrolimex giữ vai trò chủ đạo trên thị trường nội địa theo đúng chỉ đạo của Chính phủ. Cùng với **26 doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu** khác và gần 252 thương nhân phân phối xăng dầu, Petrolimex bảo đảm đầy đủ và kịp thời các chủng loại xăng dầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an ninh quốc phòng và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tính đến thời điểm 31/12/2025, Petrolimex có **34 đơn vị thành viên** trực tiếp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 34 tỉnh, thành phố. Ở nước ngoài, Petrolimex có Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex tại Singapore, Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex tại Lào.

Cả nước có mạng lưới bán lẻ với hơn 17000 cửa hàng xăng dầu thuộc tất cả các thành phần kinh tế, trong đó Petrolimex có hệ thống mạng lưới gồm 4.379 cửa hàng (trong đó có **2.946 cửa hàng trực thuộc Petrolimex** và còn lại là các CHXD thuộc thương nhân nhượng quyền) hiện diện trên khắp cả nước tạo điều kiện thuận lợi để người tiêu dùng sử dụng hàng hoá, dịch vụ do Petrolimex trực tiếp cung cấp. Tính chung trên phạm vi cả nước và căn cứ sản lượng xăng dầu thực xuất bán tại thị trường nội địa, thị phần thực tế của Petrolimex khoảng 40-42%. Bên cạnh mặt hàng xăng dầu, tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex còn có các hàng hóa, dịch vụ khác như dầu mỡ nhờn, gas, bảo hiểm, ngân hàng, v.v... do các đơn vị thành viên Petrolimex sản xuất, cung cấp. Petrolimex luôn tiên phong trong việc áp dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn đồng thời đảm bảo công tác an toàn, an ninh năng lượng, quản lý và kinh doanh có hiệu quả.

Tên giao dịch:

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM

Tên viết tắt:

PETROLIMEX

📍 Số 1 Khâm Thiên, Phường Văn Miếu
– Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

☎ (+84) 24 3851 2603

Mã cổ phiếu:

PLX

Giấy CNĐKDN số:

0100107370

☎ (+84) 24 3851 9203

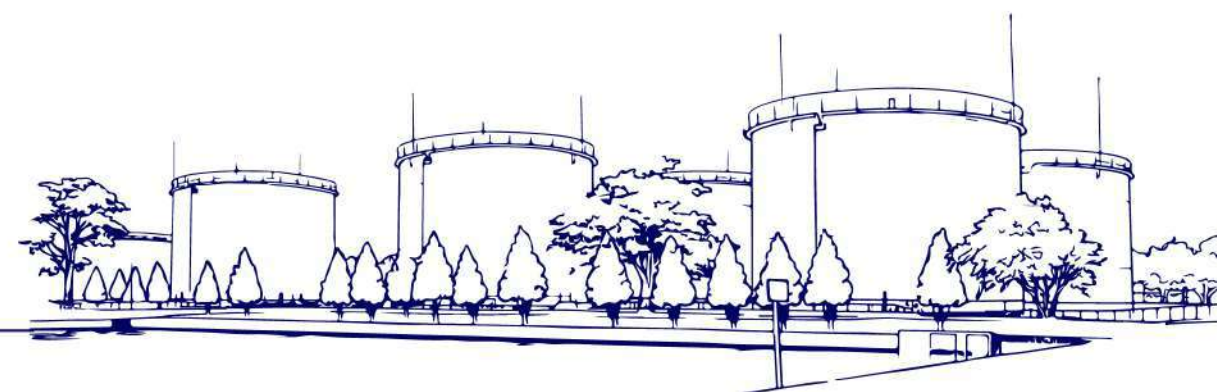
🌐 <http://www.petrolimex.com.vn>

Vốn điều lệ:

12.938.780.810.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

12.938.780.810.000 đồng



CÁC CON SỐ NỔI BẬT

Giữ vững vị trí số

01

thị trường kinh doanh
xăng dầu Việt Nam



Tổng sản lượng hợp nhất

17,7 triệu m³/tấn

Tổng doanh thu hợp nhất

309.875 tỷ đồng

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế

3.643 tỷ đồng

Nộp ngân sách nhà nước

30.815 tỷ đồng

Tổng giá trị các hoạt động
an sinh xã hội

240 tỷ đồng

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2025



Petrolimex được Brand Finance vinh danh **Top 100** thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2025



Petrolimex được Forbes Việt Nam vinh danh **Top 25** thương hiệu dẫn đầu trong ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ.



Petrolimex được Forbes Việt Nam vinh danh lọt **Top 50** công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, dẫn đầu về doanh thu.



Petrolimex được VNReport công bố **Top 500** Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025 (Petrolimex xếp hạng thứ 3).



Petrolimex là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất nhận giải thưởng **ASEAN-OSHNET về an toàn vệ sinh lao động** trong khu vực Đông Nam Á.



Petrolimex được vinh danh là **"Không gian trưng bày tiêu biểu"** tại Triển lãm thành tựu đất nước, ghi nhận đóng góp trong chuỗi sự kiện 80 năm Quốc khánh nước Việt Nam.



Petrolimex nhận được bằng khen của **Thủ tướng Chính phủ** trao tặng cho **Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy.**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2011–2017

2011

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam được hình thành từ việc cổ phần hóa và cấu trúc lại Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam và tổ chức thành công IPO

2014

Ký biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược với JX Nippon Oil & Energy Nhật Bản

2016

Phát hành thành công cổ phần riêng lẻ và hợp tác chiến lược với JX Nippon Oil & Energy Việt Nam

2017

Chính thức niêm yết trên sàn HOSE và trở thành doanh nghiệp niêm yết hàng đầu trên sàn chứng khoán Việt Nam

1956–1995

1956

Thành lập Tổng công ty Xăng dầu mỡ

1970

Đổi tên thành Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam

1992

Liên doanh với British Petroleum Oil

1995

Sáp nhập Công ty Dầu lửa Quốc gia

2022–2024

2022

Ký kết Thỏa thuận Hợp tác với VinFast về việc kinh doanh hệ thống trạm sạc xe điện tại hệ thống CHXD của Petrolimex

2023

Phát hành hóa đơn điện tử và hóa đơn theo từng log bán hàng trên toàn hệ thống CHXD của Petrolimex

2024

Phát động phong trào thực hiện giảm phát thải nhà kính hướng đến mục tiêu trung hòa carbon và Net zero của Petrolimex

2018–2021

2018

Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc hợp tác đầu tư phát triển năng lượng sạch LNG

2019

Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác cùng JX Nippon Oil & Energy về nghiên cứu trong lĩnh vực LNG và LPG tại Việt Nam

2021

Hợp tác với HDBank triển khai hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt tại hệ thống tất cả các CHXD của Petrolimex trên toàn quốc

2025

Ngày 01/06/2025:

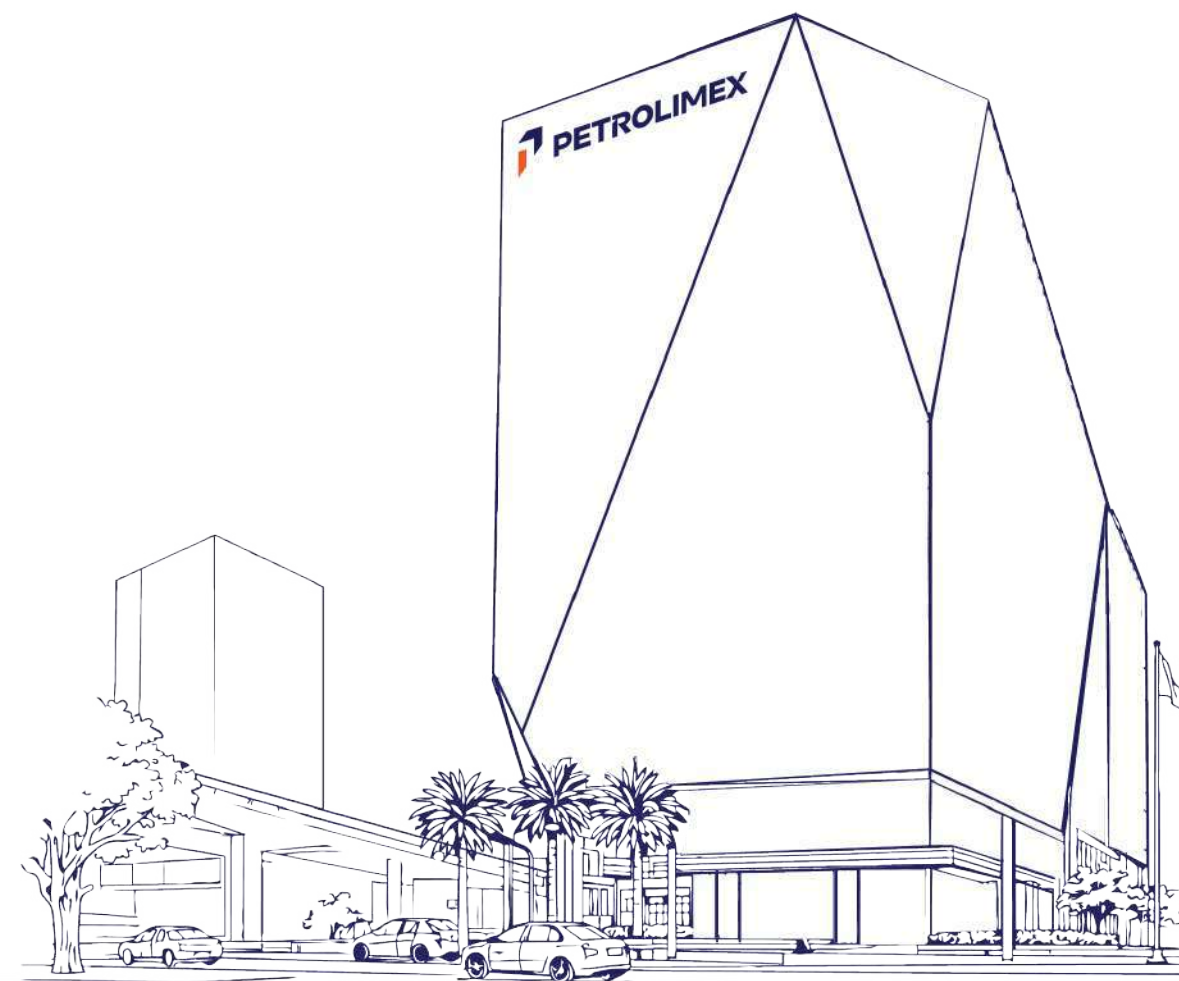
Áp dụng quy trình phát hành hóa đơn điện tử theo từng lần bán

Ngày 01/08/2025:

Tiên phong kinh doanh xăng sinh học E10 nhằm giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện cam kết Net zero vào năm 2050.

Ngày 01/10/2025:

Tái cấu trúc hệ thống từ 51 xuống còn 34 CTXD trực thuộc và sáp nhập Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex vào Tập đoàn.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN.

Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.



XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY.

Chi tiết: Xây dựng công trình thủy.



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN VẬN TẢI.

Chi tiết: Thuê và cho thuê tàu vận tải xăng dầu



XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI KHOÁNG.

Chi tiết: Xây dựng công trình khai khoáng.



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ TRỰC TIẾP CHO VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY.

Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng dầu để nhập và xuất xăng dầu



XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO.

Chi tiết: Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.



BÁN BUÔN MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ PHỤ TÙNG MÁY KHÁC.

Chi tiết: Máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành xăng dầu và các ngành khác



XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG KHÁC.

Chi tiết: Dịch vụ xây lắp, tu sửa, bảo quản các công trình xăng dầu, sản phẩm hóa dầu và công trình dân dụng



TƯ DUY MỚI - DẪN TƯƠNG LAI

23



SẢN XUẤT KHÁC CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐẦU.

Chi tiết: Sản xuất xăng dầu



HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH KHÁC CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐẦU.

- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- + Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, áp dụng các công cụ, nghiệp vụ phái sinh phù hợp với thông lệ quốc tế để giao dịch, mua bán xăng dầu
- + Hoạt động cho doanh nghiệp thành viên thuê văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác



VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ.

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu



KHO BÃI VÀ LƯU GIỮ HÀNG HÓA (KHÔNG BAO GỒM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN).

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu



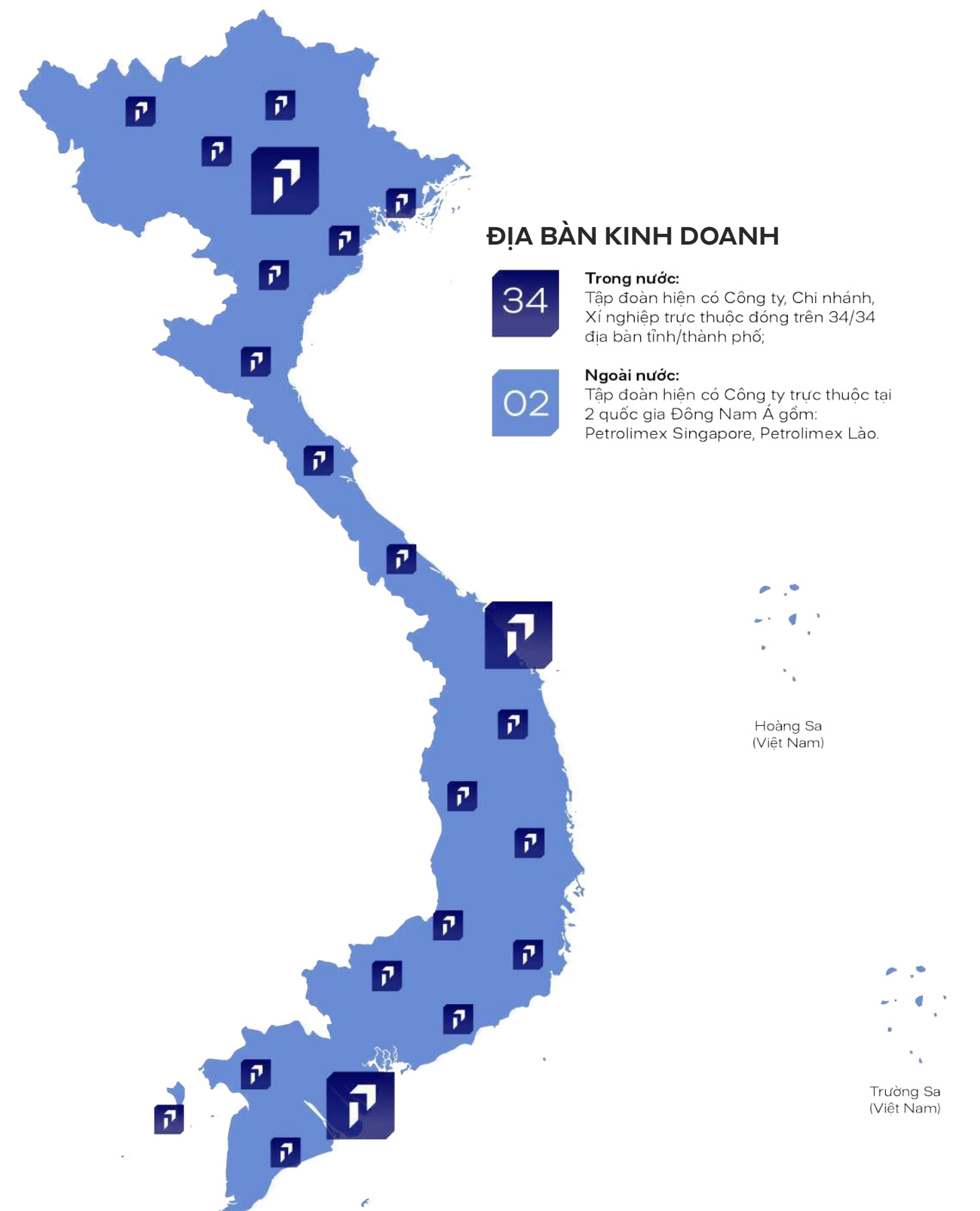
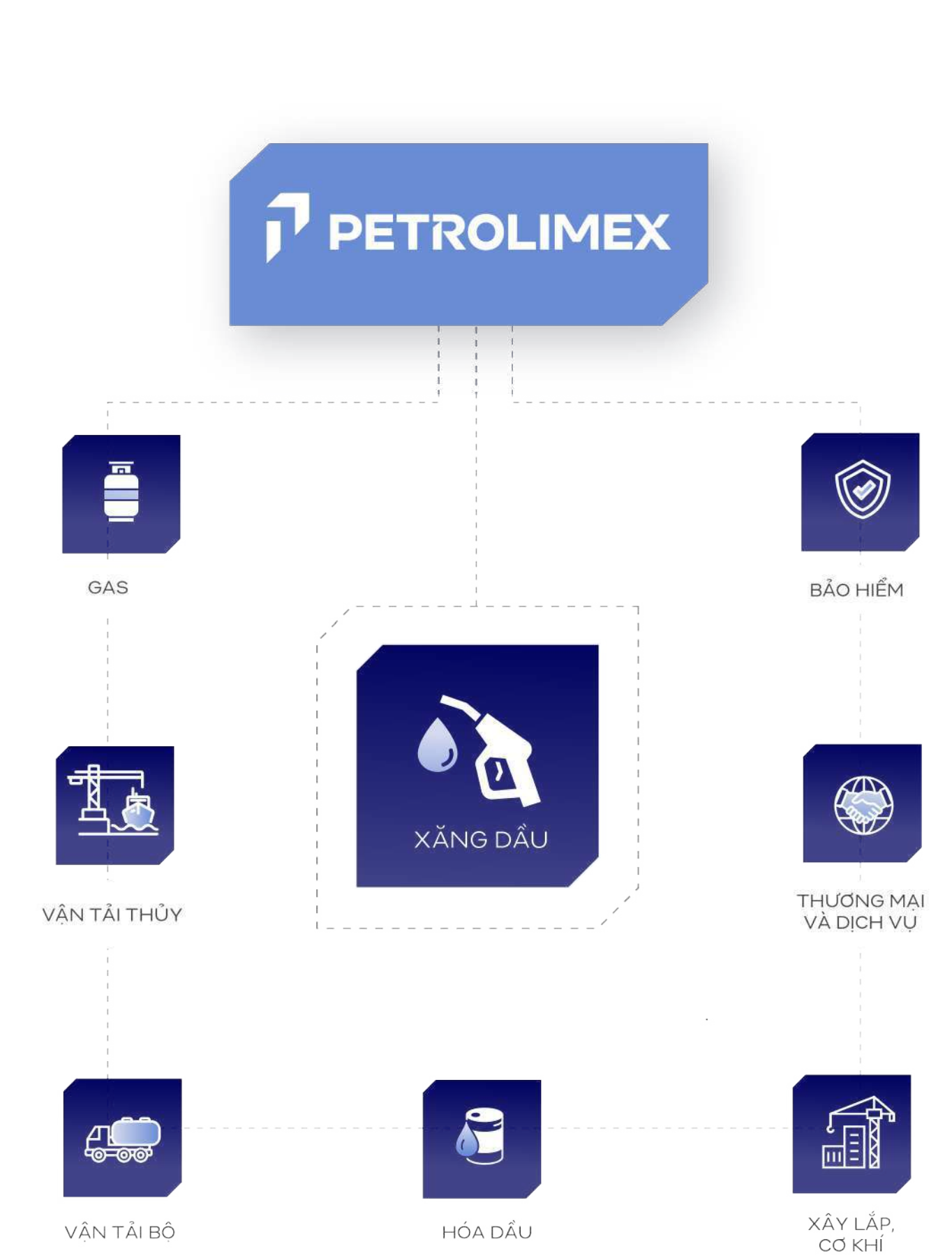
ĐẦU TƯ VỐN VÀO CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC ĐỂ KINH DOANH CÁC NGÀNH NGHỀ MÀ PETROLIMEX ĐANG KINH DOANH.



BÁN LẺ NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ TRONG CÁC CỬA HÀNG CHUYÊN DOANH.

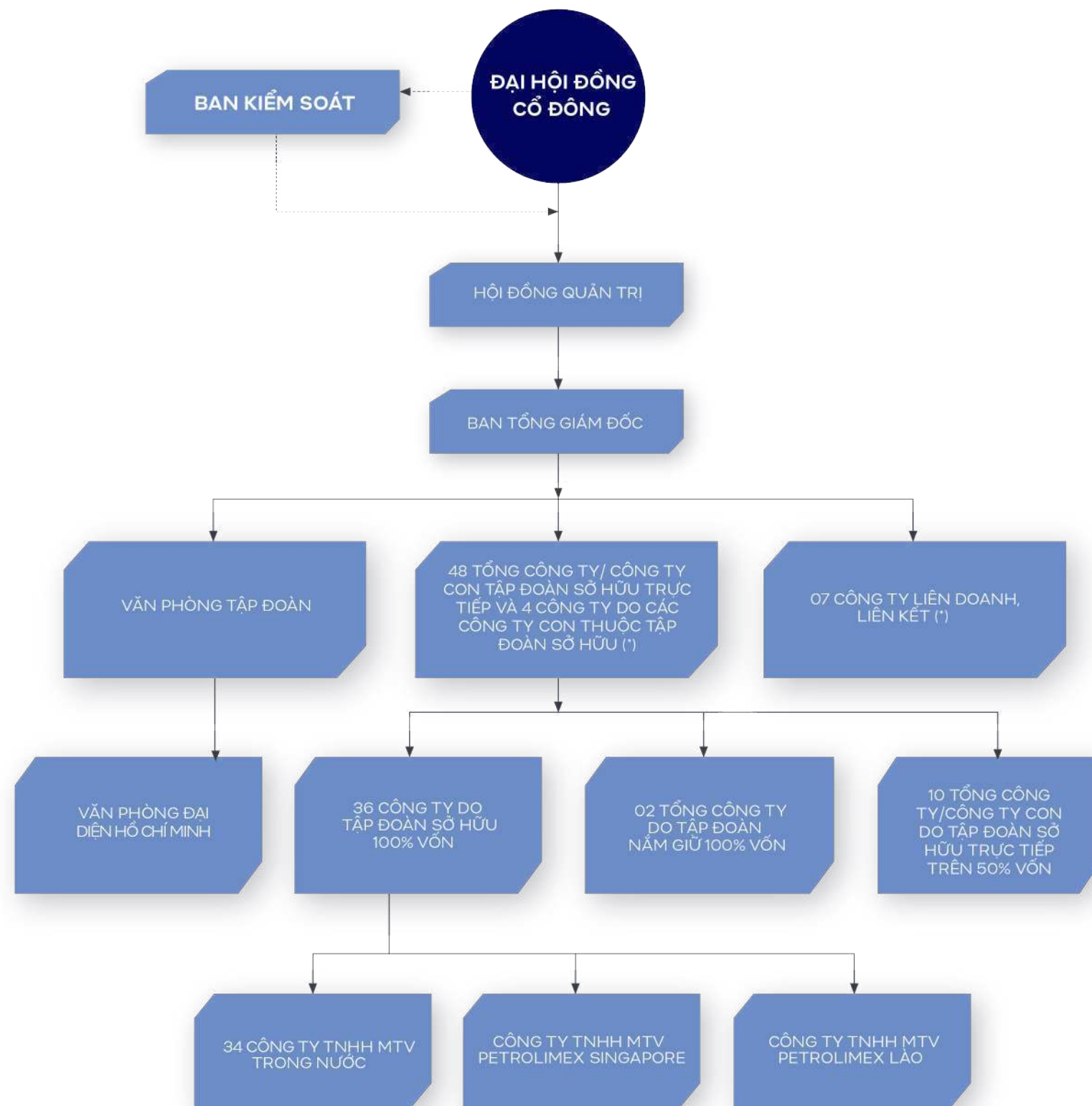
- + Kinh doanh xăng dầu
- + Kinh doanh phân phối xăng dầu

NGÀNH HÀNG KINH DOANH CHÍNH



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

36

Công ty con kinh doanh xăng dầu Tập đoàn nắm giữ 100% vốn và 15 chi nhánh trực thuộc các công ty.

Trong đó:

34

Công ty TNHH MTV
Xăng dầu trong nước

01

Công ty TNHH MTV
tại Lào

01

Công ty TNHH MTV
tại Singapore

02

Tổng công ty do

Tập đoàn nắm giữ 100% vốn(*)

- Tổng Công ty Vận tải thủy (PGT),
- Tổng Công ty xây lắp và thương mại Petrokimex (PGCC).

10

Tổng Công ty/Công ty con do
Tập đoàn sở hữu trực tiếp trên
50% vốn (**)

- Tổng Công ty Hóa dầu Petrokimex (PLC),
- Tổng Công ty Gas Petrokimex (PGC),
- Công ty TNHH Liên doanh kho ngoại quan xăng dầu Vân Phong,
- Công ty cổ phần Nhiên liệu bay Petrokimex (PA),
- Công ty cổ phần thương mại và vận tải Petrokimex Hà Nội,
- Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrokimex Hà Tây,
- Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrokimex Nghệ Tĩnh,
- Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrokimex Huế,
- Công ty cổ phần thương mại và vận tải Petrokimex Đà Nẵng,
- Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrokimex Sài Gòn.

07

Công ty liên doanh, liên
kết do Tập đoàn sở hữu
trên 20% vốn điều lệ.

(*), (**) Từ ngày 01/10/2025, thực hiện sáp nhập Tổng công ty dịch vụ Petrokimex (PTC) về Tập đoàn theo Nghị quyết số 356/PLX-NQ-HĐQT ngày 25/09/2025. Theo đó, 6 công ty con trực thuộc PTC được chuyển giao quản lý trực tiếp về Tập đoàn

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM VĂN THANH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: **1972**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Kế toán

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)

Quá trình công tác:

- 2005 – 2009: Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản và Hỏa hoạn – Văn phòng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex
- 2009 – 2013: Giám đốc Chi nhánh PJICO Hải Phòng – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex
- 2013 – 2018: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiên liệu Bay Petrolimex
- 2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông LƯU VĂN TUYỂN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: **1969**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Thạc sĩ Kinh tế

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Petrolimex

Quá trình công tác

- 2002 – 2008: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2008 – 2012: Trưởng phòng Tổng hợp trực thuộc Trung tâm Tài chính Kế toán Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam/Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2012 – 2019: Kế toán trưởng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2019 – 25/6/2023: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 26/6/2023 – 17/07/2025: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 18/07/2025 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông TRẦN NGỌC NĂM

Thành viên HĐQT

Năm sinh: **1965**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Petrolimex

Quá trình công tác

- 2002 – 2003: Kế toán trưởng Công ty Xăng dầu KVI
- 2003 – 2008: Kế toán trưởng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2008 – 2011: Giám đốc Trung tâm Tài chính Kế toán Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2011 – 2012: Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm Tài chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2012 – 2016: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2016 – 31/10/2021: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 01/11/2021 – 28/02/2022: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc phụ trách các công việc của Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 01/03/2022 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông

NGUYỄN ANH DŨNG

Thành viên HĐQT – Không điều hành

Năm sinh: **1971**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT TCT Vận tải Thủy Petrolimex

Quá trình công tác:

- 1996 – 1997: Phó Chánh Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 1997 – 2002: Phó Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (01/1999: kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty)
- 2002 – 2005: Phó Trưởng phòng Xuất Nhập khẩu Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2005 – 2013: Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm PJICO
- 2013 – 2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex
- 2016 – nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2018 – nay: Chủ tịch HĐQT TCT Vận tải Thủy Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT TCT Vận tải Thủy Petrolimex



Ông

TRẦN TUẤN LINH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: **1980**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản lý kinh doanh, Thạc sĩ ngành Tài chính và Kiểm soát quản trị.

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

- 2009 – 2013: Chuyên viên các Ban Tổng Hợp, Ban Hedging – Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Ban Kiểm toán – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.
- 2016–2018: Phó Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2018–2020: Trưởng Ban Quản trị rủi ro – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2020–2024: Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.
- 26/4/2024 đến nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác:

- Thành viên HĐQT Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (đã thôi kể từ ngày 01/10/2025);
- Thành viên HĐQT Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex (đã thôi kể từ ngày 18/4/2025)



Ông

ĐINH THÁI HƯƠNG

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: **1960**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Hóa

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Quá trình công tác:

- 1990 – 1994: Trưởng phòng Tổ chức – Lao động tiền lương Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu, Công ty Xăng dầu Khu vực I
- 1994 – 1997: Trưởng phòng Tổ chức – Lao động tiền lương, Công ty Hóa dầu Petrolimex.
- 2004–2011: Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2011–2020: Chủ tịch Công đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2020–2024: Nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội
- Từ 26/4/2024 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông

ENDO TSUYOSHI

Thành viên HĐQT

Năm sinh: **1973**

Quốc tịch: **Nhật Bản**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tiếp thị và Tài chính

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác:

- 1996 – 2012: Gia nhập vào Công ty Esso Sekiyu K.K.
- 2012 – 2016: Quản lý Mua hàng nhóm Dầu thô, Chi nhánh Singapore, Bộ phận Cung ứng và Mua hàng, Công ty Tonen General Sekiyu K.K.
- 2016 – 2017: Quản lý Tối ưu sản phẩm, Tối ưu Cung ứng, Bộ phận Cung ứng và Mua hàng, Công ty Tonen General Sekiyu K.K.
- 2017–2019: Phó Trưởng Chi nhánh Kanto, Tập đoàn ENEOS Corporation, trước đây là JXTG Nippon Oil & Energy)
- 2019 – 2021: Phó Trưởng Chi nhánh Osaka, Tập đoàn ENEOS Corporation (trước đây là JXTG Nippon Oil & Energy)
- 2021 – 2024: Trưởng phòng Tư vấn, Công ty TNHH ENEOS Vietnam
- Tháng 4/2024 – nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH ENEOS Vietnam, Thành viên HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác:

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH ENEOS Vietnam

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông
TRẦN NGỌC NĂM

Phó Tổng Giám đốc

(Chi tiết về Ông Trần Ngọc Năm vui lòng xem trang 29)

Ông
LƯU VĂN TUYẾN

Tổng Giám đốc

(Chi tiết về Ông Lưu Văn Tuyến vui lòng xem trang 29)



Ông
NGUYỄN QUANG DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: **1972**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Công nghệ Hóa học

Trình độ Lý luận chính trị: Cử nhân

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 1996 – 2005: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật xăng dầu, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2005 – 2006: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất PTN
- 2006 – 2009: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất PTN
- 2009 – 2012: Trưởng ban Phát triển Doanh nghiệp – Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam/Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2012 – 2017: Trưởng ban Chiến lược & Đầu tư Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông
NGUYỄN VĂN SỰ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: **1966**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 1997 – 2001: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dầu nhờn, nay là Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex
- 2001 – 2005: Thành viên HĐQT (chuyên trách) kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất PTN
- 2005 – 2008: Trưởng phòng Phát triển Doanh nghiệp – Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2008 – 2017: Chánh Văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam/Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Castrol – BP Petco
- Thành viên HĐQT Công ty CP Hóa dầu Quân đội



Ông NGUYỄN XUÂN HÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: **1965**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 2012 – 2018: Trưởng phòng Xuất Nhập khẩu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông NGUYỄN SỸ CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: **1974**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kinh tế đối ngoại

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 2012 – 2015: Hiệu trưởng Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương
- 2015 – 2018: Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ Công thương
- 2018 – 2020: Phó Chánh Văn phòng, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
- 2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông NGUYỄN NGỌC TÚ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: **1981**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ ngành Tài chính và kiểm soát quản trị

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 2013 – 2016: Phó Trưởng Ban Kiểm Toán – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2016 – 2018: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Petro-limex Singapore
- 2018 – 2023: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore
- 01/7/2023 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: **1968**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 2009 – 2013: Phó Trưởng phòng Hàng hải, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam
- 2013 – 2016: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Vận tải Thủy Petrolimex
- 2016–2024: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Vận tải Thủy Petrolimex.
- 01/5/2024 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



Ông NGUYỄN BÁ TÙNG

(ĐÃ THÔI LÀM KẾ TOÁN TRƯỞNG TỪ NGÀY 01/10/2025)

Kế toán trưởng

Năm sinh: **1972**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tín dụng

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 2008 – 2018: Trưởng phòng Tài chính – Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam/Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2018 – 2019: Trưởng phòng Tổng hợp – Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 2019 – 30/09/2025: Kế toán trưởng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam



Ông PHẠM VĂN QUANG

Kế toán Trưởng

Năm sinh: **1974**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính–Tín dụng, Cử nhân Đại học Tài chính – Kế toán

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Kế toán trưởng

Quá trình công tác

- 2008–2016: Giám đốc Chi nhánh Hải Dương, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex
- 2016–2017: Giám đốc Chi nhánh Cát Bi, Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex
- 2017–2023: Kế toán trưởng Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex
- 01/4/2023–: Phó Trưởng Ban Quản trị rủi ro HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 01/10/2023: Quyền Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh
- 01/4/2025: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Ninh
- 01/10/2025 đến nay: Kế toán trưởng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông
ĐẶNG QUANG TUẤN

Trưởng Ban Kiểm soát



Bà
HOÀNG MAI NINH

Kiểm soát viên



Bà
ĐÌNH THỊ KIỀU TRANG

Kiểm soát viên



Ông
OKUMA ATSUSHI

Kiểm soát viên



Ông
MAI VIỆT DŨNG

Kiểm soát viên

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tổng quan ngành xăng dầu	42
Yếu tố tạo động lực tăng trưởng	44
Định hướng phát triển	46

CHƯƠNG

02



TỔNG QUAN NGÀNH XĂNG DẦU

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và bất định. Căng thẳng địa chính trị gia tăng, đặc biệt là việc xung đột Nga – Ukraine kéo dài, cùng với những biến động trong chính sách thương mại quốc tế và rủi ro từ thuế quan của Hoa Kỳ đã tác động đến thương mại, đầu tư và thị trường tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh đó, giá các hàng hóa cơ bản, đặc biệt là năng lượng và xăng dầu biến động khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành kinh tế.

Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, về cơ bản nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước năm 2025 được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, thị trường xăng dầu nội địa chịu tác động lớn bởi giá xăng dầu thế giới với diễn biến khó đoán định, đặc biệt trong những tháng cuối năm giá xăng dầu thế giới liên tục biến động theo hướng giảm. Cùng với đó, xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh, sạch ngày càng rõ nét và không thể đảo ngược để thích ứng với tình hình mới.

Trong bối cảnh đó, Petrolimex đã chủ động triển khai nhiều giải pháp điều hành đồng bộ, linh hoạt nhằm đảm bảo nguồn cung xăng dầu ổn định cho thị trường nội địa trong mọi tình huống. Tập đoàn tiếp tục phát huy vai trò doanh nghiệp chủ lực trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, duy trì hệ thống phân phối rộng khắp, góp phần bình ổn thị trường và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời giữ vững vị thế doanh nghiệp dẫn đầu với khoảng 40–42% thị phần xăng dầu cả nước.

DẪN ĐẦU NGÀNH VỚI

40–42%

Thị phần Xăng dầu cả nước



YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

ĐỘNG LỰC TỪ BỐI CẢNH VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM



Kinh tế phục hồi mạnh, kỳ vọng tăng trưởng hai con số nhờ đẩy mạnh công nghiệp hóa và phát triển hạ tầng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu gia tăng ổn định.

XU THẾ CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU



Cam kết Net Zero 2050 của Việt Nam mở ra không gian phát triển cho năng lượng xanh, nhiên liệu sinh học. Petrolimex có cơ hội tiên phong dẫn dắt quá trình chuyển dịch này.

ĐẦU TƯ CÔNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG



Chương trình đầu tư công 2026-2030 với các dự án trọng điểm quốc gia tạo nhu cầu lớn về nhựa đường, nhiên liệu; đồng thời là cơ hội để Petrolimex tối ưu chuỗi cung ứng.

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



Các hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu, hợp tác quốc tế. Vị thế "landlink" kết nối Lào, Campuchia là động lực mở rộng thị trường nước ngoài.

ĐỘNG LỰC TỪ NỘI LỰC VÀ LỢI THẾ CẠNH TRANH

HỆ THỐNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỒNG BỘ



Mạng lưới kho cảng chiến lược trải dài toàn quốc với tổng dung lượng chứa lớn nhất cả nước; hệ thống cửa hàng phủ rộng 63 tỉnh, thành; đội tàu vận tải hiện đại.

NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO



Đội ngũ giàu kinh nghiệm, gắn bó; văn hóa doanh nghiệp "Kỷ cương - Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả".

NĂNG LỰC PHA CHẾ VƯỢT TRỘI



Là doanh nghiệp duy nhất làm chủ công nghệ pha chế SAP cho nhiên liệu bay, đáp ứng tiêu chuẩn IATA, ICAO; cung cấp xăng dầu chất lượng cao Euro V, hướng tới Euro VI.

HỢP TÁC QUỐC TẾ



Quan hệ chiến lược với các tập đoàn năng lượng hàng đầu (Idemitsu, JX Nippon, Kuwait Petroleum...).

NỀN TẢNG TÀI CHÍNH VỮNG MẠNH



Tiềm lực tài chính lành mạnh, khả năng huy động vốn linh hoạt, quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế.

THƯƠNG HIỆU VÀ THỊ PHẦN DẪN ĐẦU

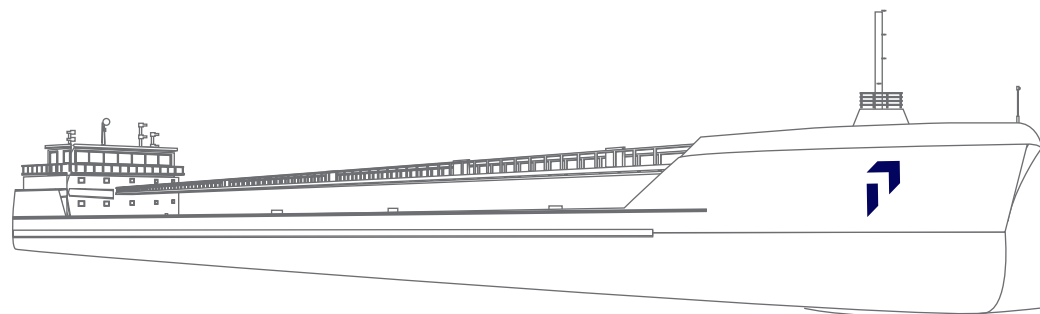


Hơn 70 năm uy tín, thị phần xăng dầu chiếm ưu thế tuyệt đối trên thị trường nội địa.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN



Xây dựng Trung tâm Dữ liệu lớn, Trung tâm Đổi mới Sáng tạo; ứng dụng AI, IoT trong quản lý chuỗi cung ứng và dự báo thị trường.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2026

01

GIỮ VỮNG VỊ THẾ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG XĂNG DẦU VIỆT NAM.

02

HOÀN THÀNH CƠ BẢN LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN.

03

PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG XANH: MỞ RỘNG TRẠM SẠC XE ĐIỆN, LẮP ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI TẠI TỐI THIỂU 30% CỬA HÀNG

04

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC, ĐÀO TẠO CHUYÊN SÂU VỀ QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO.

05

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU UY TÍN, CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



CHIẾN LƯỢC DẪN ĐẦU

- Giữ vững vai trò cốt lõi của lĩnh vực xăng dầu; tối ưu chuỗi cung ứng thông minh.
- Khẳng định vị thế nhà cung cấp nhiên liệu bay hàng đầu, làm chủ công nghệ pha chế SAP, tiên phong phát triển nhiên liệu hàng không bền vững (SAF).
- Cung cấp xăng dầu chất lượng cao đạt Euro V, hướng tới Euro VI; phát triển xăng sinh học E5, E10.
- Đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu và hợp tác quốc tế.



CHIẾN LƯỢC CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG XANH

- Đầu tư hạ tầng năng lượng xanh (kho cảng hiện đại, cửa hàng tích hợp trạm sạc, điện mặt trời áp mái).
- Nghiên cứu tham gia thị trường tín chỉ carbon, phát triển dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn.
- Mục tiêu đến 2026: trở thành doanh nghiệp tiên phong năng lượng xanh tại Việt Nam.



CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN DIỆN

- Xây dựng hệ sinh thái số đồng bộ, lấy dữ liệu làm trung tâm.
- Đầu tư Trung tâm Dữ liệu lớn, Trung tâm Nghiên cứu và Đổi mới Sáng tạo.
- Ứng dụng AI, IoT, blockchain vào quản lý chuỗi cung ứng, dự báo thị trường, tối ưu logistics.
- Mục tiêu đến 2026: dẫn đầu về chuyển đổi số trong ngành năng lượng khu vực.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRỌNG TÂM KHÁC



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ ESG

- Môi trường: Cắt giảm phát thải khí nhà kính xuyên suốt chuỗi cung ứng; đầu tư công nghệ xử lý khí thải, thu hồi hơi xăng dầu; nâng cao năng lực ứng phó sự cố tràn dầu.
- Xã hội: Triển khai chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng; đồng hành cùng ngư dân qua chương trình "Một triệu lá cờ Tổ quốc cùng ngư dân bám biển".
- Quản trị: Hoàn thiện mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế, nâng cao minh bạch; xây dựng văn hóa tuân thủ, phòng chống tham nhũng.



CHIẾN LƯỢC MỞ RỘNG HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

- Củng cố và nâng cao hiệu quả tại thị trường Lào, nghiên cứu thâm nhập thị trường mới.
- Tăng cường hợp tác chiến lược với các tập đoàn năng lượng hàng đầu thế giới.
- Thu hút đầu tư nước ngoài vào các dự án trọng điểm về năng lượng tái tạo, hạ tầng xanh và logistics.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

- Thu hút và giữ chân nhân tài với chính sách đãi ngộ cạnh tranh, môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Đào tạo chuyên sâu về quản trị hiện đại, chuyển đổi số, năng lượng tái tạo, quản trị rủi ro.
- Chủ động quy hoạch đội ngũ kế thừa, đảm bảo sự phát triển liên tục.



CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

- Xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện, tích hợp các loại rủi ro thị trường, tài chính, pháp lý; ứng dụng công nghệ cảnh báo sớm.
- Nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quốc tế.
- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổ chức và nhân sự	52
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tập đoàn	60
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	64
Báo cáo của Ban Kiểm soát	88
Tình hình tài chính hợp nhất	90
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	94

CHƯƠNG

03



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ

TT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần chuyển nhượng tự do (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn	Lợi ích liên quan đối với Tập đoàn
1	Lưu Văn Tuyền	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	-	Không	Không	Không
2	Trần Ngọc Năm	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	5.000	0,00039%	Không	Không	Không
3	Nguyễn Văn Sự	Phó Tổng Giám đốc	-	-	Không	Không	Không
4	Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	8.100	0,00063%	Không	Không	Không
5	Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	6.000	0,00046%	Không	Không	Không
6	Nguyễn Sỹ Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-	Không	Không	Không
7	Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	2.350	0,00018%	Không	Không	Không
8	Nguyễn Đình Dương	Phó Tổng Giám đốc	-	-	Không	Không	Không

(*) Cổ phần sở hữu cá nhân

Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc năm 2025:

- › Ông Đào Nam Hải thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ tháng 5/2025.
- › Ông Lưu Văn Tuyền được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 18/7/2025.



số cán bộ công nhân viên

19.367

người

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

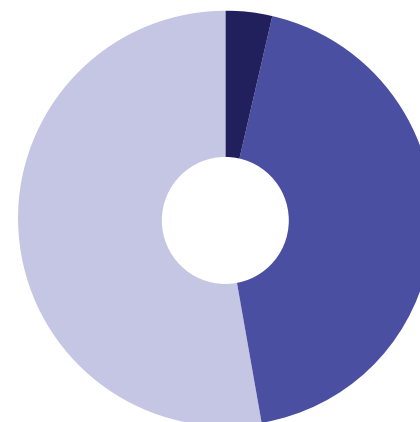
Petrolimex chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, giàu chuyên môn và gắn bó lâu dài, coi người lao động là yếu tố trung tâm đóng góp vào thành công chung. Trong năm 2025, dù có nhiều thay đổi về tổ chức, Tập đoàn vẫn duy trì định hướng nhân văn với mục tiêu "không ai bị bỏ lại phía sau", đồng thời đẩy mạnh đào tạo, phát triển và không ngừng hoàn thiện chính sách đãi ngộ, phúc lợi nhằm nâng cao sự gắn kết và niềm tin của người lao động.

Tổng quan lực lượng lao động năm 2025

Tính đến 31/12/2025, số CBCNV của riêng khối kinh doanh xăng dầu (Tập đoàn và 34 Công ty TNHH MTV Petrolimex) là 19.367 người, tăng khoảng 0,7% so với năm 2024 (chủ yếu để bố trí tại các CHXD phát triển mới và tăng cường vào các CHXD do sản lượng bán tăng cao...).

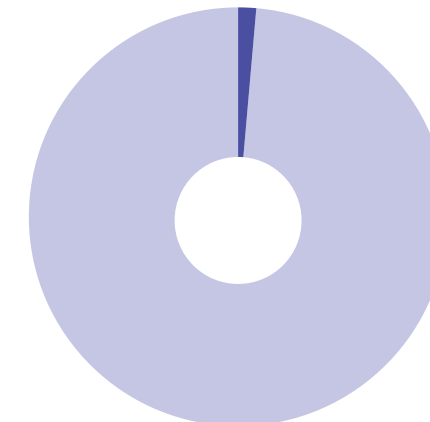
Cơ cấu nhân sự của Khối kinh doanh xăng dầu (gồm Tập đoàn và 34 Công ty TNHH MTV Petrolimex):

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ



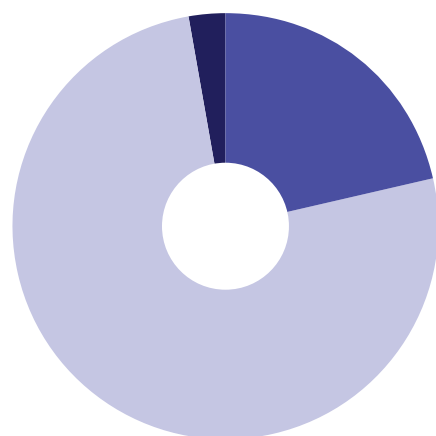
Cao đẳng trở xuống	10.193	người
Đại học, Cao đẳng	8.422	người
Trên Đại học	752	người

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO KHỐI CHỨC NĂNG



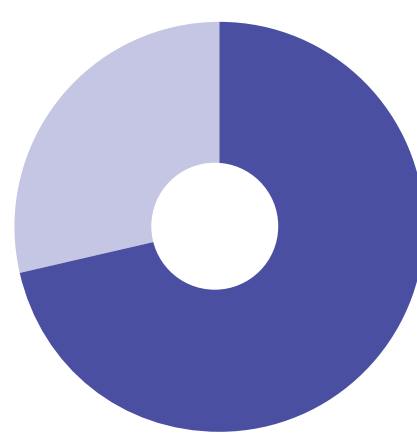
Tập đoàn	300	người
34 Công ty TNHH MTV Petrolimex	19.067	người

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI



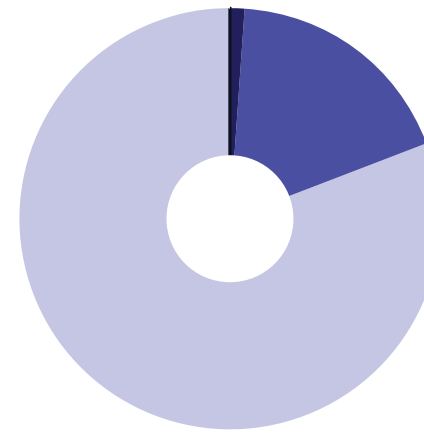
Từ 30 tuổi trở xuống	4.170	người
Từ 31 – 55 tuổi	14.693	người
Trên 55 tuổi	504	người

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH



NAM	13.848	người
NỮ	5.519	người

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO PHÂN CẤP QUẢN LÝ



Người quản lý và Kiểm soát viên Tập đoàn	16	người
Người quản lý và Kiểm soát viên chuyên trách 34 Công ty TNHH MTV Petrolimex	221	người
Lao động Văn phòng (Tập đoàn và 34 Công ty TNHH MTV Petrolimex):	3.480	người
Lao động trực tiếp SXKD	15.650	người

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lương, thưởng



Tiền lương thực chi bình quân năm 2025 các Công ty là 17,70 triệu đồng/người/tháng, bằng khoảng 101,4% so với năm 2024 (17,45 triệu đồng/người/tháng);

Thu nhập thực chi bình quân năm 2025 các Công ty là 20,90 triệu đồng/người/tháng, bằng khoảng 104,5% so với năm 2024 (20,01 triệu đồng/người/tháng);

Tiền lương và thu nhập bình quân thực chi năm 2025 tăng so với năm 2024 do sản lượng và năng suất lao động tăng so với năm 2024.

Tiền lương thực chi bình quân

17,70 triệu đồng/người/tháng

Thu nhập thực chi bình quân

20,90 triệu đồng/người/tháng

Chế độ hợp đồng lao động và bảo hiểm



Petrolimex thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định. Petrolimex ký hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động. Petrolimex thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp hưu trí, thai sản,...

Chế độ thai sản



Petrolimex thực hiện đầy đủ, kịp thời đảm bảo đúng theo quy định BHXH, BHYT. Bên cạnh đó, người lao động Petrolimex còn được tạo các điều kiện nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe trong giai đoạn mang thai và sau khi sinh nở khi có nhu cầu và phù hợp theo điều kiện từng đơn vị nơi nhân viên đang công tác.

Petrolimex đảm bảo bố trí sắp xếp người lao động sau thời gian nghỉ thai sản được làm công việc theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Các chế độ chính sách phúc lợi khác



CBCNV của Petrolimex được hưởng các chế độ khác từ nguồn Quỹ phúc lợi và từ các quy định cụ thể trong Thỏa ước lao động tập thể. Ngoài ra, Petrolimex trích 01 tháng lương từ chi phí để chi những khoản như mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, tham quan nghỉ mát, hỗ trợ tàu xe dịp lễ, Tết, ... cho người lao động. Mức chi và nội dung chi phụ thuộc vào điều kiện thực tế của các đơn vị được quy định cụ thể trong của mỗi đơn vị.

Các chế độ về trợ cấp cơm ca, bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

Thực hiện đầy đủ các quy định tại Thỏa ước lao động tập thể giữa người sử dụng lao động và người lao động về quà trong các ngày lễ, Tết, ốm đau, phúng viếng, ...

Triển khai thực hiện mua Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện từ chi phí kinh doanh cho toàn bộ CBCNV theo lộ trình.

Giáo dục và đào tạo



Tập đoàn đẩy mạnh đào tạo nội bộ và bên ngoài, đồng thời tập trung phát triển nhân sự ở các lĩnh vực then chốt nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Tiêu biểu là chương trình đào tạo tại Mỹ về quản trị kinh doanh, lãnh đạo toàn cầu và chuyển dịch năng lượng xanh... cho cả Lãnh đạo Tập đoàn cũng như các đơn vị thành viên.

Bên cạnh đó, Petrolimex tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để nghiên cứu xu hướng chuyển dịch năng lượng xanh phục vụ xây dựng chiến lược; xây dựng các khóa đào tạo và tổ chức các chương trình đào tạo liên quan đến chiến lược net-zero và trung hòa carbon.

Đ. C. P.

Kết quả thực hiện năm 2025

929

Học viên tham gia 36 Khóa học Chương trình đào tạo Cửa hàng trưởng Petrolimex.

282

Học viên tham gia Chương trình đào tạo Cán bộ Lao động tiền lương Petrolimex.

1.848

Lượt học viên tham gia các khóa đào tạo về kỹ thuật công nghệ và đầu tư.

24.340

Lượt học viên tham dự các khóa đào tạo về ATVSLĐ, PCCC và cứu nạn cứu hộ, BVMT.

667

Lượt học viên tham gia các chương trình đào tạo về lý luận chính trị và an ninh quốc phòng.

4.791

Lượt học viên tham gia 29 Khóa học, Chương trình đào tạo hỗ trợ Thương nhân nhượng quyền Petrolimex.

31.241

Lượt học viên tham gia các khóa đào tạo về CĐS, TĐH và hệ thống quản trị CNTT.

22

Học viên tham gia các chương trình đào tạo dài hạn trình độ trên đại học, đại học và ngoại ngữ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực hội nhập quốc tế.

17.566

Lượt học viên tham gia các chương trình đào tạo khác liên quan đến nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung kiến thức và kỹ năng phục vụ công tác tại văn phòng, CHXD, kho xăng dầu và các lĩnh vực chuyên môn khác.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA PETROLIMEX

Đánh giá liên quan đến hoạt động kinh doanh

Trước những thách thức của thị trường năng lượng, Petrolimex kiên định theo đuổi định hướng phát triển bền vững gắn với lộ trình kinh tế xanh, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả vận hành và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Tập đoàn cũng tăng cường hợp tác chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước để bảo đảm an ninh nguồn cung, nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường năng lượng toàn cầu; qua đó hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tiếp tục khẳng định vai trò doanh nghiệp chủ lực trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và đóng góp tích cực vào ổn định kinh tế – xã hội.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Tập đoàn luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp và phương thức quản lý từ cấp Tập đoàn đến các đơn vị thành viên. Đáng chú ý, Tập đoàn tiên phong trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và đầu tư các giải pháp hiện đại nhằm kiểm soát, xử lý hiệu quả các vấn đề môi trường tại các công trình xăng dầu.

Song song với đó, Tập đoàn đặc biệt chú trọng công tác an sinh xã hội thông qua việc phối hợp chặt chẽ với các địa phương để triển khai các chương trình xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm lo các đối tượng chính sách, người có công, qua đó tăng cường sự gắn kết với cộng đồng. Năm 2025, Petrolimex đã trích 240 tỷ đồng từ lợi nhuận để thực hiện các hoạt động an sinh xã hội.

Đánh giá về các hoạt động của Ban điều hành

Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp, quy định tại Điều lệ, các quy định, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn. Tổng Giám đốc phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; chỉ đạo, định hướng các vấn đề quan trọng, cốt lõi của Tập đoàn và điều phối có hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành. Các Phó Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công.

Đặc biệt trong năm 2025, trước những diễn biến phức tạp của thị trường xăng dầu thế giới và trong nước, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời nhiều giải pháp từ khâu tạo nguồn cho đến chính sách kinh doanh, bán hàng, tài chính, kế toán, quản trị,... đảm bảo mang lại lợi ích tối ưu cho Tập đoàn, bám sát với các chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường, góp phần quan trọng, quyết định đến việc hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu cơ bản mà ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bắt thường thông qua trong năm 2025.

Đánh giá tổng thể, trong năm 2025, Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc, thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Bước sang năm 2026, bối cảnh kinh tế thế giới và thị trường năng lượng tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Xu hướng chuyển dịch năng lượng, tiến bộ của khoa học công nghệ và sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng đang tạo ra những tác động sâu rộng đối với các doanh nghiệp năng lượng. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam xác định tiếp tục phát huy vai trò doanh nghiệp nhà nước chủ lực trong lĩnh vực xăng dầu, đồng thời chủ động thích ứng với xu thế phát triển mới của ngành năng lượng.

Trước bối cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo bám sát mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Dựa trên tình hình thực tế, HĐQT sẽ ban hành Nghị quyết để ra mục tiêu duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa cổ đông và các bên liên quan, đồng thời xác định các biện pháp trọng tâm để thực hiện nhiệm vụ, tập trung vào các vấn đề then chốt sau đây:

01

Tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt của Petrolimex trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia

Tập trung chỉ đạo tổ chức hiệu quả hoạt động tạo nguồn, dự trữ, vận chuyển và phân phối xăng dầu, bảo đảm nguồn cung ổn định cho nền kinh tế trong mọi tình huống. Đồng thời nâng cao năng lực điều hành thị trường, tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh giá năng lượng thế giới biến động mạnh, qua đó góp phần ổn định thị trường và hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

02

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống

Tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, phát huy lợi thế của hệ thống hạ tầng logistics và mạng lưới phân phối rộng khắp. Song song với đó là việc đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị vốn và tài sản nhằm nâng cao giá trị doanh nghiệp và lợi ích cho cổ đông..

03

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực tiên tiến

Hội đồng quản trị chú trọng nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các chuẩn mực quốc tế về minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát rủi ro. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các đơn vị thành viên được tăng cường, bảo đảm các quyết sách chiến lược được triển khai hiệu quả, đồng thời nâng cao niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.

04

Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống

Hội đồng quản trị tiếp tục định hướng xây dựng Petrolimex trở thành doanh nghiệp năng lượng hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ và dữ liệu. Việc ứng dụng các công nghệ số trong quản trị, vận hành, kinh doanh và dịch vụ khách hàng sẽ được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa chi phí và cải thiện trải nghiệm của khách hàng.

05

Đẩy mạnh chiến lược phát triển bền vững và chuyển dịch năng lượng

Từng bước tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái năng lượng sạch, thân thiện với môi trường; thúc đẩy phát triển các sản phẩm nhiên liệu chất lượng cao, nhiên liệu sinh học và các giải pháp giảm phát thải. Đồng thời, Petrolimex tiếp tục triển khai các chương trình bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần thực hiện các cam kết quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

06

Nghiên cứu và phát triển các mô hình kinh doanh mới gắn với xu hướng chuyển đổi năng lượng và hệ sinh thái dịch vụ

Chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng và từng bước triển khai các mô hình kinh doanh mới tại hệ thống cửa hàng xăng dầu, như trạm sạc điện cho phương tiện giao thông sử dụng năng lượng điện, trạm đổi pin cho xe điện, đồng thời mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng tại cửa hàng xăng dầu. Trên nền tảng mạng lưới phân phối rộng khắp, Petrolimex hướng tới phát triển mô hình tổ hợp dịch vụ năng lượng và tiện ích hiện đại, qua đó đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng hiện có.

07

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và lan tỏa văn hóa Petrolimex

Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động có trình độ chuyên môn cao, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Đồng thời, chú trọng phát huy các giá trị văn hóa Petrolimex, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và gắn kết.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Mặc dù chịu tác động bởi nhiều yếu tố không thuận lợi, nhưng với vai trò là doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu chủ đạo của Nhà nước, Petrolimex luôn đồng hành chia sẻ trách nhiệm với Chính phủ và người dân, vừa phải đảm bảo nguồn xăng dầu phục vụ nhu cầu xã hội, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, vừa hạn chế những tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tập đoàn trong năm 2025.

Với tinh thần quyết tâm, nỗ lực của tập thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, linh hoạt, kịp thời, phấn đấu hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thứ nhất, Đảm bảo nguồn cung và bình ổn thị trường xăng dầu trong mọi tình huống, hoàn thành 111% hạn mức tổng nguồn được Bộ Công thương phân giao.

Thứ hai, Hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Thứ ba, Tích cực chỉ đạo phát triển, mở rộng trạm dịch vụ xe tải, trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc và hệ thống phân phối bán lẻ cả về số lượng và chất lượng;

Thứ tư, Công tác đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được tập trung theo hướng hiện đại, an toàn; trọng tâm là nâng cấp hệ thống kho, bể chứa, tuyến ống, cửa hàng xăng dầu; triển khai tự động hóa kho, đo mức tự động và đầu tư trang thiết bị PCCC, bảo vệ môi trường nhằm nâng cao năng lực dự trữ và cung ứng.

Thứ năm, Tập đoàn đã tăng cường kiểm soát, quản trị rủi ro trong giao nhận, vận chuyển xăng dầu; kiểm soát chặt chẽ hao hụt trong các khâu và rà soát, tối ưu đường vận động hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Thứ sáu, Thực hiện sắp xếp, sáp nhập các công ty xăng dầu, giảm từ 51 công ty xuống còn 34 công ty và tiến hành đổi tên các công ty. Đồng thời, tại Công ty mẹ – Tập đoàn, thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, sáp nhập Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex.

Thứ bảy, Xây dựng kế hoạch trung hòa carbon đến năm 2030, nhận Giấy chứng nhận cam kết năm 2025; mở rộng hợp tác V-Green, ENEOS, JCCP, triển khai trạm sạc điện, SAF, hydro, điện mặt trời, đổi pin xe điện, thí điểm tại 10 CHXD; Ra mắt sản phẩm Diesel B5 và SAF, duy trì Hotline Petrolimex nâng cao chất lượng dịch vụ.

Thứ tám, Công tác An sinh xã hội được quan tâm, chú trọng với tổng giá trị các hoạt động an sinh xã hội năm 2025 gần 240 tỷ đồng.

TỔNG SẢN LƯỢNG HỢP NHẤT

17,7 triệu m³, tấn

TĂNG 12% SO CÙNG KỲ NĂM 2024

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ

3.643 tỷ đồng

VƯỢT 14% KẾ HOẠCH NĂM 2025

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

309.875 tỷ đồng

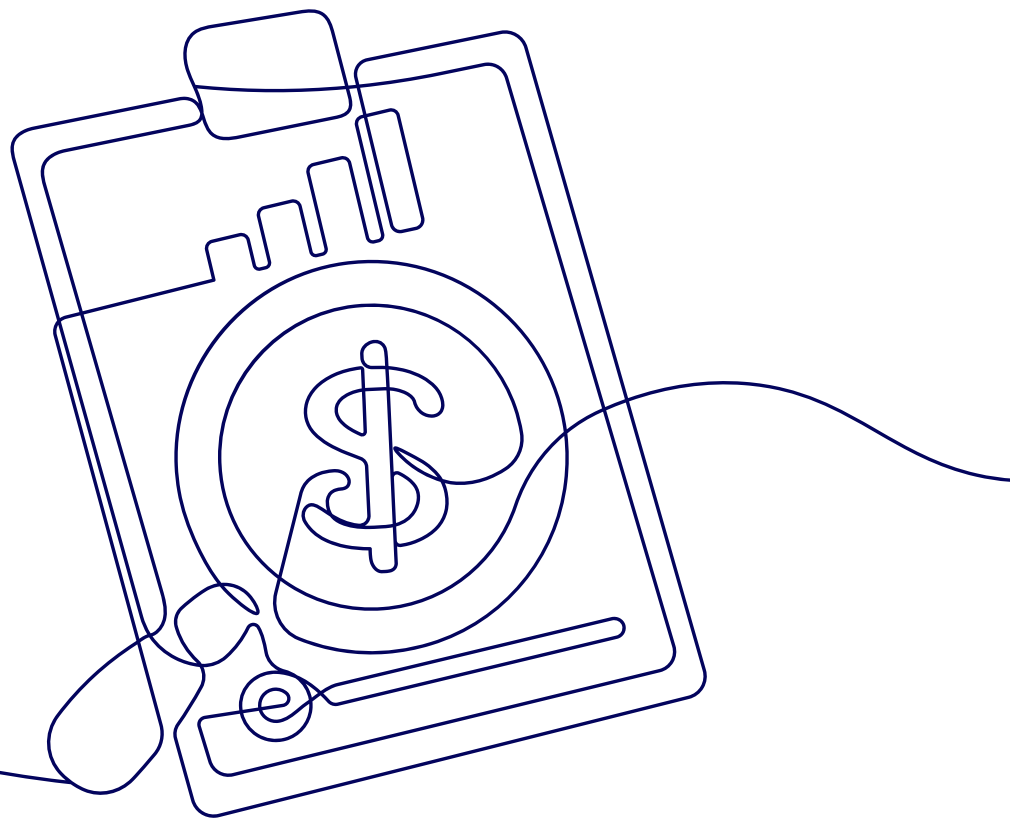
VƯỢT 25% KẾ HOẠCH NĂM 2025

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

30.815 tỷ đồng

VƯỢT 14% KẾ HOẠCH

*) Tỷ lệ trả cổ tức năm 2025 dự kiến sẽ ở mức 12% và sẽ được trình thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KHỐI KINH DOANH CHÍNH

Khối xăng dầu

Với vai trò là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn, khối xăng dầu đã chủ động phát huy nội lực, linh hoạt ứng phó với các thách thức, tiếp tục khẳng định vị thế trụ cột trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Đồng thời, khối tích cực thúc đẩy chuyển dịch theo định hướng xanh, đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường hội nhập quốc tế. Những nỗ lực này đã được phản ánh rõ nét qua kết quả kinh doanh năm 2025, với tổng sản lượng xăng dầu xuất bán hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2025 đạt 17.705.010 m³,tấn, bằng 99,7% kế hoạch và tăng 12% so với cùng kỳ.

SẢN LƯỢNG BÁN NỘI ĐỊA, TÁI XUẤT VÀ CHUYỂN KHẨU

11.913.645 m³,tấn

ĐẠT **100,2%** KẾ HOẠCH
TĂNG **9%** SO VỚI CÙNG KỲ

SẢN LƯỢNG BÁN QUỐC TẾ

5.791.365 m³,tấn

ĐẠT **99%** KẾ HOẠCH
TĂNG **21%** SO VỚI CÙNG KỲ

Bán nội địa

11.368.581 m³,tấn

ĐẠT **99,4%** KẾ HOẠCH
TĂNG **7%** SO VỚI CÙNG KỲ

Bán tái xuất và chuyển khẩu

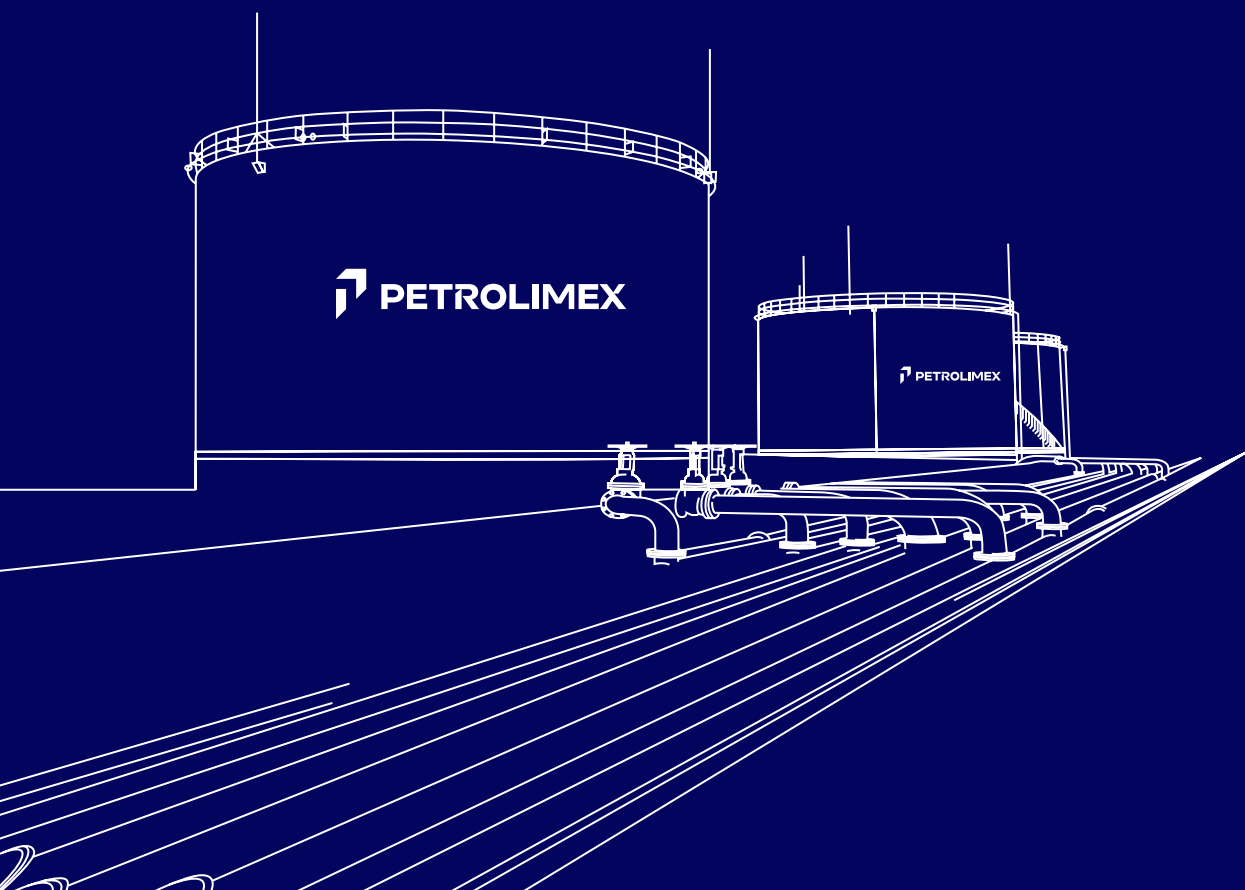
545.064 m³,tấn

ĐẠT **121%** KẾ HOẠCH
TĂNG **45%** SO VỚI CÙNG KỲ

Tổng sản lượng bán lẻ

7.923.048 m³,tấn

ĐẠT **100,4%** KẾ HOẠCH
TĂNG **7%** SO VỚI CÙNG KỲ



Khối vận tải

Lĩnh vực vận tải bộ

Năm 2025, Petrolimex thực hiện sáp nhập Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) vào Tập đoàn từ ngày 01/10/2025 nhằm tinh gọn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở đó, lĩnh vực vận tải đường bộ tiếp tục được củng cố với việc hiện đại hóa đội xe và tối ưu hệ thống điều độ tập trung (DOC), bảo đảm kết nối an toàn, thông suốt từ kho cảng đến mạng lưới cửa hàng tại 34 tỉnh, thành phố. 06 công ty vận tải bộ trực thuộc đảm nhiệm vận chuyển xăng dầu, nhiên liệu bay và các sản phẩm khác cho hệ thống Petrolimex và khách hàng ngoài hệ thống trên phạm vi nhiều khu vực trong cả nước; đồng thời tham gia kinh doanh xăng dầu và dịch vụ liên quan tại một số địa bàn trọng điểm. Bên cạnh đó, một số đơn vị còn thực hiện vận chuyển và cung ứng xăng dầu sang thị trường Lào, góp phần mở rộng hoạt động thương mại năng lượng khu vực.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của các công ty:

TỔNG SẢN LƯỢNG VẬN TẢI

784_{m³,km}

TỔNG DOANH THU

5.483_{tỷ đồng}

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

106_{tỷ đồng}

Lĩnh vực vận tải thủy

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY
PETROLIMEX (PGT)

Năm 2025, Tổng công ty chủ động tổ chức khai thác đội tàu linh hoạt, bảo đảm an toàn, liên tục và nâng cao hiệu quả vận tải xăng dầu. Thực hiện song song 02 nhiệm vụ là ưu tiên số 1 cho đảm bảo ổn định phương tiện vận tải và thực hiện vận chuyển toàn bộ hàng của Tập đoàn, đồng thời Tổng công ty cân đối, tổ chức cho thuê tàu ra ngoài nhằm tối đa hiệu quả kinh doanh của đội tàu Petrolimex với mức cước tốt phù hợp với mặt bằng của thị trường. Những kết quả tích cực, đáng ghi nhận năm 2025:

SẢN LƯỢNG VẬN CHUYỂN

14,87_{triệu m³}

ĐẠT **103%** KẾ HOẠCH

DOANH THU

4.132_{tỷ đồng}

ĐẠT **101%** KẾ HOẠCH

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

336_{tỷ đồng}

ĐẠT **134%** KẾ HOẠCH

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ
TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE):

7,2%

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ
TRÊN TỔNG TÀI SẢN (ROA):

5,6%

*Chi tiết về tình hình tài chính của các công ty trong lĩnh vực vận tải bộ được trình bày tại Phụ lục 2 trang 220



Khối Hoá dầu

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX (PLC)

Năm 2025, đứng trước xu thế chuyển dịch xanh và sự phổ biến của phương tiện điện, PLC không chọn cách đối đầu mà chủ động đón đầu thách thức. Tổng Công ty đã bắt đầu lộ trình nâng cấp danh mục sản phẩm dầu nhờn cao cấp, thân thiện với môi trường, đồng thời nghiên cứu các giải pháp hóa chất chuyên sâu cho các ngành công nghiệp công nghệ cao. Đây chính là minh chứng cho tư duy đổi mới, biến áp lực cạnh tranh thành động lực để nâng tầm thương hiệu.

Dù thị trường thế giới còn nhiều biến động ảnh hưởng đến biên lợi nhuận, nhưng với nền tảng quản trị vững chắc và sự quyết liệt trong công tác tái cấu trúc bộ máy, PLC vẫn kiên trì mục tiêu phát triển bền vững. Mỗi thách thức đi qua đều là cơ hội để PLC khẳng định bản lĩnh của một đơn vị đầu ngành, luôn sẵn sàng đổi mới để cùng Tập đoàn “Tiến xa hơn” trong kỷ nguyên năng lượng mới.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

438.324 tấn

ĐẠT **107%** KẾ HOẠCH

BẰNG **117%** SO VỚI NĂM 2024

DOANH THU

7.774 tỷ đồng

ĐẠT **102%** KẾ HOẠCH

BẰNG **112%** SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

69 tỷ đồng

ĐẠT **49%** KẾ HOẠCH

BẰNG **97%** SO VỚI NĂM 2024

CÔNG TY TNHH CASTROL BP PETCO

Năm 2025, Công ty TNHH Castrol BP Petco tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu thụ phục hồi chậm, xu hướng kéo dài chu kỳ thay dầu để tiết kiệm chi phí và những bất ổn của kinh tế trong nước, quốc tế ảnh hưởng đến sản xuất, vận tải, tiêu dùng; đồng thời, biến động tỷ giá USD/VND tiếp tục gia tăng áp lực chi phí tài chính. Tuy nhiên, nhờ triển khai các chiến lược kinh doanh linh hoạt, tăng cường tối ưu chi phí và đẩy mạnh các hoạt động thị trường, Castrol BP Petco vẫn duy trì được kết quả kinh doanh tích cực, tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành dầu mỡ nhờn và đóng góp đáng kể vào hiệu quả kinh doanh chung của Tập đoàn. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục chủ động thích ứng với những biến động của thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

SẢN LƯỢNG

76 triệu lít

ĐẠT **116%** KẾ HOẠCH

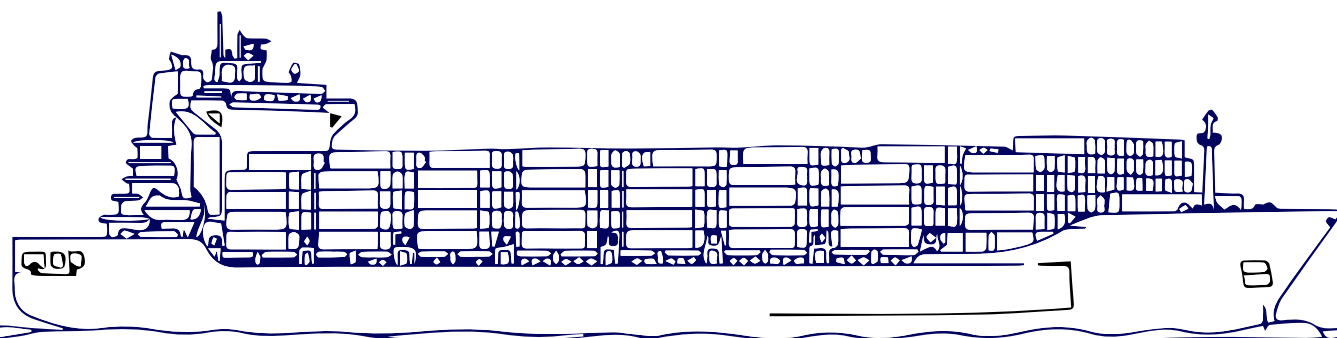
BẰNG **110%** SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.559 tỷ đồng

ĐẠT **111%** KẾ HOẠCH

BẰNG **108%** SO VỚI NĂM 2024



Khối gas, khí hóa lỏng

TỔNG CÔNG TY GAS
PETROLIMEX (PGAS)

Năm 2025, Tổng công ty đối mặt với nhiều thách thức từ biến động địa chính trị, giá CP, tỷ giá và sự thu hẹp nhu cầu LPG trong nước do xu hướng chuyển dịch sang các nguồn năng lượng thay thế, cùng các rào cản pháp lý và cạnh tranh thị trường. Dự báo nhu cầu LPG chỉ tăng nhẹ 3–4%, đòi hỏi sự thích ứng linh hoạt. Trong bối cảnh đó, Tổng công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, nỗ lực vượt khó và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

SẢN LƯỢNG XUẤT BÁN

193.246 tấn

ĐẠT **108%** KẾ HOẠCH
BẰNG **117%** SO VỚI NĂM 2024

DOANH THU

4.782 tỷ đồng

ĐẠT **113%** KẾ HOẠCH
BẰNG **109%** SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

151 tỷ đồng

ĐẠT **101%** KẾ HOẠCH
BẰNG **102%** SO VỚI NĂM 2024

Lĩnh vực kinh doanh nhiên liệu hàng không

CÔNG TY CP NHIÊN LIỆU
BAY PETROLIMEX (PA)

Năm 2025, dù hàng không thế giới thiết lập kỷ lục mới về lưu lượng hành khách, Petrolimex Aviation vẫn đối mặt với áp lực lớn từ chi phí tạo nguồn và biến động tỷ giá. Tại thị trường nội địa, sức khỏe tài chính của các hãng bay chưa ổn định đã tạo rủi ro nợ quá hạn kéo dài. Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động siết chặt quản trị công nợ, tối ưu hóa công tác điều độ, qua đó vừa đảm bảo an toàn tài chính, vừa giữ vững vai trò dẫn dắt thị trường nhiên liệu bay và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

SẢN LƯỢNG

1.256.923 tấn

ĐẠT **102%** KẾ HOẠCH
BẰNG **113%** SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

329 tỷ đồng

ĐẠT **132%** KẾ HOẠCH
BẰNG **278%** SO VỚI NĂM 2024

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Tổng Tài Sản

5.745 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

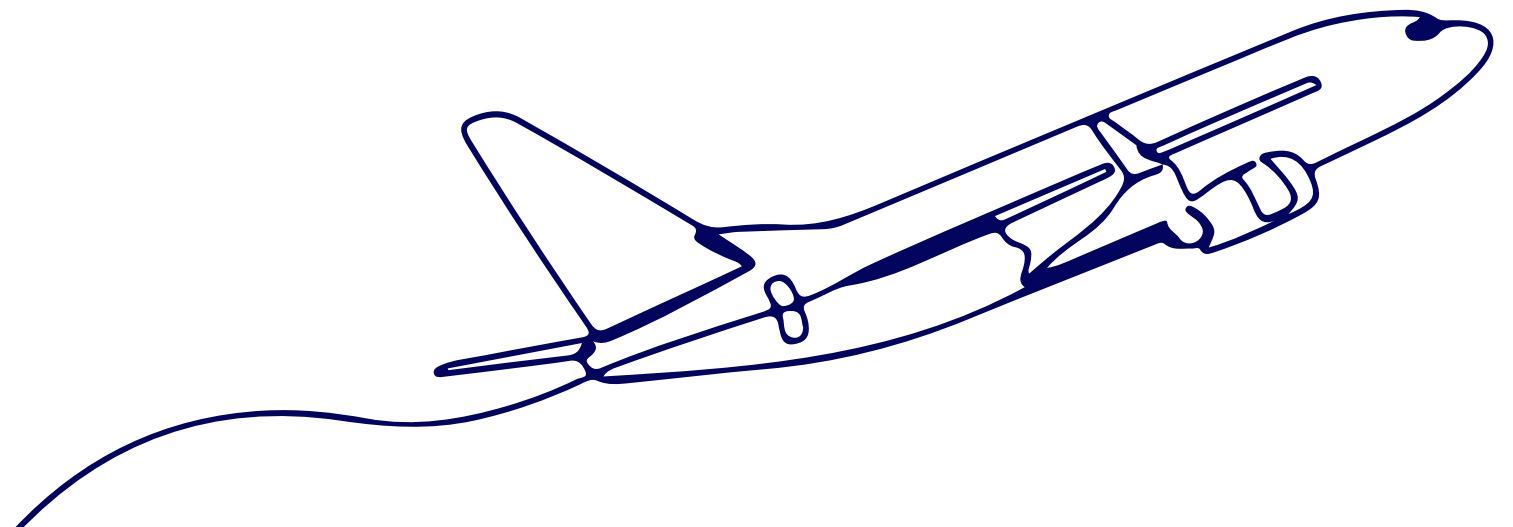
1.393 tỷ đồng

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế
trên VCSH (ROE)

19,9%

Tỷ suất sinh lời sau thuế
trên tài sản (ROA)

4,8%



Khối bảo hiểm, xây lắp và các lĩnh vực khác

Lĩnh vực bảo hiểm

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM PETROLIMEX (PJICO)

Trong bối cảnh kinh tế – chính trị trong nước và quốc tế còn nhiều biến động, PJICO đối mặt với không ít khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực của tập thể người lao động cùng sự đồng hành của các cổ đông lớn, đặc biệt là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, PJICO đã vượt qua thách thức và hoàn thành, thậm chí vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025.

DOANH THU

5.510 tỷ đồng

ĐẠT 107% KẾ HOẠCH

BẰNG 104% SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

306 tỷ đồng

ĐẠT 100% KẾ HOẠCH

BẰNG 105% SO VỚI NĂM 2024

Lĩnh vực xây lắp thiết kế

TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI PETROLIMEX (PGCC)

Năm 2025, tiếp tục là một năm gặp nhiều khó khăn đối với Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex do chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi từ nền kinh tế, trong khi Tổng Công ty tổ chức kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề và đang tiếp tục quá trình thoái vốn. Kết quả SXKD của Tổng công ty năm 2025, cụ thể:

DOANH THU

2.305 tỷ đồng

ĐẠT 110% KẾ HOẠCH

BẰNG 90% SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

45 tỷ đồng

ĐẠT 101% KẾ HOẠCH

BẰNG 90% SO VỚI NĂM 2024

Lĩnh vực kinh doanh kho

CÔNG TY TNHH KHO XĂNG DẦU NGOẠI QUAN VÂN PHONG (VPT)

Bước sang năm 2025, trong bối cảnh thị trường dầu khí toàn cầu tiếp tục biến động và nhu cầu thuê kho bãi có sự dịch chuyển, Công ty vừa duy trì hợp tác chiến lược với các khách hàng cốt lõi như Petrolimex và Petrolimex Aviation, vừa chủ động đa dạng hóa khách hàng và linh hoạt hóa dịch vụ lưu kho ngắn hạn. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh tối ưu vận hành, điều chỉnh chiến lược và triển khai các giải pháp thích ứng. Dù kết quả kinh doanh còn đối mặt nhiều thách thức, Công ty tiếp tục định hướng cải thiện sản lượng và mở rộng thị trường trong thời gian tới.

SẢN LƯỢNG CHO THUÊ KHO

2.795.520 m³/ tháng

(TƯƠNG ĐƯƠNG TỶ LỆ LẮP ĐẦY 46%)

ĐẠT 109% KẾ HOẠCH

BẰNG 122% SO VỚI NĂM 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

19 tỷ đồng

ĐẠT 130% KẾ HOẠCH

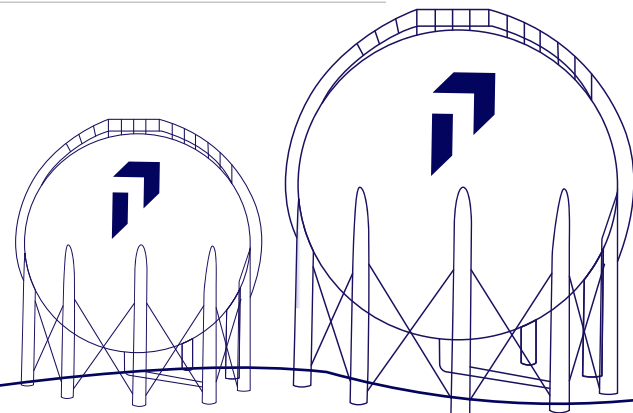
BẰNG 197% SO VỚI NĂM 2024

DOANH THU

220 tỷ đồng

ĐẠT 105% KẾ HOẠCH

BẰNG 103% SO VỚI NĂM 2024



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Quy mô tài sản hợp nhất

Quy mô tài sản hợp nhất: Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 của Tập đoàn là: 85.855 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng thời điểm năm 2024, tương ứng tăng 4.581 tỷ đồng. trong đó tài sản ngắn hạn tăng 1%, tài sản dài hạn tăng 21%.

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2024	TỶ TRỌNG	2025	TỶ TRỌNG	SO VỚI NĂM 2024	
					TĂNG/GIẢM	%
Tài sản dài hạn	21.731	27%	26.294	31%	4.563	121%
Tài sản ngắn hạn	59.544	73%	59.561	69%	18	100%
TỔNG TÀI SẢN	81.275		85.855		4.842	106%

Cơ cấu tài sản hợp nhất:

- Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2025 chiếm tỷ trọng 31%, tăng 4.563 tỷ đồng, tương ứng tăng 21% so với năm 2024. Trong tổng tài sản dài hạn, tài sản cố định thuần chiếm tỷ trọng 55%, tăng 900 tỷ đồng so với đầu năm; đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng 26%, tăng 3.512 tỷ đồng do tăng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 3.500 tỷ đồng; tài sản dài hạn khác chiếm 14%, tăng 350 tỷ đồng so với đầu năm; tài sản dở dang dài hạn chiếm 5%, bất động sản đầu tư chiếm 0,4% và các khoản phải thu dài hạn chiếm 0,2%.
- Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 chiếm tỷ trọng 69%, tăng 18 tỷ đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng 30%, tăng 2.749 tỷ đồng so với đầu năm; các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 27%, tăng 3.505 tỷ đồng so với đầu năm; hàng tồn kho chiếm tỷ trọng 23%, giảm 1.811 tỷ đồng so với đầu năm; tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng 18%, giảm 4.257 tỷ đồng so với đầu năm; tài sản ngắn hạn khác chiếm 2%.

Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

- Năm 2025, vòng quay tổng tài sản đạt 3,71 vòng, tăng 0,18 vòng so với năm 2024.
- Năm 2025, mặc dù diễn biến thị trường còn nhiều khó khăn, giá xăng liên tục biến động nhưng Tập đoàn vẫn duy trì biên lợi nhuận ở mức ổn định, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) giảm nhẹ.

Đánh giá khả năng thanh toán của Tập đoàn:

Tập đoàn luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn, các chỉ tiêu tài chính thể hiện khả năng thanh toán luôn ở mức an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chỉ tiêu tài chính	2024	2025
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,16	1,08
2. Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,86	0,82

Hệ số khả năng thanh toán luôn duy trì ở mức tốt, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn.

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn lớn hơn 1, hệ số khả năng thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 và giảm nhẹ so với năm 2024.

Tình hình nguồn vốn hợp nhất

Quy mô nguồn vốn hợp nhất: Nguồn vốn năm 2025 tăng trưởng 6% so với năm 2024; cơ cấu nguồn vốn về cơ bản không có biến động lớn,

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TẠI NGÀY 31/12/2024	TỶ TRỌNG	TẠI NGÀY 31/12/2025	TỶ TRỌNG	SO VỚI NĂM 2024	
					TĂNG/GIẢM	%
Nợ phải trả	Nợ ngắn hạn	51.180	63%	55.354	64%	4.175 108%
	Nợ dài hạn	787	1%	939	1%	152 119%
Vốn chủ sở hữu	29.308	36%	29.562	34%	254	101%
TỔNG NGUỒN VỐN	81.275		85.855		4.581	106%

Năm 2025, Nguồn vốn tăng 4.581 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu tăng 254 tỷ đồng so với năm 2024, nợ ngắn hạn tăng 4.175 tỷ đồng, nợ dài hạn tăng 152 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Nợ phải trả: Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 là 56.294 tỷ đồng. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 1,90 lần và tăng 0,13 lần so với 31/12/2024.

Về nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là 55.354 tỷ đồng, trong đó:

- Phải trả người bán ngắn hạn 23.980 tỷ đồng, tăng 1.254 tỷ đồng so với năm 2024.
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 18.085 tỷ đồng, tăng 701 tỷ đồng so với năm 2024. Các khoản vay ngắn hạn đều trong thời hạn thanh toán, được thực hiện dưới hình thức tín chấp nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và mở các tín dụng thư (L/C) nhập khẩu xăng dầu.
- Quỹ bình ổn giá xăng dầu tại ngày 31/12/2025 dương 3.088 tỷ đồng, tăng 6 tỷ đồng so với 31/12/2024 (tại ngày 31/12/2024 quỹ bình ổn giá là 3.081 tỷ đồng). Quỹ bình ổn giá được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 do liên Bộ Công Thương – Tài chính ban hành.
- Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác 10.202 tỷ đồng, bao gồm người mua trả tiền trước, phải trả người lao động về tiền lương, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản khác...

Về nợ dài hạn tại ngày 31/12/2025 là 939 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm 31/12/2025, Tập đoàn không có khoản nợ xấu.

Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 là 29.562 tỷ đồng, tăng 254 tỷ đồng so với đầu kỳ, trong đó: quỹ đầu tư phát triển tăng 177 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 75 tỷ đồng so với đầu năm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý – điều hành

Công tác quản trị

Cả hệ thống đã giữ vững tuyệt đối an ninh, an toàn trong mọi mặt hoạt động: chủ động điều hành, bảo đảm nguồn cung và ổn định thị trường xăng dầu trong mọi tình huống, nhất là trong những thời điểm thị trường biến động mạnh, mưa lũ, thiên tai và các dịp cao điểm, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Toàn Tập đoàn không ghi nhận sự cố mất an toàn nghiêm trọng trong năm 2025.

Tổ chức 20/31 cuộc kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên, bám sát kế hoạch theo Quyết định số 236/PLX-QĐ-HĐQT ngày 01/04/2025 của HĐQT để triển khai công tác, đảm bảo tiến độ kế hoạch; 11 cuộc kiểm tra đột xuất bằng thẻ kiểm tra viên do Ban Kỹ thuật Công nghệ an toàn thực hiện.

Ban hành mới/Sửa đổi: Quy chế quản lý thực hiện công tác cán bộ diện Tập đoàn quản lý tại các Tổng công ty, Công ty TNHH MTV do Tập đoàn làm chủ sở hữu, Quy định kỹ thuật về tuyển ồng xăng dầu, Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế bảo vệ môi trường, Quy định quản lý chi tiêu, Quy định tạm thời quản lý chất lượng xăng E10 và RON95-III, Quy chế quản lý thực hiện công tác tổ chức và cán bộ, Quy chế quản lý và hoạt động của người đại diện vốn Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác, Quy chế lựa chọn nhà thầu.

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 18-NQ/TW về sắp xếp, tinh gọn bộ máy với nhiều nội dung quan trọng bao gồm:

Thực hiện giảm từ 51 xuống còn 34, tương ứng mỗi tỉnh, thành phố có một Công ty duy nhất quản lý toàn bộ cửa hàng xăng dầu trên địa bàn.

Sắp xếp giảm 03 Ban nghiệp vụ bám sát tiêu chí tinh gọn, giảm đầu mối để đảm bảo tính hiệu lực.

Hoàn thành sáp nhập Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex (PTC) vào Tập đoàn.

Các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhằm thích ứng với những thay đổi của thị trường, tăng cường hiệu quả quản lý và hạn chế tối đa rủi ro tiềm tàng, Ban Điều hành tiếp tục chỉ đạo rà soát các danh mục rủi ro của Tập đoàn đã được ban hành trong chiến lược trung hạn và ban hành kế hoạch, danh mục rủi ro trọng yếu cấp Tập đoàn nhằm nhận diện, đánh giá các rủi ro trọng yếu của Tập đoàn. Hệ thống kiểm soát nội bộ thường xuyên được rà soát, bổ sung, đánh giá để đảm bảo ngăn ngừa và xử lý tốt các rủi ro đã nhận diện. Các phòng ban, các chủ rủi ro đã quan tâm và chủ động thực hiện theo quy định, quy chế của Tập đoàn.

Quản trị rủi ro cấp quy trình (hoạt động) đang triển khai thực hiện đối với 02 quy trình ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của toàn Tập đoàn: Quy trình sử dụng và quản lý hóa đơn bán hàng và quy trình kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy chữa cháy tại CHXD.

Quản trị rủi ro hàng tồn kho của Tập đoàn luôn được quan tâm, chỉ đạo sát sao: kiểm soát thường xuyên tồn kho thông qua kiểm soát lượng hàng bán, điều chỉnh tiến độ hàng về các đầu cảng, lập kế hoạch mua hàng từ sớm, từ xa để chủ động về nguồn, ...

Tập đoàn đã triển khai nghiên cứu xây dựng xong ứng dụng lập đơn hàng (dự báo nhu cầu tiêu thụ) theo Công ty, khách hàng trên hệ thống SAP, cùng với kế hoạch xây dựng Data Warehouse sẽ dẫn bổ sung, cập nhật đầy đủ các dữ liệu liên quan đến công tác lập đơn hàng và ứng dụng các công cụ phân tích thông minh để có thể rà soát nhanh chất lượng đơn hàng của các Công ty, từ đó nâng cao chất lượng công tác dự báo nhu cầu, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch mua hàng, kiểm soát lượng hàng bán ra, giảm thiểu rủi ro từ hàng tồn kho và giá dầu cho Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn đã quyết liệt chỉ đạo tăng cường công tác kiểm soát, quản trị trong giao nhận, vận chuyển xăng dầu, tiết giảm và kiểm soát chặt chẽ hao hụt bất thường tất cả các khâu; triển khai tối ưu đường vận động hàng hóa tại các địa bàn để gia tăng hiệu quả chuỗi cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Năm 2025, Tập đoàn tiếp tục tăng cường công tác quản trị, tập trung đẩy mạnh triển khai các ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, gia tăng trải nghiệm của khách hàng trên các ứng dụng của Petrolimex, giải pháp không dùng tiền mặt trong thanh toán và xuất hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng trong toàn hệ thống CHXD của Petrolimex đã phần nào minh chứng sự tiện lợi, minh bạch trong hoạt động kinh doanh, thương mại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro, củng cố và nâng cao vị thế của Tập đoàn.



ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nền tảng công nghệ kế thừa – Di sản số của Petrolimex

- Trong quá trình phát triển, Petrolimex luôn xác định công nghệ thông tin (CNTT) là nền tảng quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh và củng cố năng lực cạnh tranh. Tập đoàn đã đầu tư xây dựng hạ tầng CNTT hiện đại, đồng bộ trên toàn hệ thống.
- Các nền tảng quản trị doanh nghiệp trọng yếu như SAP-ERP, hệ thống quản lý kinh doanh cửa hàng xăng dầu EGAS cùng các giải pháp quản trị dữ liệu đã hình thành hệ sinh thái công nghệ kết nối xuyên suốt, hỗ trợ hiệu quả cho công tác điều hành và ra quyết định.
- Hạ tầng CNTT hiện kết nối toàn bộ chuỗi giá trị kinh doanh xăng dầu; việc số hóa dữ liệu, triển khai hóa đơn điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện trải nghiệm khách hàng và tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số của Tập đoàn.

Đổi mới toàn diện – Thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động doanh nghiệp

- Năm 2025, Petrolimex tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị và hoạt động kinh doanh. Hệ thống công nghệ thông tin được điều chỉnh, cải tiến nhằm đáp ứng quá trình tái cấu trúc hệ thống các công ty xăng dầu thành viên từ 51 xuống 34 công ty theo địa giới hành chính mới.
- Trong công tác quản trị, Tập đoàn triển khai phần mềm quản trị bảo trì thiết bị (PM), phát triển các báo cáo quản trị thông minh và nâng cấp hệ thống văn phòng số DOffice với nhiều tiện ích mới, đồng thời triển khai ký số cho các đơn vị thành viên. Trong lĩnh vực vận hành và logistics, các giải pháp tự động hóa, hệ thống giám sát và cảm biến đo lường được tăng cường; hệ thống quản lý thông tin phòng thử nghiệm (LIMS) đã được triển khai tại toàn bộ 17 phòng thử nghiệm.
- Đối với hệ thống bán lẻ, Petrolimex tiếp tục số hóa hoạt động kinh doanh, triển khai các nền tảng thanh toán điện tử và thử nghiệm thanh toán QR động tại một số thành phố lớn. Song song với đó, các giải pháp bảo mật, an toàn thông tin được tăng cường nhằm đảm bảo hệ thống vận hành ổn định. Trong năm, Tập đoàn cũng tham gia các triển lãm chuyển đổi số và công nghệ cấp quốc gia, tiêu biểu là A80 Exhibition, qua đó giới thiệu các hệ thống quản trị và ứng dụng số của Petrolimex.

Bứt phá tương lai – Hướng tới doanh nghiệp năng lượng số

- Trong chiến lược phát triển dài hạn, Petrolimex xác định chuyển đổi số là một trong những trụ cột quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản trị và hướng tới mô hình Tập đoàn năng lượng hiện đại.
- Trong thời gian tới, Tập đoàn tiếp tục xây dựng mô hình doanh nghiệp vận hành trên nền tảng số, trong đó dữ liệu được coi là tài sản chiến lược phục vụ công tác quản trị, dự báo và tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh. Các nền tảng phân tích dữ liệu sẽ tiếp tục được phát triển nhằm hỗ trợ dự báo nhu cầu thị trường và tối ưu chuỗi cung ứng.
- Đồng thời, Petrolimex nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và báo cáo thông minh trong quản lý vận hành, tồn kho và logistics; phát triển các nền tảng dịch vụ số tại hệ thống cửa hàng xăng dầu, từng bước hình thành hệ sinh thái dịch vụ số và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN 2026

Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật của khối xăng dầu năm 2026

Trong năm 2026, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tập trung triển khai đầu tư phát triển các dự án trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống kho, bể tuyến ống, đầu tư cải tạo, nâng cấp cửa hàng xăng dầu..., đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với Chiến lược phát triển Tập đoàn.

TT	Công trình	Số lượng (cửa hàng)	Giá trị (tỷ đồng)
1	Xây dựng mới CHXD	45	1.658
2	Cải tạo, mở rộng CHXD	277	588
3	Mở rộng & nâng cấp kho, bể, kè cầu cảng, trụ sở,...		427
4	Mua phương tiện, cột bơm, tin học và tự động hóa, Egas, sửa chữa thiết bị, và các hạng mục khác		470
Tổng cộng			3.143

TỔNG GIÁ TRỊ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA KHỐI XĂNG DẦU LÀ

3.143 tỷ đồng

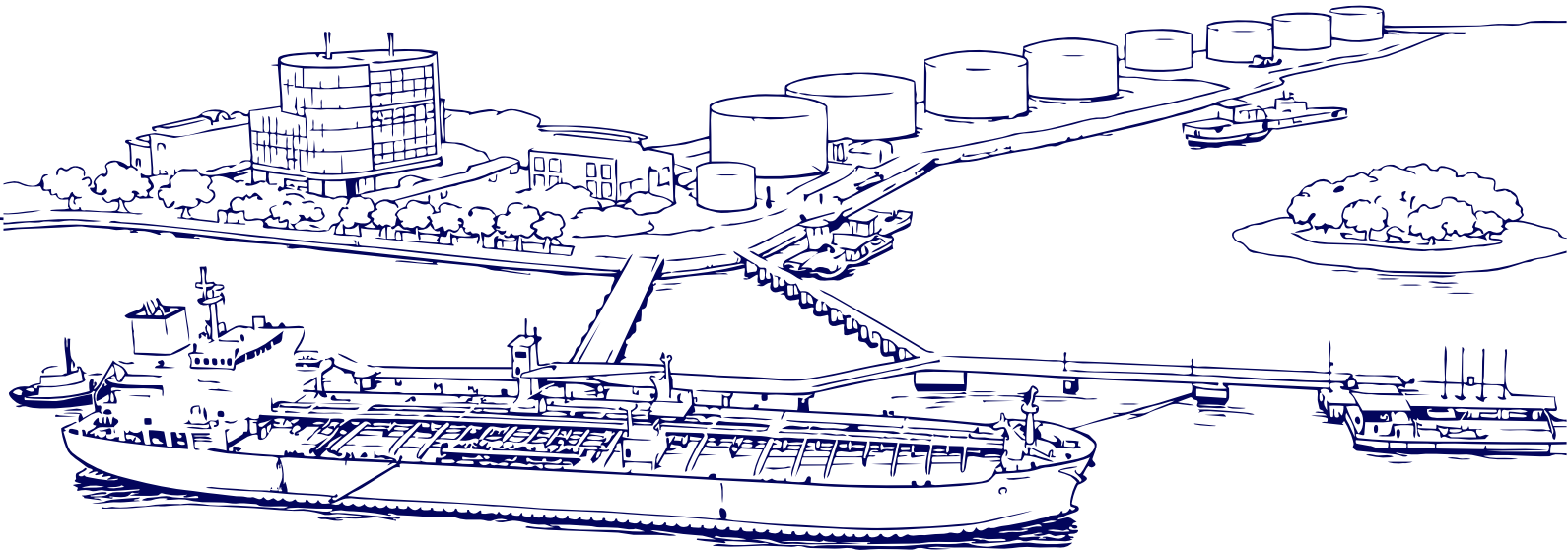
(CÔNG TY MẸ: 1.738 TỶ ĐỒNG
KHỐI CÔNG TY XĂNG DẦU
THÀNH VIÊN: 1.405 TỶ ĐỒNG)

Một số hạng mục dự án lớn đầu tư theo kế hoạch gồm:

- Triển khai Dự án đầu tư trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông với 09 cặp trạm dừng nghỉ.

Triển khai đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kho, bể và tuyến ống, bao gồm nâng cấp hệ thống tự động hóa xuất bộ, bổ sung sức chứa kho, chống ngập kho và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu...
- Chỉ đạo các đơn vị thành viên đầu tư cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tại các kho đầu mối và kho tuyến sau theo quy hoạch, đáp ứng lộ trình kinh doanh xăng sinh học, nhu cầu thị trường, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của Petrolimex.

Đầu tư các dự án Công nghệ thông tin triển khai tập trung tại Công ty mẹ, dự án Văn phòng làm việc tại các đơn vị thành viên và xây dựng văn phòng Tập đoàn.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong suốt quá trình 70 năm hình thành và phát triển với mục tiêu trở thành tập đoàn năng lượng hàng đầu Việt Nam, Petrolimex luôn tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường và triển khai nhiều giải pháp giảm phát thải, hướng tới phát triển bền vững.

Chuyển dịch năng lượng và mục tiêu Net Zero:

Triển khai đo lường phát thải CO toàn hệ thống; thực hiện kiểm kê và báo cáo khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018, tăng cường minh bạch theo chuẩn quốc tế.

Phát triển hạ tầng năng lượng xanh

Áp dụng công nghệ nạp nhiên liệu kín và hệ thống thu hồi hơi xăng tại các cửa hàng xăng dầu nhằm giảm phát thải VOC; Triển khai các hạng mục bảo vệ môi trường như xử lý nước thải, quan trắc môi trường, đầu tư thiết bị phòng chống tràn dầu, lắp đặt thiết bị đo mức và báo tràn tại kho, bể; Thí điểm điện mặt trời áp mái và nghiên cứu phát triển hạ tầng sạc xe điện.

Giảm phát thải thông qua nhiên liệu sạch

Thúc đẩy thương mại nhiên liệu bền vững (SAF); Tiên phong cung cấp xăng dầu đạt tiêu chuẩn Euro V, góp phần giảm phát thải từ phương tiện giao thông. Bên cạnh đó, một số đơn vị thành viên của Tập đoàn như Petrolimex Singapore đạt chứng nhận ISCC – chứng nhận toàn cầu về phát triển bền vững và giảm phát thải khí nhà kính.

Nâng cao năng lực ESG

Tập đoàn tổ chức các chương trình đào tạo về ESG và quản trị phát triển bền vững cho đội ngũ quản lý, đồng thời phối hợp với đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc nghiên cứu các dự án tạo tín chỉ carbon.

Bên cạnh đó, Petrolimex thường xuyên rà soát, kiểm tra các hệ thống, quy định về công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường, bảo đảm tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định nội bộ của Tập đoàn.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động, chính sách thu hút, phát triển nguồn lực

Trong năm 2025, Tập đoàn xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi, triển khai đồng bộ các chính sách nhằm đảm bảo quyền lợi, nâng cao chất lượng nhân sự và xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp:

Đảm bảo việc làm, thu nhập và phúc lợi cho người lao động

Tập đoàn duy trì ổn định việc làm, đảm bảo đầy đủ, kịp thời các chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn với hiệu quả công việc. Đồng thời, thực hiện đúng quy định các chế độ bảo hiểm và tăng cường các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động...

Quan hệ lao động hài hòa, minh bạch

Tập đoàn duy trì đối thoại định kỳ, đảm bảo công khai, minh bạch các chính sách lao động và lấy ý kiến rộng rãi trước khi ban hành. Qua đó, tăng cường tính dân chủ, củng cố môi trường làm việc ổn định và gắn kết người lao động với doanh nghiệp.

Công tác an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe người lao động

100% người lao động được khám sức khỏe định kỳ, các vị trí nguy cơ cao được theo dõi chuyên sâu; công tác huấn luyện an toàn, PCCC và ứng phó sự cố được triển khai thường xuyên. Đồng thời, Tập đoàn tăng cường rà soát quy trình, áp dụng giải pháp phòng ngừa rủi ro, trang bị bảo hộ phù hợp và chủ động phương án xử lý tình huống khẩn cấp

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Năm 2025, Tập đoàn đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng nâng cao chuyên môn, kỹ năng quản trị và thích ứng chuyển đổi số, với đa dạng hình thức và nội dung đào tạo. Qua đó, tiếp tục xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho khách hàng

Tập đoàn chú trọng đảm bảo an toàn cho khách hàng tại hệ thống cửa hàng xăng dầu thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và tiêu chuẩn an toàn. Đồng thời, trang bị và bảo dưỡng định kỳ hệ thống PCCC, áp dụng các giải pháp kỹ thuật, quản lý nhằm kiểm soát hơi xăng, giảm phát tán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Giáo dục và đào tạo

Tổng số giờ đào tạo:

1.450.792 giờ.

Chi phí đào tạo trong nước:

101,3 tỷ đồng

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025, Tập đoàn đã dành tổng kinh phí khoảng **240 tỷ đồng** cho các hoạt động ASXH.

Về hỗ trợ y tế

Petrolimex đã hỗ trợ 7 tỷ đồng vào lĩnh vực y tế, cung cấp các trang thiết bị y tế cần thiết cho các địa phương trong cả nước.

07 tỷ đồng

Về hỗ trợ giáo dục

Với tổng kinh phí 42,6 tỷ đồng, Tập đoàn đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ giáo dục, bao gồm cấp học bổng cho học sinh nghèo, xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng trường học tại các địa phương.

42,6 tỷ đồng

Về hỗ trợ xoá nhà tạm

Petrolimex đã hỗ trợ các địa phương trong cả nước xây dựng khoảng 760 căn nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, với mỗi căn trị giá 60 triệu đồng. Tổng kinh phí cho hoạt động này khoảng 45,6 tỷ đồng.

45,6 tỷ đồng

Về ủng hộ khắc phục thiên tai

Trước các tác động của thiên tai, Tập đoàn đã quyết định ủng hộ 79,92 tỷ đồng nhằm trợ giúp đồng bào khắc phục hậu quả.

79,92 tỷ đồng

Về hỗ trợ trẻ em

Petrolimex đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ trẻ em thông qua Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam hoặc trực tiếp tại các địa phương với kinh phí

5,1 tỷ đồng

Năm 2025, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam triển khai hiệu quả công tác an sinh xã hội với nhiều chương trình hỗ trợ cộng đồng thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, lan tỏa tinh thần sẻ chia và thúc đẩy phát triển bền vững.

Tri ân thương binh liệt sỹ

Năm 2025, Tập đoàn đã tri ân các thương binh và liệt sỹ với tổng kinh phí

5,42 tỷ đồng

Các hoạt động ủng hộ khác

Petrolimex đã đóng góp 49,46 tỷ đồng cho nhiều quỹ từ thiện khác nhau, bao gồm Quỹ Vì người nghèo.

49,46 tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

01

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm 2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

02

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA TẬP ĐOÀN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Năm 2025, BKS không nhận được các thông báo về các giao dịch giữa Tập đoàn, Công ty con, Công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó.

Các giao dịch giữa Tập đoàn với các Công ty trong đó thành viên HĐQT là người quản lý doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các quy định khác có liên quan.

03

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT Tập đoàn đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các cuộc họp HĐQT, lấy phiếu ý kiến các thành viên HĐQT, ban hành các Nghị quyết, Quyết định... đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tập đoàn và các quy chế quản trị nội bộ. Tài liệu họp HĐQT, các báo cáo đánh giá được chuẩn bị đầy đủ; các đề xuất, kiến nghị được xử lý kịp thời và quyết liệt. HĐQT thường xuyên giám sát Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

04

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2025, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn; chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện nhiệm vụ đúng phân cấp, tuân thủ quy định và tích cực triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

05

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ; đồng thời nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và được tôn trọng tính độc lập, khách quan. BKS tham gia các cuộc họp HĐQT, trao đổi và có ý kiến trong phạm vi chức năng, quyền hạn. Kế hoạch hoạt động, chương trình giám sát và các biên bản, báo cáo giám sát của BKS được gửi kịp thời tới HĐQT; các kiến nghị sau giám sát đã được HĐQT chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện.

06

ĐÁNH GIÁ CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn do Công ty TNHH KPMG Việt Nam phát hành tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo kiểm toán Công ty niêm yết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	So sánh
1	Doanh thu thuần	284.017	309.875	109%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.972	3.643	92%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.161	3.027	96%
	- LNST của cổ đông Công ty mẹ	2.890	2.675	93%
	- LNST của cổ đông không kiểm soát	271	351	130%
4	Tổng giá trị tài sản	81.275	85.855	106%

(Số liệu này theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu tài chính	2024	2025
A	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1	Hệ số thanh toán tổng quát (lần)	1,56	1,53
2	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,16	1,08
3	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,86	0,82
4	Hệ số thanh toán lãi vay (lần)	7,99	5,56
B	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,64	0,66
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,77	1,90
C	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
1	Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	17,53	19,60
2	Vòng quay tổng tài sản (vòng)	3,53	3,71
3	Vòng quay vốn lưu động (vòng)	35,48	49,30
D	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
1	Hệ số lợi nhuận gộp	4,1%	5,8%
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	1,1%	0,98%
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	10,8%	10,3%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,9%	3,6%
5	Tỷ suất Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	1,3%	1,2%

Năm 2025, mặc dù nền kinh tế chịu nhiều khó khăn, tuy nhiên với việc áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ, linh hoạt, kết quả kinh doanh của Tập đoàn đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các chỉ tiêu khả năng thanh toán luôn đảm bảo mức an toàn, các chỉ tiêu sinh lời không biến động nhiều so với năm 2024; việc khai thác, sử dụng tài sản an toàn, hiệu quả.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

- Các hệ số thanh toán (HSTT) năm 2025 tuy đều có xu hướng giảm so với năm 2024 nhưng đều trong ngưỡng an toàn (HSTT ngắn hạn lớn hơn 1, HSTT nhanh lớn hơn 0,5; HSTT lãi vay lớn hơn 2). Điều này cho thấy Tập đoàn đủ khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả trong ngắn hạn và việc sử dụng vốn vay là hiệu quả.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Vòng quay hàng tồn năm 2025 là 19,60 vòng/năm, tăng 2,07 vòng so với năm 2024.
- Vòng quay tổng tài sản 2025 là 3,71 lần, tăng 0,18 lần so với năm 2024.
- Doanh thu thuần/ Vốn lưu động bình quân năm 2025 là 49,30 lần, tăng 13,82 lần so với năm 2024.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản tương đương tại ngày 31/12/2025 vẫn ở mức thấp và an toàn, tương đương 0,66 lần đồng nghĩa với 34% tài sản được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu cho thấy cơ cấu vốn của Tập đoàn ở mức an toàn và phù hợp.
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 1,90 (thấp hơn so với mức cho phép tối đa là 3) và cao hơn 0,13 lần so với năm 2024.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần đạt 5,8%, giảm 0,3% so với năm 2024;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 0,98%, giảm 0,3% so với năm 2024;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 10,3%, giảm 0,5% so với năm 2024;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) đạt 3,6%, giảm 0,3% so với năm 2024;
- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 1,2%, giảm 0,1% so với năm 2024.



LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NĂM 2025

Số liệu hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

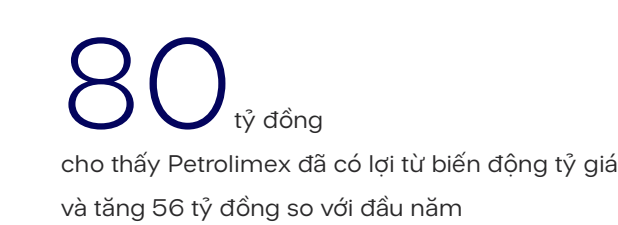
TT	Nội dung	2025			2024			So sánh
		Doanh thu	Chi phí	+/-	Doanh thu	Chi phí	+/-	
1	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.265	798	467	990	568	422	45
2	Cổ tức	12	0	12	12	0	12	0
3	Lãi/ lỗ CLTG	542	462	80	628	603	25	56
4	Lãi BH trả chậm	2	6	(4)	5	4	1	(5)
5	Biến động dự phòng các khoản đầu tư	0	4	(4)	0	15	(15)	11
6	Doanh thu tài chính khác	0	4	(4)	1	6	(5)	1
Tổng		1.822	1.274	547	1.635	1.196	439	108

Lợi nhuận Hoạt động tài chính thời điểm 31/12/2025 là 547 tỷ đồng, tăng 108 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do:

LÃI TIỀN GỬI CHO VAY NĂM 2025



LÃI CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ NĂM 2025



Số liệu công ty mẹ

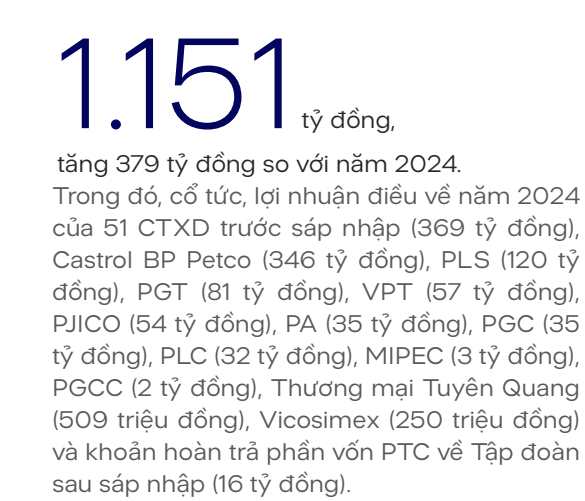
Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	2025			2024			So sánh
		Doanh thu	Chi phí	+/-	Doanh thu	Chi phí	+/-	
1	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	891	396	496	648	224	423	72
2	Cổ tức, điều chuyển lợi nhuận	1.151	-	1.151	772	-	772	379
3	Lãi CLTG	211	135	76	286	218	68	8
4	Lãi BH trả chậm	63	60	4	88	60	27	(24)
5	Dự phòng tài chính	-	(5)	5	-	0,32	(0,32)	5,61
6	Doanh thu tài chính khác	-	0,96	(0,96)	-	0,69	(0,69)	(0,27)
Tổng		2.317	586	1.731	1.795	504	1.290	441

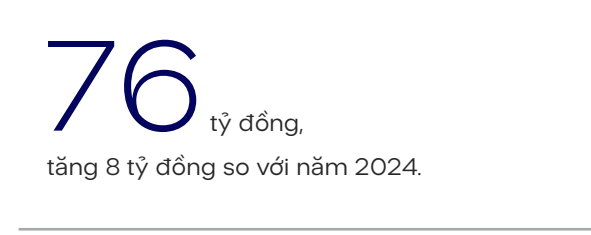
LÃI TIỀN GỬI CHO VAY NĂM 2025



CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA NĂM 2025



LÃI CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2025, hoạt động đầu tư phát triển của Petrolimex gặp nhiều khó khăn do biến động kinh tế thế giới, thay đổi về tổ chức bộ máy, pháp lý trong nước và vướng mắc thủ tục hành chính tại địa phương. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu tăng và thiếu nhân công xây dựng cũng ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn đã tăng cường chỉ đạo, huy động nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ và tháo gỡ vướng mắc, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 đã được phê duyệt.

TT	Công trình	Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh		Thực hiện 2025	
		Số lượng (CH)	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng (CH)	Giá trị (tỷ đồng)
1	Xây dựng mới CHXD	75	675	76	794.44
2	Cải tạo, mở rộng CHXD	300	653	280	682.47
3	Mở rộng & nâng cấp kho, bể, kè cầu cảng, tuyến ống, trụ sở ...	0	608	-	558.06
4	Mua cột bơm, tin học và tự động hóa, Egas, sửa chữa thiết bị, và các hạng mục khác	-	604	-	557.32
Tổng cộng		-	2.540	-	2.592

Trong năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện một số dự án đầu tư và đưa vào sử dụng sau:

ĐẦU TƯ KHO, BỂ, TUYẾN ỐNG

- Di chuyển tuyến ống K131-HD đoạn giao Khu đô thị Bắc Cầu Hàn: đã hoàn thành thi công, đấu nối, bàn giao đưa vào sử dụng.
- Cải tạo công nghệ, bến xuất tại Cảng dầu B12 để chứa Jet-A1: Đã hoàn thành quyết toán.

ĐẦU TƯ TRỤ SỞ

- Đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng các dự án: dự án Tòa nhà Văn phòng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, dự án cải tạo văn phòng Công ty Xăng dầu Lai Châu, Văn phòng Công ty Xăng dầu Cao Bằng ; Văn phòng Công ty Xăng dầu Lâm Đồng...

ĐẦU TƯ CỦA HÀNG HÀNG XĂNG DẦU

- Trong năm 2025, Petrolimex tập trung huy động nhân lực, vật tư và thiết bị thi công nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai, phấn đấu sớm hoàn thành và đưa vào khai thác 09 cặp trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng và mỹ quan công trình.
- Năm 2025, Petrolimex đưa vào hoạt động 76 CHXD, 19 CHXD dừng hoạt động (do hết hạn hợp đồng, yêu cầu của Quân đội, giải tỏa và thu hồi đất), tăng ròng 57 CHXD. Đồng thời cải tạo, nâng cấp khoảng 280 CHXD và triển khai nhận diện thương hiệu mới tại 183 CHXD.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị	98
Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát	104
Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông	108
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	111
Tình hình thực hiện bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng thể điểm ASEAN	112
Quản trị rủi ro	126

CHƯƠNG

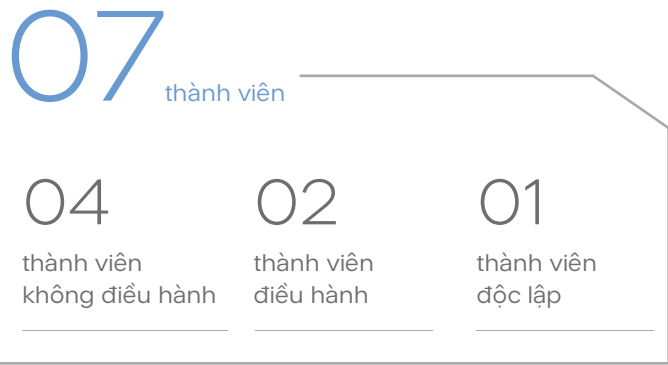
4



CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU CỦA HĐQT

Tính đến 31/12/2025, HĐQT của Tập đoàn có:



Tại phiên họp Hội đồng quản trị bất thường ngày 30/5/2025, HĐQT đã thống nhất miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tập đoàn và tạm dừng tư cách thành viên HĐQT đối với Ông Đào Nam Hải.

Trên cơ sở Nghị quyết số 263/PLX-NQ-HĐQT ngày 18/7/2025 và kết quả biểu quyết của các Thành viên HĐQT tại cuộc họp HĐQT cùng ngày, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn đã ban hành Quyết định số 689/PLX-QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Lưu Văn Tuyển – Phó Tổng giám đốc Tập đoàn giữ chức vụ Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thời hạn 05 năm.

Công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Petrolimex đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020, gồm:

TT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn	Lợi ích liên quan đối với Tập đoàn
1	Ông PHẠM VĂN THANH	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	420.390.124	32,49% (đại diện vốn Nhà nước)	0	Không	Không	Không
2	Ông LƯU VĂN TUYỂN	Thành viên HĐQT điều hành (Tổng Giám đốc)	93.549.417	7,23% (đại diện vốn Nhà nước)	0	Không	Không	Không
3	Ông TRẦN TUẤN LINH	Thành viên HĐQT không điều hành	93.549.417	7,23% (đại diện vốn Nhà nước)	0	Không	Không	Không
4	Ông TRẦN NGỌC NĂM	Thành viên HĐQT điều hành (Phó Tổng Giám đốc)	93.549.417 5.000	7,23% (đại diện vốn Nhà nước) 0,00039% (cá nhân)	0	Không	Không	Không
5	Ông NGUYỄN ANH DŨNG	Thành viên HĐQT không điều hành	11.100	0,00086% (cá nhân)	0	Không	Không	Không
6	Ông ENDO TSUYOSHI	Thành viên HĐQT không điều hành	169.228.476	13,08% (đại diện vốn cổ đông chiến lược)	0	Không	Không	Không
7	Ông ĐINH THÁI HƯƠNG	Thành viên HĐQT độc lập	32.800	0,0025% (cá nhân)	0	Không	Không	Không

1. Ông Đinh Thái Hương giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn Xăng dầu Việt Nam và nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/02/2020. Như vậy, ông Hương đảm bảo điều kiện không phải là người đang làm việc cho Petrolimex, công ty mẹ hoặc công ty con của Petrolimex; không phải là người đã từng làm việc cho Petrolimex, công ty mẹ hoặc công ty con của Petrolimex ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
3. Ông Đinh Thái Hương không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty, là người quản lý của Petrolimex hoặc công ty con của Petrolimex;
4. Ông Đinh Thái Hương sở hữu trực tiếp 0,0025% cổ phần có quyền biểu quyết của Petrolimex;
5. Ông Đinh Thái Hương giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn Xăng dầu Việt Nam đến ngày 31/01/2020. Như vậy, ông Hương đảm bảo điều kiện không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Petrolimex ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- Thông tin về thành viên độc lập Hội đồng quản trị được báo cáo đầy đủ tại cuộc họp thường niên ngày 26/04/2024 trước khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu cử.
2. Ông Đinh Thái Hương đã nghỉ hưu từ ngày 01/02/2020, do vậy không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Petrolimex, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng quy định. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo, định hướng của Đảng ủy Tập đoàn và tình hình thực tế của Tập đoàn để lãnh đạo các mặt công tác của Tập đoàn, đề ra và triển khai thực hiện các Nghị quyết.

- Chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 bằng hình thức trực tuyến theo đúng quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo rà soát, xây dựng mới và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty Mẹ – Tập đoàn. Chỉ đạo các đơn vị thành viên chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và đồng bộ với các quy định của Tập đoàn.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động SXKD các Công ty hàng quý theo quy định.
- HĐQT đã chỉ đạo thực hiện công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết theo đúng quy định.
- Chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tập đoàn.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc khác của Tập đoàn theo đúng thẩm quyền quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định.

CHIẾN LƯỢC

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Chỉ đạo quyết liệt triển khai Đề án cơ cấu lại Tập đoàn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.
- Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh thực hiện “Chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” thông qua triển khai hàng loạt dự án trọng điểm.
- Chỉ đạo triển khai “Chiến lược phát triển Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035”.
- Chỉ đạo tiếp tục tổ chức triển khai công tác sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước hiện Tập đoàn đang quản lý, sử dụng tại các địa phương.
- Chỉ đạo các công việc liên quan đến dự án toàn nhà văn phòng Petrolimex.
- Phê duyệt triển khai một số biện pháp nâng cao năng lực quản trị và giảm thiểu rủi ro tại hệ thống kho và cửa hàng xăng dầu.
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, kiểm soát chất lượng xăng dầu, bảo vệ thương hiệu, tổ chức tốt thị trường, rà soát xây dựng lại cơ chế kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường.
- HĐQT đã chỉ đạo và giao Nhóm đại diện đối với phần vốn của Tập đoàn tại các Tổng Công ty/Công ty Cổ phần, TNHH 2 thành viên trở lên xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.



Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp định kỳ và đột xuất theo quy định bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với các nội dung cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Nội dung	Kết quả
1	16/04/2024	1. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả SXKD 2 tháng đầu năm 2025. 2. Các nội dung liên quan đến ĐHĐCĐ bất thường năm 2025. 3. Thoái vốn của Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex tại PCC-1	➤ Văn bản số 0419/PLX-HĐQT ngày 07/03/2025 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 05/03/2025.
2	15/04/2025	1. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả SXKD 3 tháng đầu năm 2025. 2. Một số nội dung khác.	➤ Văn bản số 0847/PLX-HĐQT ngày 19/04/2025 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 15/04/2025.
3	07/05/2025	1. Công tác cán bộ của Tập đoàn	➤ Văn bản số 1013/PLX-HĐQT ngày 07/05/2025 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 07/05/2025.
4	12/05/2025	1. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2025. 2. Về công tác tổ chức tại Công ty Xăng dầu Khu vực II	➤ Văn bản số 1054/PLX-HĐQT ngày 12/05/2025 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 12/05/2025 Nghị quyết số 143/PLX-NQ-HĐQT ngày 13/05/2025 về công tác tổ chức tại Công ty Xăng dầu Khu vực II
5	30/05/2025	Công tác cán bộ tại Tập đoàn	➤ Nghị quyết số 178/PLX-NQ-HĐQT ngày 30/05/2025 Về việc phê duyệt công tác cán bộ tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
6	16/07/2025	Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025 của Tập đoàn	➤ Văn bản số 1735/PLX-HĐQT ngày 16/07/2024 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 16/07/2025.
7	18/07/2025	Công tác cán bộ tại Tập đoàn	➤ Nghị quyết số 263/PLX-NQ-HĐQT ngày 18/07/2025 về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
8	11/08/2025	Báo cáo kết quả SXKD 7 tháng đầu năm 2025	➤ Văn bản số 1941/PLX-HĐQT ngày 13/08/2025 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 11/08/2025.
9	24/10/2025	1. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả SXKD 09 tháng đầu năm 2025 2. Về thời gian cho thuê kho của Petrolimex Sài Gòn	
10	17/11/2025	Báo cáo tình hình thực hiện kết quả SXKD 10 tháng năm 2024.	➤ Văn bản số 2745/PLX-HĐQT ngày 19/11/2025 thông báo Kết luận tại cuộc họp HĐQT ngày 17/11/2025.
11	15/12/2025	Báo cáo kết quả nghiên cứu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Tập đoàn	➤ Nghị quyết số 425/PLX-NQ-HĐQT ngày 18/12/2025 Về việc phê duyệt chủ trương định vị lại thương hiệu, triển khai xây dựng hệ thống Nhận diện thương hiệu mới của Petrolimex

Ngoài các phiên họp định kỳ theo quy định, HĐQT đã tổ chức 123 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tập đoàn.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, Ông Đinh Thái Hương đã phát huy hiệu quả vai trò Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Ông tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng tháng của HĐQT cũng như các đợt lấy ý kiến bằng văn bản, đồng thời chủ động đóng góp ý kiến thảo luận, phản biện với tinh thần thận trọng, toàn diện đối với các nội dung trình. Trên cơ sở đó, Ông thực hiện biểu quyết một cách độc lập, khách quan, hướng tới bảo đảm tối đa lợi ích của Tập đoàn và cổ đông

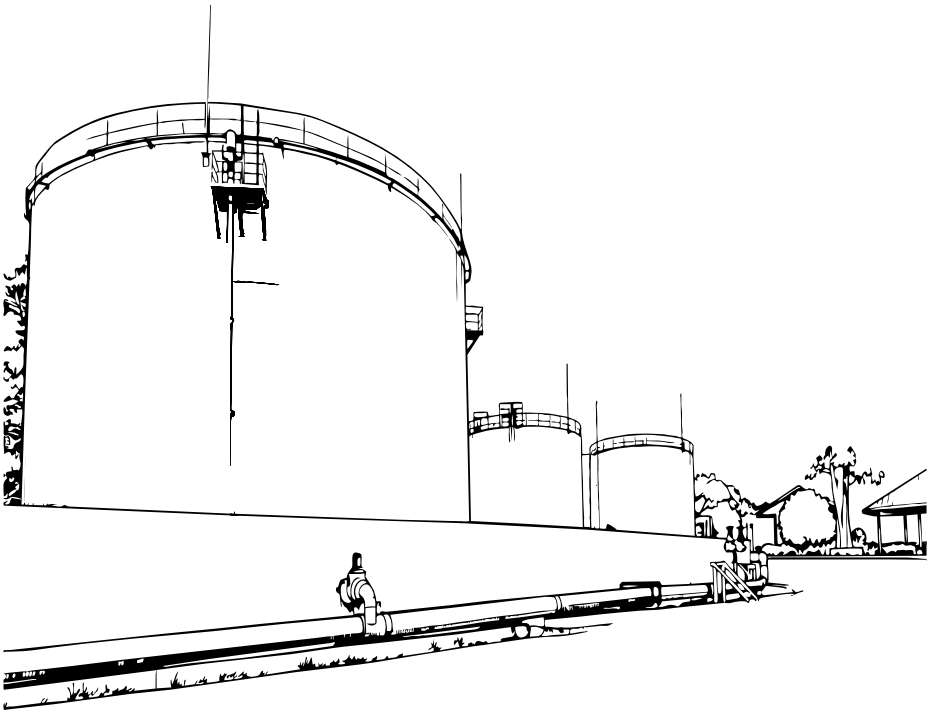
DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2025, có 02 thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty, cụ thể:

1.

Ông Trần Ngọc Năm, TV HĐQT, PTGD Tập đoàn tham dự khóa đào tạo “ESG – AI – Tự cường tài chính – Chuyển đổi số năm 2025” do Công ty cổ phần đào tạo MIS Việt Nam phối hợp cùng Đại học Andrews tổ chức tại Hoa Kỳ năm 2025. Thời gian từ ngày 19/10/2025 đến hết ngày 29/10/2025;
2.

Ông Trần Tuấn Linh, TV HĐQT Tập đoàn tham dự khóa đào tạo “Lãnh đạo xanh: Tích hợp ESG vào chiến lược doanh nghiệp ngành năng lượng” do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Trường Kinh doanh Bayes (Bayes Bussiness School) tổ chức tại Vương Quốc Anh năm 2025. Thời gian từ ngày 15/09/2025 đến hết ngày 24/09/2025.



CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần nắm giữ đến ngày 31/12/2025 (CP)	Số cổ phần sở hữu của người có liên quan đến ngày 31/12/2025 (CP)	Quyền lợi mâu thuẫn với Tập đoàn	Lợi ích liên quan đối với Tập đoàn	Thời điểm bắt đầu/không còn là thành viên Ban Kiểm soát
1	Đặng Quang Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	Cử nhân Kế toán	-	18.800	Không	Không	26/06/2020
2	Đinh Thị Kiều Trang	Kiểm soát viên	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	-	-	Không	Không	29/03/2022
3	Hoàng Mai Ninh	Kiểm soát viên	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng	6.820	12.900	Không	Không	27/04/2018
4	Okuma Atsushi	Kiểm soát viên	Cử nhân Kinh tế	-	169.228.476	Không	Không	26/04/2024
5	Mai Việt Dũng	Kiểm soát viên	Cử nhân Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Chứng chỉ ACCA, Chứng chỉ Kiểm toán viên	-	-	Không	Không	26/04/2024

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS đã thực hiện những công việc trọng tâm sau:

Xây dựng, hoàn thiện các Báo cáo thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS; Phối hợp với HĐQT Tập đoàn rà soát các tài liệu, nội dung... trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tập đoàn theo quy định.

Tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ; nghị quyết của HĐQT Tập đoàn.

Rà soát, xây dựng kế hoạch hoạt động của các KSV.

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch giám sát năm 2025 tại Quyết định 236/PLX_QĐ/HĐQT ngày 01/04/2025.

Tham gia việc rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản trị của Tập và các văn bản chỉ đạo điều hành về cơ chế kinh doanh xăng dầu.

Tổ chức thực hiện phân tích, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động SXKD, công tác quản trị năm 2024 và định kỳ năm 2025.

Tham gia các cuộc họp HĐQT; Tổ chức các cuộc họp của BKS để triển khai công việc.

Thực hiện nhiệm vụ người đại diện vốn, kiểm soát viên tại các đơn vị được phân công.

Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác của Tập đoàn.

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

26/3/2025

- › Thông qua dự thảo các báo cáo, tờ trình của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
- › Phân tích khối lượng công việc, cân đối thời gian, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện giám sát trực tiếp tại các Công ty xăng dầu : Quý II thực hiện ba CTXD, quý III thực hiện 2 Tổng Công ty

04/01/2025

- › Thảo luận chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện công tác giám sát theo QĐ 236/QĐ ngày 01/04/2025 của Chủ tịch HĐQT. Cụ thể quý II/2025: sẽ tổ chức đi giám sát 3 CTXD: PLX Hải Dương (tháng 4), PLX Nghệ An (tháng 5) và PLX Bình Thuận (tháng 6).
- › Đánh giá tổng kết trong Q1/2025 BKS đã thực hiện chuyên đề về tình hình thực hiện công tác bán hàng qua các phương thức tại các CTXD, trong đó chú trọng phân tích phương thức thương nhân nhượng quyền. BKS đã gửi báo cáo tới Tổng giám đốc.

07/03/2025

- › Tổng kết, rà soát đánh giá kết quả công tác giám sát BKS đã thực hiện tại các đơn vị trong quý II năm 2025; Chủ tịch HĐQT đã ban hành văn bản chỉ đạo các công ty triển khai thực hiện các kiến nghị của BKS tại các Biên bản giám sát đơn vị.
- › Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giám sát trực tiếp các đơn vị trong quý III/2024: BKS sẽ tổ chức đi giám sát 3 đơn vị PLC (tháng 8), PGT (dự kiến tháng 9) và PLX (tháng 9).
- › Trao đổi thảo luận về hệ thống kiểm soát của ENEOS, xem xét các ý kiến đề xuất của KSV từ ENEOS.

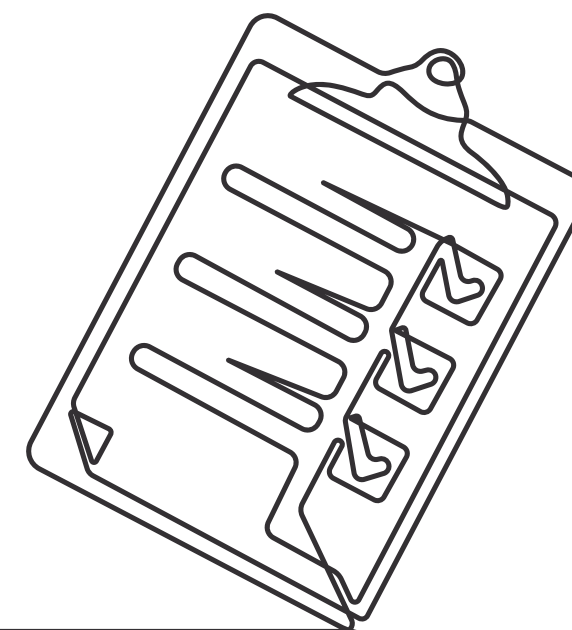
12/02/2025

- › Tổng kết đánh giá kết quả công tác giám sát tại các đơn vị trong quý III năm 2025;
- › Xem xét, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, đề xuất sửa đổi điều chỉnh (nếu có).
- › Tổng kết đánh giá kết quả công tác giám sát tại các đơn vị trong năm 2025;
- › Thảo luận lựa chọn các chuyên đề dự kiến giám sát trong năm 2026. Thảo luận, phân tích rủi ro để xây dựng kế hoạch giám sát thực tế tại các đơn vị trong năm 2026. Dự kiến lựa chọn cả CTXD và O2-O3 đơn vị khối vận tải bộ dự kiến khoảng 6-7 đơn vị .

ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên đã tích cực, chủ động vừa tham gia sâu vào quá trình quản lý điều hành, triển khai công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo tính độc lập, khách quan trên cơ sở tuân thủ các quy định của nhà nước, điều lệ Tập đoàn, quy chế hoạt động của BKS và các quy định có liên quan. Cụ thể:

- › Kiến nghị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến hoàn thiện các cơ chế, chính sách quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- › Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý. Điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.
- › Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết.
- › Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- › Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tập đoàn; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025 Tập đoàn không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Mã cổ phiếu: PLX	Tổng số cổ phiếu lưu hành: 1.270.592.235 cổ phiếu
Vốn điều lệ: 12.938.780.810.000 đồng	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 5.000.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu niêm yết: 1.293.878.081 cổ phiếu	Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.265.592.235 cổ phiếu
Loại cổ phiếu: Phổ thông	

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU PLX TRONG NĂM 2025

Tổng số phiên: 249	Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (15/08/2025): 47.512.200 cổ phiếu
Tổng giá trị khớp lệnh: 16.241 tỷ đồng	Số cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2025: 1.293.878.081 cổ phiếu
Tổng khối lượng khớp lệnh: 438.651.500 cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông: 1.293.878.081 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày: 1.846.514 cổ phiếu	Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
A. Trong nước	17.732	1.071.268.115	82,80%
1. Cá nhân	17.646	51.227.242	3,96%
Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ		80.170	0,01%
2. Tổ chức	86	1.020.040.873	78,84%
Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	1	981.686.626	75,87%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1	23.285.846	1,80%
Công đoàn	1	5.000.000	0,39%
Tổ chức khác	83	10.875.870	0,78%
B. Nước ngoài	336	222.609.966	17,20%
1. Tổ chức	60	221.855.707	17,15%
Công ty TNHH ENEOS Việt Nam	1	169.228.476	13,08%
Tổ chức khác	59	52.627.231	4,07%
2. Cá nhân	276	754.259	0,06%
Tổng cộng (A)+(B)	18.068	1.293.878.081	100%

Tình hình cổ phiếu quỹ

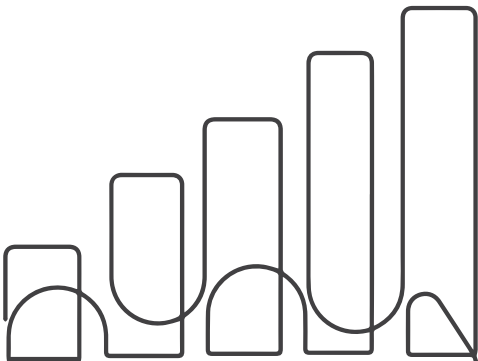
Tổng số cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2025 :

23.285.846 cổ phiếu

Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

Các chứng khoán khác

Không có



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tống Văn Hải	Phó Trưởng Ban Kiểm toán HĐQT	1.000	0,0008%	3.000	0,00023%	Mua
2	Trần Trang Thảo	Phó Trưởng Ban Kiểm toán HĐQT	3.500	0,00027%	0	0%	Bán

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hương Giang	Vợ ông Nguyễn Xuân Hùng – PTGD	0	0%	5000	0,00039%	Mua
2	Vũ Lâm	Chồng bà Hoàng Mai Ninh – Kiểm soát viên	20.900	0,0016%	12.900	0,00000997	Bán
3	Đào Thị Thu Hà	Em gái ông Đào Nam Hải	0	0,0000%	20.000	0,00155%	Mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

Không có

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2025, Tập đoàn tiếp tục tăng cường triển khai các hoạt động quan hệ nhà đầu tư (Investor Relations – IR) nhằm nâng cao tính minh bạch, củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, đồng thời nâng cao hình ảnh và uy tín của Tập đoàn trên thị trường vốn. PLX duy trì thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Bên cạnh đó, Tập đoàn đã tăng cường các hoạt động đối thoại trực tiếp với nhà đầu tư và các tổ chức phân tích trên thị trường. Trong năm 2025, Tập đoàn duy trì tổ chức các buổi trao đổi với nhà đầu tư và chuyên gia phân tích sau khi công bố kết quả kinh doanh định kỳ, đồng thời chủ động làm việc với các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư và tổ chức tài chính nhằm cung cấp thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển và các định hướng dài hạn của Tập đoàn. Các hoạt động này góp phần tăng cường sự hiểu biết của thị trường đối với mô hình kinh doanh, triển vọng tăng trưởng và chiến lược chuyển dịch năng lượng của Petrolimex.

Năm 2025 cũng đánh dấu những bước tiến quan trọng trong quá trình chuẩn hóa và từng bước chuyên nghiệp hóa hoạt động IR của Petrolimex, tiệm cận các thông lệ tốt trên thị trường vốn. Tập đoàn đã tăng cường hoàn thiện các quy trình nội bộ liên quan đến công bố thông tin và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư; củng cố cơ chế phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong việc chuẩn bị thông tin và phản hồi các yêu cầu từ thị trường; đồng thời chuẩn hóa nội dung và cấu trúc các tài liệu IR nhằm đảm bảo thông tin truyền tải ra thị trường được nhất quán, dễ tiếp cận và phù hợp với thông lệ của các doanh nghiệp niêm yết quy mô lớn.

Trong thời gian tới, Petrolimex định hướng tiếp tục phát triển hoạt động quan hệ nhà đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và chủ động hơn, hỗ trợ khả năng tiếp cận các nguồn vốn dài hạn và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của PLX.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tập đoàn được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tập đoàn theo quy định của Nhà nước.

Tiền thưởng (nếu có) của Ban Quản lý, điều hành Tập đoàn sẽ được trích từ lợi nhuận sau thuế và thực hiện theo Quy chế quản lý Tài chính của Tập đoàn.

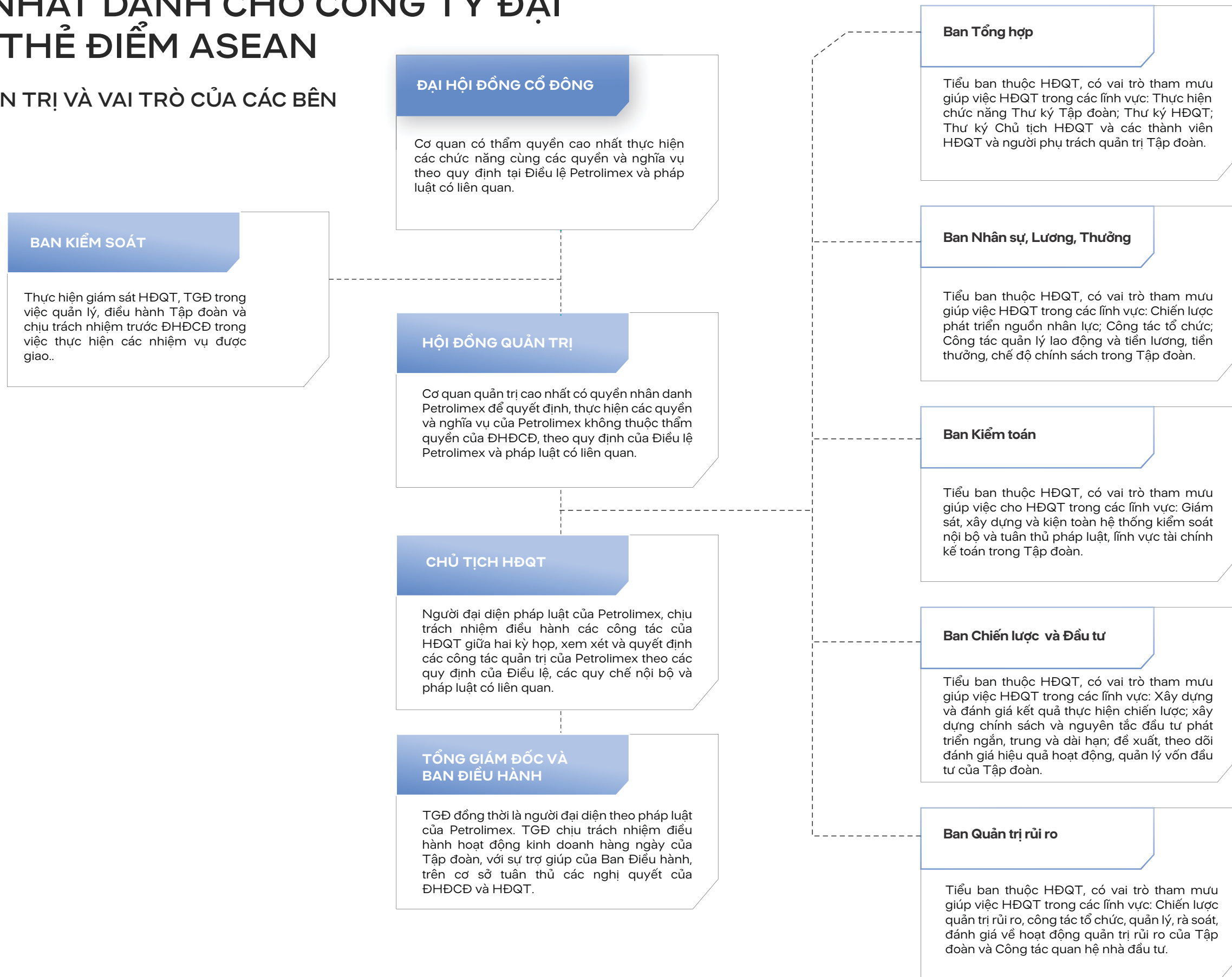
Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tập đoàn.

Tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD và Kế toán trưởng Tập đoàn là:

- Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT là **5.310.840.639** đồng
- Quỹ tiền lương, thù lao của BKS là **5.726.084.058** đồng
- Quỹ tiền lương của Ban điều hành và tương đương là **18.100.105.654** đồng
- Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát, được thực hiện theo điều lệ, quy chế, quy định hiện hành của Tập đoàn.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG THỂ ĐIỂM ASEAN

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN



QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025

Trong năm 2025, Petrolimex tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty nói chung cũng như các quy định quản trị đối với công ty niêm yết. Ngoài ra, để nâng cao tính tuân thủ thực hiện quy định pháp luật về quản trị công ty, Petrolimex đã nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, thông qua việc áp dụng và ngày càng bám sát các tiêu chí trong Nguyên tắc Quản trị quốc tế của OECD, Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất 2019.

Cụ thể, Petrolimex đã đáp ứng tốt các tiêu chí liên quan đến quyền của cổ đông, đảm bảo vai trò của các bên có liên quan, công bố và minh bạch thông tin. Petrolimex đã và đang nỗ lực xây dựng kế hoạch để có thể đáp ứng tốt nhất các nguyên tắc của Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất 2019, Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN cũng như các quy định liên quan khác.

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của Petrolimex trong năm 2025 tham chiếu với các tiêu chí trong Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất 2019, Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN.

Nguyên
tắc

01

THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ,
TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT
CỦA HĐQT

Nguyên
tắc

02

THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ
NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN
NGHIỆP

Nguyên
tắc

03

ĐẢM BẢO VAI TRÒ LÃNH
ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH
ĐỘC LẬP CỦA HĐQT

Nguyên
tắc

04

THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN
THUỘC HĐQT

Nguyên
tắc

05

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG
CỦA HĐQT

Nguyên
tắc

06

THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN
HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

Nguyên
tắc

07

THIẾT LẬP KHUNG QUẢN
LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

Nguyên
tắc

08

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA
CÔNG TY

Nguyên
tắc

09

THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ
ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ
QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Nguyên
tắc

10

TĂNG CƯỜNG THAM GIA
HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN
CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Nguyên tắc

01

THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT

>
Tại Petrolimex, HĐQT luôn hành động trên cơ sở có đầy đủ thông tin vì lợi ích cao nhất và lâu dài của Petrolimex, một cách có thiện ý, miễn cán và cẩn trọng và vì lợi ích của tất cả các cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Petrolimex.

>
Mô hình hoạt động, cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và thù lao của thành viên HĐQT được quy định rõ trong Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, đồng thời được công bố công khai trên Báo cáo thường niên và website của Tập đoàn.

>
HĐQT xem xét và phê duyệt định hướng chiến lược của Petrolimex, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm, phương án đầu tư và dự án đầu tư trong tầm quyền.

>
HĐQT đã và đang thể hiện tốt vai trò giám sát Petrolimex trong việc theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị và tuân thủ pháp luật hiện hành của Petrolimex. Bên cạnh đó, HĐQT cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách phát triển bền vững của Petrolimex, các hoạt động bảo vệ môi trường và công tác an sinh xã hội.

>
Tất cả thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Trong trường hợp không thể tham dự, thành viên HĐQT đều có thông báo gửi HĐQT và nêu lý do cụ thể. Thông báo mời họp và các tài liệu họp được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Biên bản họp đều được gửi đến tất cả thành viên HĐQT để ghi nhận tất cả các nội dung họp. Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp và 123 lần lấy ý kiến bằng văn bản.

>
Về quy hoạch nhân sự kế cận, HĐQT vẫn tiếp tục thực hiện chương trình quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp cao để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo vững mạnh ở mọi cấp.

TƯ DUY MỚI - DẪN TƯƠNG LAI
117

Nguyên tắc

02

THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP

>
Petrolimex đã và đang duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của Petrolimex, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và các bên liên quan của Petrolimex.

>
Theo Điều lệ, cơ cấu HĐQT của Petrolimex có tối đa 09 thành viên. Hiện nay, Petrolimex có 07 thành viên. Petrolimex sẽ xem xét, tiếp tục tìm kiếm ứng cử viên phù hợp theo chiến lược phát triển của Petrolimex trong thời gian tới.

>
Các thành viên HĐQT của Petrolimex có quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để chèo lái và giám sát Tập đoàn hoạt động hiệu quả. Xin vui lòng xem thông tin giới thiệu từng thành viên HĐQT trong báo cáo này.

>
Việc giới thiệu ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT được Ban Nhân sự, Lương, Thưởng trực thuộc HĐQT thực hiện cẩn trọng theo quy trình lựa chọn ứng cử viên thành viên HĐQT, trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHĐCĐ.

>
HĐQT của Tập đoàn có 07 thành viên, trong đó 02 thành viên điều hành, 04 thành viên không điều hành và 01 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT không điều hành có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Petrolimex, bảo đảm có được cơ chế kiểm soát cân bằng và phù hợp.

>
Ngay sau khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, ngày 04/06/2012, HĐQT đã ban hành Quyết định thành lập Ban Tổng hợp với chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý các mặt hoạt động của Tập đoàn; là đầu mối thường trực quan hệ và tập hợp các nội dung công việc giữa HĐQT với các cổ đông và các tổ chức trong và ngoài Tập đoàn; làm Thư ký Tập đoàn, Thư ký HĐQT trong việc giải quyết các công việc quản trị Tập đoàn.

>
Về đào tạo quản trị: Các thành viên HĐQT tích cực tham gia các chương trình đào tạo có nội dung liên quan đến quản trị công ty để cập nhật thông tin.

Nguyên tắc

03

ĐẢM BẢO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT

>
HĐQT của Petrolimex hiện mới có 01 thành viên độc lập. Petrolimex đang tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương án đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định. Thành viên độc lập HĐQT của Petrolimex có đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn và đáp ứng đúng các tiêu chí của IFC về định nghĩa “thành viên độc lập HĐQT góp phần đảm bảo để việc ra quyết định được khách quan hơn, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích”.

>
HĐQT của Petrolimex đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn. Tất cả các thành viên HĐQT đều am hiểu hoặc có kiến thức chuyên môn về tài chính, quản lý rủi ro, CNTT, pháp lý, quản trị kinh doanh, kinh nghiệm quốc tế, môi trường kinh doanh.

>
Vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc được tách bạch, giúp cân bằng quyền lực, tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT và Ban điều hành.

Nguyên tắc

04

THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

HĐQT Petrolimex đã thành lập 05 tiểu ban chuyên trách thuộc HĐQT để giúp việc, hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng và tránh mọi xung đột lợi ích.

Trong năm 2025, các tiểu ban đã có các hoạt động chính:

Ban Tổng hợp

- Tham mưu để Người đại diện vốn nhà nước, Hội đồng quản trị tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền.
- Chủ trì/phối hợp với các Ban có liên quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT tổ chức thành công ĐHĐCĐ bất thường, ĐHĐCĐ thường niên 2025 bằng hình thức trực tuyến.
- Tham mưu HĐQT ban hành một số quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn và công ty TNHH MTV Petrolimex , từ đó nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn.
- Chủ trì tham mưu HĐQT chỉ đạo triển khai hiệu quả công tác ASXH của Tập đoàn trên cả nước.

Ban Quản trị rủi ro

- Chủ trì, phối hợp cùng các Phòng, Ban để xây dựng và quản lý các rủi ro của Tập đoàn.
- Phối hợp với các chủ rủi ro triển khai thực hiện quản trị rủi ro cấp quy trình đối với 02 quy trình: Quy trình sử dụng và quản lý hóa đơn bán hàng và Quy trình kiểm tra việc thực hiện các quy định về PCCC tại CHXD.
- Phối hợp với các Ban có liên quan tham mưu, tư vấn cho HĐQT về thoái vốn đầu tư ngoài ngành.
- Chủ trì, phối hợp cùng các Phòng, Ban liên quan để xây dựng Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển bền vững.

Ban Kiểm toán

- Ban Kiểm toán đã chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu về thời gian và đã hoàn thành kiểm tra tại 4/6 đơn vị bao gồm các CTXD trong nước (Lào Cai, Sông Bé, Tuyên Quang, Thanh Hóa). Phối hợp, tham gia các cuộc kiểm tra khác theo phân công của lãnh đạo Tập đoàn.
- Tham mưu, xây dựng phương án rà soát, điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án tổ chức, sắp xếp các CTXD trực thuộc Tập đoàn đã được thông qua. Chủ trì, phối hợp xây dựng Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính mẫu, Quy chế quản lý tài chính của 34 Công ty TNHH Petrolimex thành viên.
- Tham gia ý kiến, thẩm định phương án phân phối lợi nhuận, phương án sử dụng các quỹ tại Công ty Mẹ và các Công ty TNHH MTV năm 2025; kế hoạch SXKD năm 2025 của các CTXD và các CTCP, rà soát kế hoạch điều chỉnh các công ty sau sáp nhập.

Ban Nhân sự, Lương, Thưởng

- Ban đã hoàn thành tốt theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm 2025. Trong đó có việc tham gia cùng các phòng ban liên quan hoàn thành thủ tục chuyển đổi, hoàn thiện 34 Công ty TNHH MTV Petrolimex kể từ ngày 01/10/2025.

Ban Chiến lược và Đầu tư

- Chủ trì tham gia cùng các Ban Tập đoàn nghiên cứu, xây dựng Nhận diện thương hiệu mới.
- Tham gia quy hoạch đội tàu của PGT giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2040.
- Chủ trì công tác quản lý đất đai Tập đoàn.
- Tham gia công tác thẩm định các dự án đầu tư (CHXD, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật...) theo phân cấp, phân công của Tập đoàn.
- Chủ trì, tham gia công tác thoái vốn, tái cấu trúc các Công ty Cổ phần.
- Tham gia Ban chỉ đạo thực hiện đề án Tái cơ cấu lại Tập đoàn.

Nguyên tắc

05

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Hằng năm, HĐQT đều thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của từng ban thuộc HĐQT. Việc đánh giá hoạt động của từng thành viên sẽ được HĐQT cân nhắc và xem xét áp dụng trong thời gian thích hợp.
- Thù lao của HĐQT, BKS, Ban điều hành và Kế toán trưởng được công bố công khai và lập thành một mục riêng trong Báo cáo Tài chính của Tập đoàn, đồng thời tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Nguyên tắc

06

THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

- Petrolimex đã ban hành Văn hóa doanh nghiệp và Bộ quy tắc ứng xử (năm 2012), Nội quy lao động (cập nhật tháng 03/2024) áp dụng trong toàn Tập đoàn nhằm thiết lập chuẩn mực cho hành vi chuyên môn, đạo đức và văn hóa doanh nghiệp, đồng thời làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài.



Môi trường kiểm soát

Nguyên tắc

07

THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

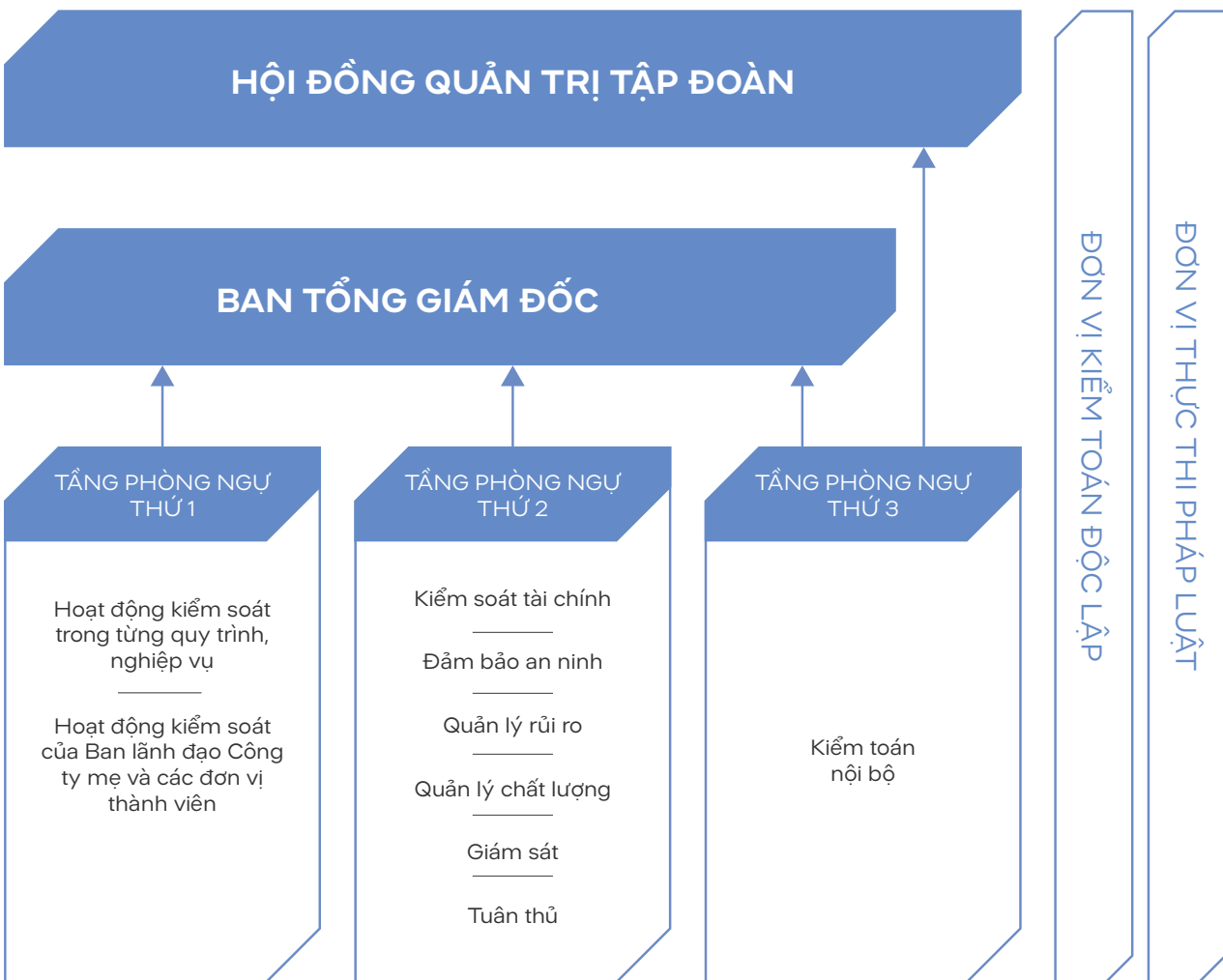
- HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra. Trong năm 2025, được sự thông qua của ĐHĐCĐ, Công ty TNHH KPMG đã được lựa chọn là đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025.
- HĐQT đã xây dựng và đi vào hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ với 3 tầng phòng ngự nhằm mục tiêu bảo vệ tài sản của Petrolimex, bảo đảm độ tin cậy của các thông tin, bảo đảm việc thực hiện các chế độ pháp lý và bảo đảm hiệu quả của hoạt động của Petrolimex.

Tầng phòng ngự thứ 1: Các cấp điều hành kinh doanh ở cả Công ty mẹ và các đơn vị thành viên là tầng phòng ngự thứ 1 của Petrolimex. Các quy trình, nghiệp vụ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc kiểm soát nội bộ, tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế tối đa các sai sót phát sinh từ các nghiệp vụ hàng ngày.

Tầng phòng ngự thứ 2: Các kiểm soát của Petrolimex về tài chính, quản lý chất lượng hàng hóa, giám sát các quy trình, nghiệp vụ và quản lý rủi ro.

Tầng phòng ngự thứ 3: Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bộ phận kiểm toán nội bộ cung cấp các đánh giá độc lập và bảo đảm cho Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc về các thiết kế và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong việc điều hành hoạt động kinh doanh cũng như việc thực hiện các công tác kiểm soát nội bộ của Tập đoàn, HĐQT đã thiết lập và giám sát sự vận hành của các hệ thống công cụ hỗ trợ như hệ thống SAP-ERP, hệ thống EGas AGas...



Công bố thông tin và minh bạch

Nguyên tắc

08

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

- › Petrolimex cam kết luôn tuân thủ việc minh bạch và công bằng trong công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Trong năm 2025, Petrolimex không vi phạm pháp luật về công bố thông tin.
- › HĐQT Petrolimex ban hành Quy chế công bố thông tin, để bảo đảm mọi thông tin liên quan về hoạt động của Petrolimex được công bố một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo quy định pháp lý hiện hành.
- › Petrolimex có bộ phận quản lý cổ đông, quan hệ nhà đầu tư và bộ phận công bố thông tin chịu trách nhiệm cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và giám sát truyền thông ra bên ngoài cho các cổ đông và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật. Petrolimex luôn xác định hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư hướng tới minh bạch thông tin, tuân thủ các quy định pháp luật, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cho cổ đông. Petrolimex triển khai Tổng đài chăm sóc khách hàng (19002828) để tiếp nhận thông tin từ cổ đông, nhà đầu tư... đồng thời tăng cường tương tác, trao đổi với cổ đông, nhà đầu tư thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến.
- › Các thông tin liên quan và trọng yếu về hoạt động kinh doanh của Petrolimex được công bố kịp thời thông qua nhiều phương tiện như website, kênh truyền thông đại chúng, gặp gỡ định kỳ với nhà đầu tư, nhà phân tích...
- › Thông tin về cấu trúc sở hữu và mô hình hoạt động của Tập đoàn; dữ liệu về cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, thành viên HĐQT và Ban Điều hành; giao dịch với các bên liên quan được công bố và cập nhật công khai trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và website của Tập đoàn.
- › Chất lượng và thời hạn công bố của Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính: Báo cáo thường niên của Tập đoàn được lập đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính của Tập đoàn luôn được công bố đúng thời hạn và theo đúng các quy định về công bố thông tin.
- › Thông tin về tác động môi trường và xã hội cũng như các hoạt động trách nhiệm xã hội của Petrolimex được công bố công khai và cập nhật trong báo cáo thường niên của Tập đoàn.

Các quyền của cổ đông

Nguyên
tắc

09

THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Nguyên tắc 9.1: Quyền của cổ đông và đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông

- Petrolimex công nhận và coi trọng quyền của tất cả các cổ đông, chủ sở hữu của Công ty, bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.
- Petrolimex đã đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời. Petrolimex chú trọng đến tính đầy đủ của việc công bố thông tin để các cổ đông có thể đưa ra những quyết định có căn cứ tại cuộc họp ĐHĐCĐ, bao gồm việc bỏ phiếu và bày tỏ ý kiến về những thay đổi đáng kể dựa trên những thông tin chính xác, đầy đủ, minh bạch và được chia sẻ một cách công bằng.
- Quyền của cổ đông được quy định rõ ràng tại Điều lệ Petrolimex và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Năm 2025, Petrolimex đã đảm bảo quyền cho tất cả các cổ đông, nhà đầu tư bao gồm cả quyền lợi về tài chính, quyền tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Tập đoàn.

Nguyên tắc 9.2: HĐQT đã chỉ đạo tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông hiệu quả

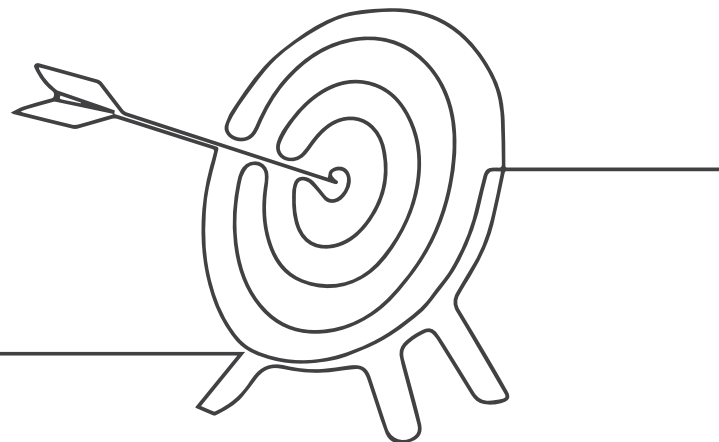
- Ngày 25/04/2025, Tập đoàn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên bằng hình thức trực tuyến, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông.
- Petrolimex cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên của Petrolimex.
- Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông với nội dung thông tin đầy đủ về thời gian, địa điểm, hình thức họp, chương trình họp, cách thức tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và các thông tin cơ bản khác về việc đăng ký tham dự.
- Toàn bộ tài liệu họp được đăng tải công khai trên website Petrolimex bằng tiếng Việt 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh cũng được công bố , giúp các cổ đông nước ngoài tiếp cận tài liệu một cách nhanh nhất, đồng thời thể hiện nỗ lực tiến tới sự chuyên nghiệp trong quản trị của Petrolimex.
- Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Petrolimex hoặc đại diện được ủy quyền được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban Kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- Chương trình ĐHĐCĐ được truyền hình trực tiếp, có phiên dịch cabin tiếng Anh để tất cả cổ đông có thể dễ dàng theo dõi nội dung, diễn biến Đại hội ở các địa điểm khác nhau. Tại Đại hội, các cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi cho Đoàn chủ tọa về các nội dung liên quan đến hoạt động của Petrolimex. Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và các thành viên Đoàn chủ tọa đã giải đáp đầy đủ các ý kiến của cổ đông ngay tại cuộc họp.
- Toàn bộ quá trình kiểm tra tư cách cổ đông, giám sát quá trình bỏ phiếu và kiểm phiếu biểu quyết đều có sự tham gia của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – một trong những Công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Kết quả biểu quyết, bầu cử bằng hình thức bỏ phiếu điện tử nhanh, chính xác, minh bạch, công khai và không thể can thiệp, sửa chữa.
- Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website của Tập đoàn bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trong vòng 24 giờ theo đúng quy định với đầy đủ các thông tin theo đúng trình tự thời gian. Trong đó có ghi nhận chính xác và đầy đủ số phiếu và tỷ lệ biểu quyết xin ý kiến cổ đông về các nội dung họp, ý kiến phát biểu của cổ đông.

Nguyên tắc 9.3: HĐQT đã xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán

- Chính sách cổ tức của Petrolimex đều được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm phê duyệt căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm.
- Năm 2025 Petrolimex đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 thông qua và theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục và thời gian chi trả, cụ thể: chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%. Tất cả các thông tin về thủ tục chi trả cổ tức được công bố rõ ràng, công khai trên website của Tập đoàn.

Nguyên tắc 9.4: Giao dịch với bên liên quan được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của Petrolimex và cổ đông.

- Về việc đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của Tập đoàn, cổ đông, Mục 6 Điều lệ Tập đoàn quy định rõ các thành viên HĐQT phải có trách nhiệm cẩn trọng, trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi và vì quyền lợi tối cao của các cổ đông và Tập đoàn. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm phải bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác.
- Các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT được quy định chi tiết trong Điều lệ Tập đoàn và thông tin được công bố định kỳ trong Báo cáo quản trị 06 tháng và năm, Báo cáo thường niên.



Đảm bảo vai trò của các bên liên quan

Nguyên tắc

10

TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

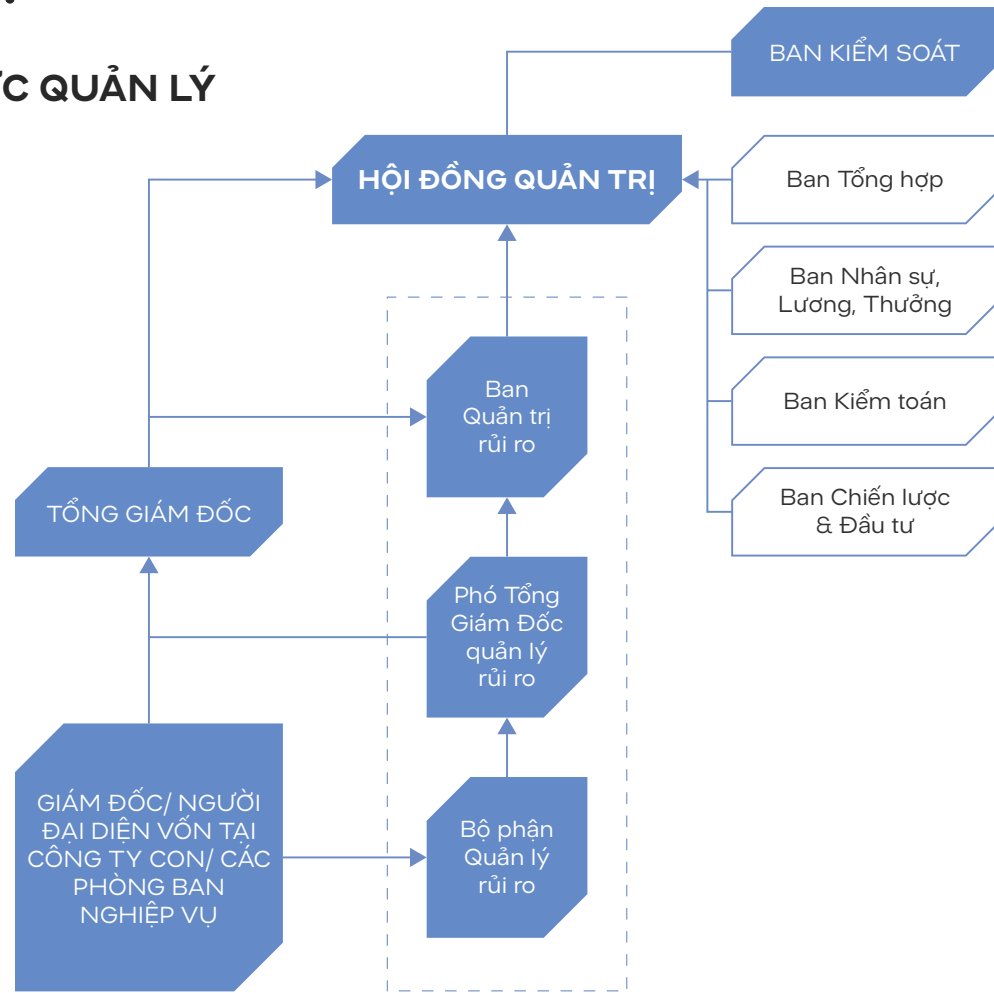
Bên liên quan	Cam kết của Petrolimex
Khách hàng	Đầu tư phát triển các nền tảng, giải pháp, sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của khách hàng và không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu nhằm đảm bảo uy tín với khách hàng. Petrolimex là doanh nghiệp tiên phong kinh doanh các sản phẩm năng lượng sạch, chất lượng cao, thân thiện với môi trường; chú trọng nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ để bảo vệ môi trường.
Cổ đông, nhà đầu tư	Minh bạch hóa thông tin và nỗ lực mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, nhà đầu tư
Cán bộ nhân viên	Tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ nhân viên, người lao động phát huy thế mạnh để thành công
Cộng đồng	Nâng cao giá trị cuộc sống và trở thành điểm tựa tin cậy cho sự phát triển của cộng đồng
Chính phủ và các bộ ban ngành	Luôn đồng hành với các chương trình của Chính phủ, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước
Đối tác, nhà cung cấp	Nỗ lực thiết lập quan hệ với các đối tác trên cơ sở thấu hiểu, phát huy tối đa sức mạnh hợp tác, gắn bó lâu dài, cùng thành công và phát triển bền vững
Báo chí và cơ quan truyền thông	Cung cấp kịp thời và minh bạch các thông tin liên quan đến hoạt động của Petrolimex cũng như các đơn vị thành viên

- › Petrolimex triển khai Tổng đài chăm sóc khách hàng (19002828). Đây là một kênh quan trọng để nắm bắt thông tin phản ánh từ khách hàng cho tất cả các mặt hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt là những hoạt động tại hệ thống CHXD, từ đó góp phần nâng cao hình ảnh, chất lượng dịch vụ của Petrolimex.
- › Tập đoàn đã hoàn thành việc đăng ký việc bảo hộ các nhãn hiệu và quyền tác giả thiết kế nâng cấp nhận diện CHXD Petrolimex. Ngoài ra, Tập đoàn cùng với các đơn vị thành viên cũng tăng cường triển khai thực hiện công tác bảo vệ thương hiệu thông qua các chương trình hợp tác với các cơ quan Quản lý thị trường.
- › Biên lai điện tử tại CHXD đối với các giao dịch thanh toán qua POS tiếp tục được vận hành ổn định và đồng bộ trên toàn Tập đoàn, góp phần giảm việc lưu trữ biên lai giấy tại CHXD, tiết kiệm nhân công, thời gian, chi phí, khẳng định sự minh bạch và gia tăng niềm tin với khách hàng.
- › Petrolimex đã và đang tiếp tục nâng cấp app Petrolimex để bổ sung các tính năng hữu ích, đáp ứng nhu cầu, trải nghiệm của khách hàng.
- › Bên cạnh công tác truyền thông luôn được ưu tiên, chú trọng, năm 2025, Petrolimex tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động truyền thông nội bộ thông qua việc tổ chức khóa đào tạo trên quy mô toàn Tập đoàn nhằm nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin và gắn kết nội bộ. Một số sản phẩm tiêu biểu đã được công bố, bao gồm Bản tin nội bộ trên hệ thống Văn phòng số của Tập đoàn. Bên cạnh đó, các kênh truyền thông nội bộ khác cũng được triển khai thông qua website chính thức và Bản tin nội bộ (E-newsletter)



QUẢN TRỊ RỦI RO

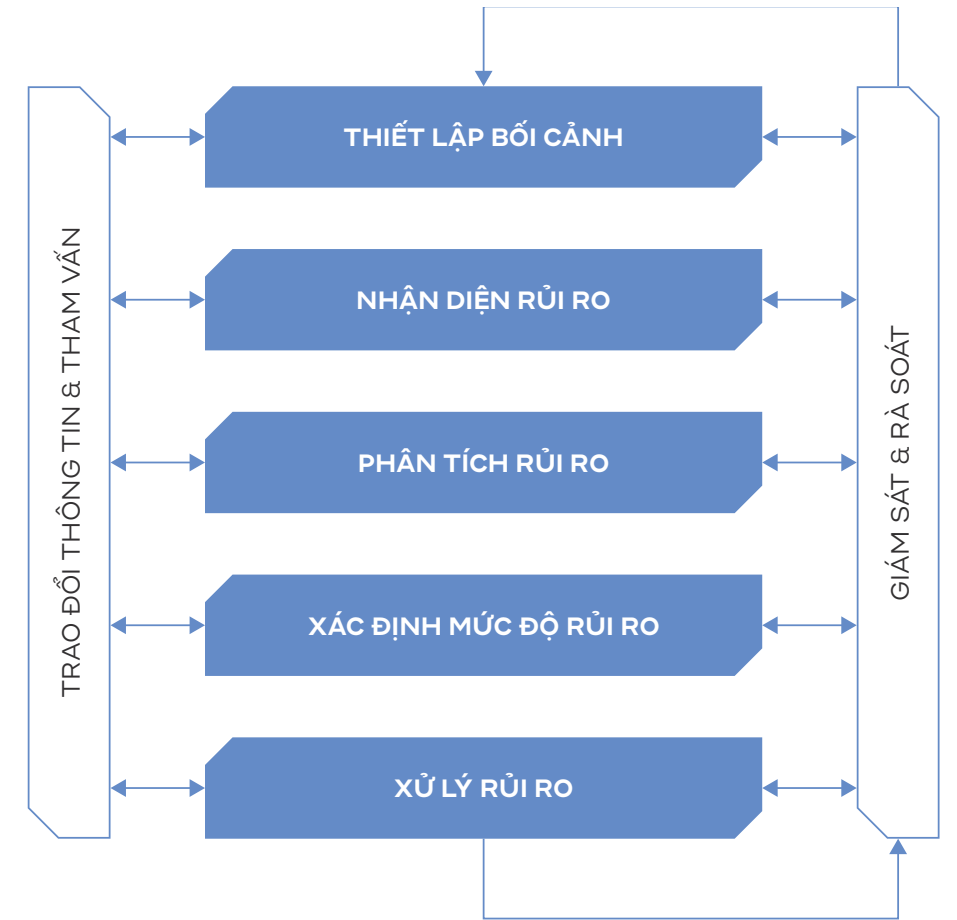
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO



Trong đó:

- HĐQT chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc định hướng, giám sát toàn bộ công tác QLRR.
- Ban QTRR giúp việc cho HĐQT, chịu trách nhiệm chung đối với việc giám sát hoạt động QLRR trong toàn Tập đoàn thông qua việc giám sát hoạt động QLRR theo các chính sách và khẩu vị rủi ro.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản lý các rủi ro của Tập đoàn, bao gồm việc đưa ra các định hướng cho hoạt động quản lý của mình.
- Phó Tổng Giám đốc QLRR định hướng xây dựng và triển khai hoạt động QLRR trong toàn Tập đoàn.
- Bộ phận QLRR chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai hoạt động QLRR trong toàn ban nghiệp vụ QLRR.
- Ban Kiểm toán chịu trách nhiệm đánh giá độc lập tính hiệu quả của các quy trình và hoạt động QLRR, cung cấp kịp thời các đánh giá độc lập cho HĐQT về tính hiệu quả của hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO



CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro đóng vai trò là yếu tố hạt nhân giúp Petrolimex chủ động định hướng hoạt động kinh doanh một cách rõ ràng, đưa ra các quyết định phù hợp với khả năng chịu đựng và mức độ rủi ro mong muốn, tăng cường độ bền bỉ, khả năng thích ứng với những thay đổi trong môi trường kinh doanh cũng như trong nội tại của Tập đoàn và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

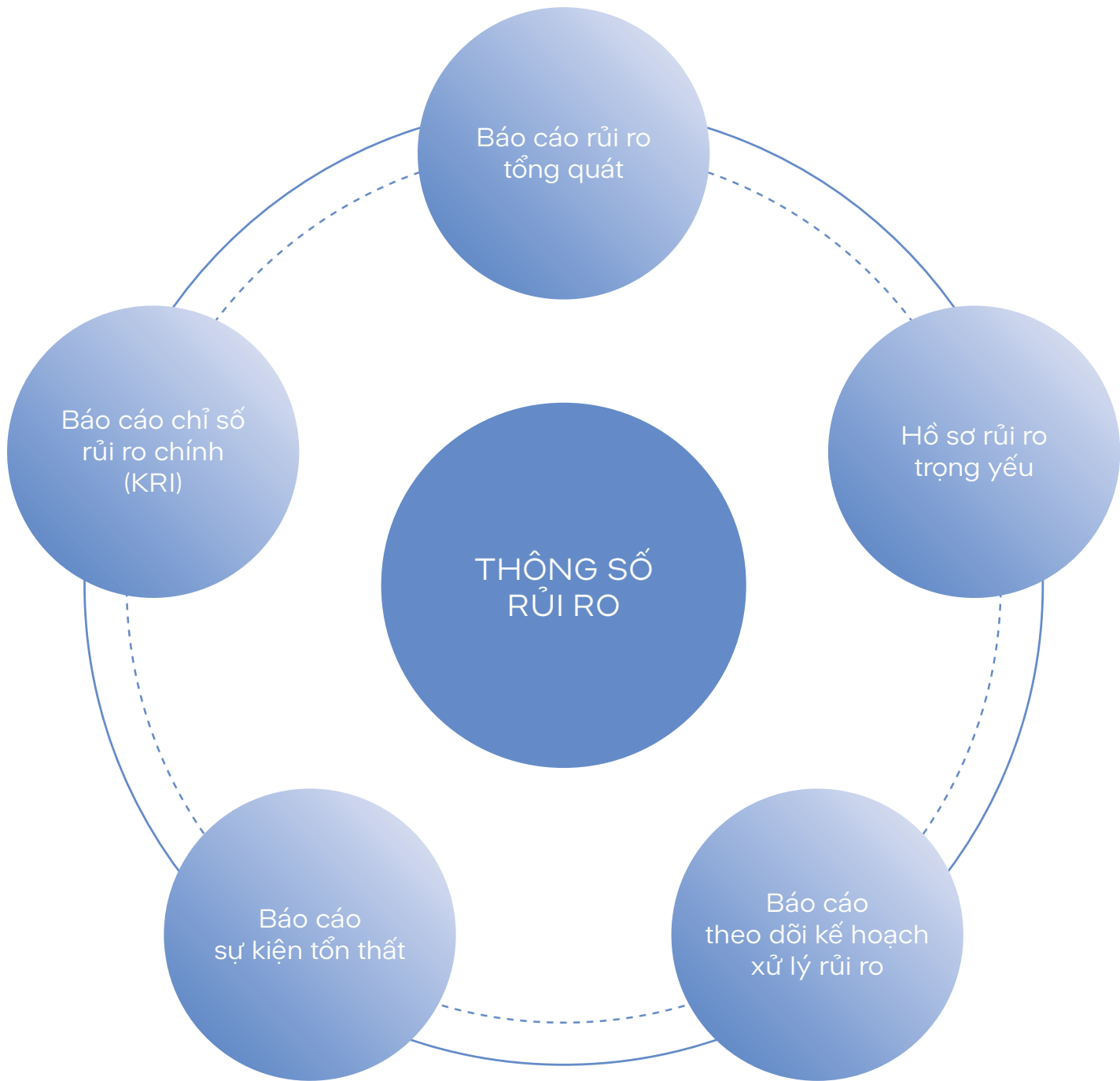
Petrolimex xác định chiến lược quản lý rủi ro của Tập đoàn trước hết cần tập trung vào việc nhận diện và quản lý các rủi ro gắn với hoạt động kinh doanh xăng dầu cũng như các rủi ro mang tính chiến lược lâu dài, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, TĐH và CDS, tăng cường năng lực quản trị và nâng cao năng suất lao động.

Các chiến lược quản trị rủi ro cụ thể của Petrolimex bao gồm:

- › **Chiến lược 1:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao
- › **Chiến lược 2:** Xây dựng văn hóa và nhận thức về rủi ro
- › **Chiến lược 3:** Nhận diện và quản lý các rủi ro trọng yếu
- › **Chiến lược 4:** Gắn quản lý rủi ro với việc ra quyết định và xây dựng mục tiêu
- › **Chiến lược 5:** Ứng dụng CNTT, TĐH, CDS vào QLRR

BÁO CÁO VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Các loại báo cáo quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị các rủi ro hiện tại và rủi ro tiềm ẩn của Tập đoàn. Bên cạnh việc duy trì danh mục rủi ro, yêu cầu báo cáo rủi ro tại Tập đoàn hiện nay bao gồm các đầu mục chủ yếu sau:



MỘT SỐ RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Trong năm 2025, một số rủi ro trọng yếu tiêu biểu của Tập đoàn gồm có:

STT	Rủi ro	Ảnh hưởng
1	Rủi ro hàng tồn kho và rủi ro giá dầu	Cao
2	Rủi ro an toàn cháy nổ, an toàn môi trường và an toàn VSLĐ	Trung bình

Rủi ro hàng tồn kho và rủi ro giá dầu

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Petrolimex gắn liền với việc mua bán các sản phẩm về xăng dầu nên hiệu quả kinh doanh thường xuyên chịu ảnh hưởng của biến động nguồn cung cũng như diễn biến tăng giảm giá sản phẩm dầu tham chiếu trên thị trường trong nước và quốc tế. Vì vậy, rủi ro hàng tồn kho và rủi ro giá dầu luôn nhận được sự quan tâm hàng đầu từ Tập đoàn.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn từ sớm, từ xa.
- Tìm kiếm bổ sung danh sách các nhà cung cấp.
- Bám sát diễn biến thị trường và giá dầu thế giới, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo nguyên tắc thận trọng, điều tiết kế hoạch tạo nguồn và hoạt động kinh doanh phù hợp tình hình.
- Điều chỉnh quy định về lập đơn hàng; Tính toán, lựa chọn áp dụng các công thức giá mua phù hợp.
- Tăng cường tạo nguồn về các đầu cảng tại các thời điểm nhu cầu dự kiến tăng đột biến, ví dụ trước và trong dịp Tết, dịp nghỉ lễ.
- Chủ động nghiên cứu, xây dựng phương án, kịch bản cụ thể để ứng phó khi có tình huống phát sinh.

Rủi ro an toàn cháy nổ, an toàn môi trường và an toàn VSLĐ

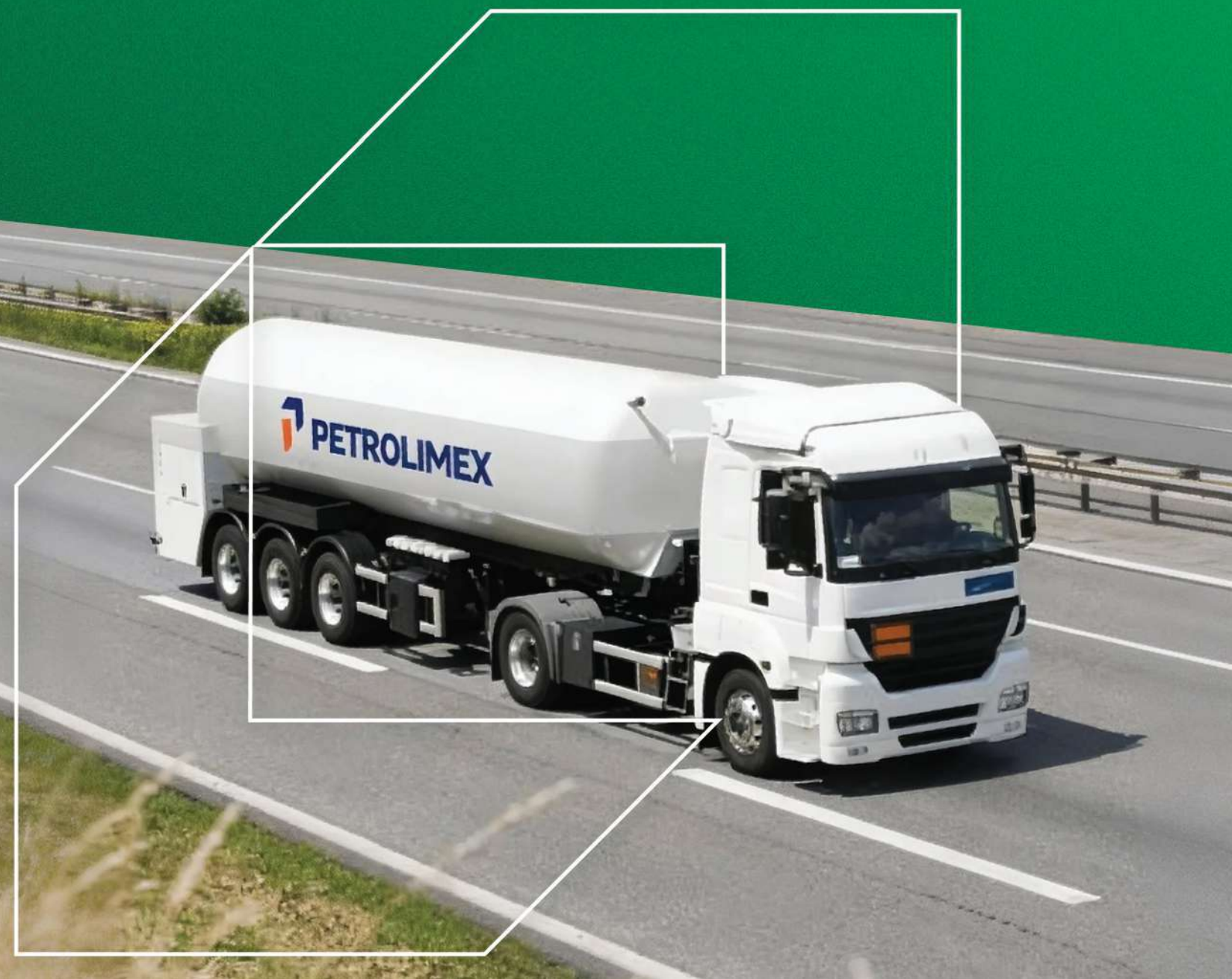
Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, an toàn PCCC, an toàn môi trường và an toàn vệ sinh lao động luôn được Tập đoàn xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Các rủi ro có thể phát sinh từ thiên tai, nguy cơ phá hoại từ bên ngoài, vi phạm của người lao động, hạn chế của hệ thống quy trình – quy định cũng như công nghệ và trang thiết bị kỹ thuật.

Để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, Petrolimex đã xây dựng, rà soát và cập nhật hệ thống quy trình nghiệp vụ, tăng cường đào tạo nâng cao nhận thức an toàn cho người lao động, đồng thời triển khai quy trình PCCC, tổ chức diễn tập định kỳ các phương án ứng phó sự cố như chữa cháy, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó sự cố tràn dầu. Bên cạnh đó, Tập đoàn đẩy mạnh đầu tư công nghệ, trang thiết bị và tự động hóa trong vận hành nhằm nâng cao mức độ an toàn và chủ động phòng ngừa rủi ro.

PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

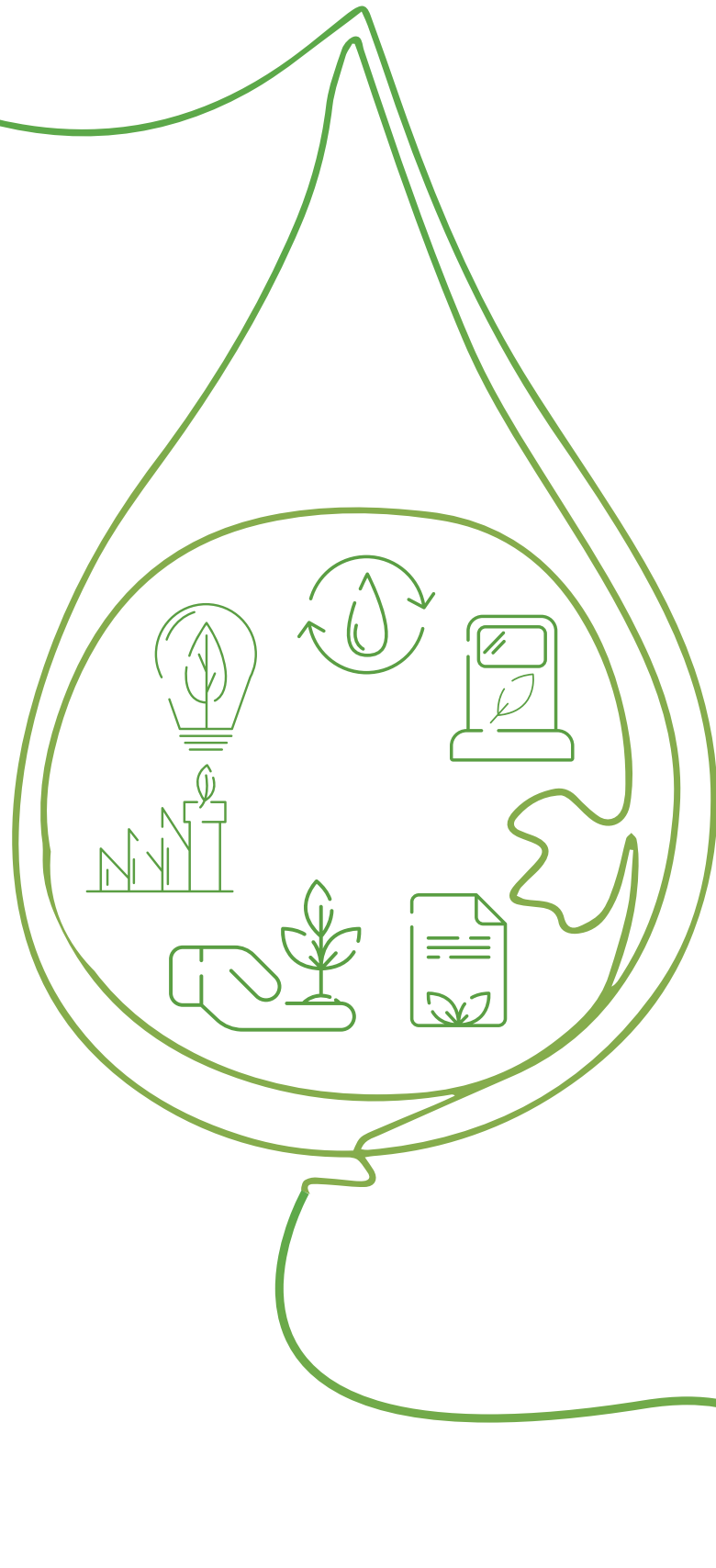
CHƯƠNG

35



NGƯỜI CAO NHẤT CHỊU TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG

Tại Petrolimex, Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất chịu trách nhiệm trong việc ra quyết định và giám sát việc quản lý các tác động của Petrolimex đối với kinh tế, môi trường và xã hội.



TỔNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRỰC TIẾP (PHẠM VI 1)



Sử dụng nhiên liệu

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (PHẠM VI 2)



Sử dụng điện

Lượng phát thải phạm vi 1 và 2 trong phạm vi báo cáo này được Tập đoàn tính toán căn cứ vào sản lượng và doanh thu của Tập đoàn trong năm 2025.

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRỰC TIẾP (PHẠM VI 1)

➤ LƯỢNG PHÁT THẢI NHÀ KÍNH (GHG) PHẠM VI 1

146.895,66 tCO₂e

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRỰC TIẾP (PHẠM VI 2)

➤ LƯỢNG PHÁT THẢI NHÀ KÍNH (GHG) PHẠM VI 2

52.502,59 tCO₂e

➤ TỔNG LƯỢNG PHÁT THẢI NHÀ KÍNH (GHG) PHẠM VI 1 & PHẠM VI 2

199.398,25 tCO₂e

TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Petrolimex là một doanh nghiệp thương mại, không sản xuất; vì vậy, Petrolimex không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ.

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Lượng tiêu thụ năng lượng của Petrolimex chủ yếu trong các hoạt động vận tải xăng dầu, một phần từ các kho cảng đầu mối.

Tiêu thụ ngoài tổ chức

Công ty không có việc tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức

SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG



100% cửa hàng, kho cảng và trụ sở của Tập đoàn và các công ty thành viên sử dụng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED.



Lắp đặt hệ thống thu hồi hơi, sơn phản quang thành bể chứa xăng dầu.



Triển khai hệ thống điện mặt trời áp mái.



Triển khai các giải pháp công nghệ xúc rửa bể chứa xăng dầu khô để giảm thiểu lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh trong quá trình xúc rửa bể.



Đồng bộ tiêu chuẩn nhà vệ sinh tại các CHXD của Petrolimex.



Trồng cây xanh tại các vị trí phù hợp



Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tập đoàn xác định tiết kiệm năng lượng là giải pháp "chi phí thấp – hiệu quả cao – triển khai nhanh", đóng vai trò then chốt trong giảm phát thải ngắn hạn và nâng cao hiệu quả vận hành



Tối ưu hóa tiêu thụ điện tại hệ thống kho và cửa hàng



Phát triển điện mặt trời mái nhà tại cửa hàng xăng dầu, văn phòng, kho xăng dầu



Tham gia dự án tạo tín chỉ carbon từ hoạt động cấp phát bình lọc nước

TIÊU THỤ NƯỚC



Các ngành nghề kinh doanh của Petrolimex không sử dụng nước làm nguyên liệu đầu vào. Lượng nước sạch (nước máy, nước giếng khoan) tiêu tốn do nhu cầu sinh hoạt của CBNV. Một lượng nhỏ nước mặt được sử dụng để làm nước dự trữ cứu hỏa, nước vệ sinh công nghiệp.

Tiêu chuẩn nhu cầu nước sinh hoạt là 50 lít/ngày đêm (lượng nước sử dụng trong 24 giờ). Với số lượng CBNV toàn Tập đoàn năm 2025 là 26.123 người – khối lượng nước sử dụng tương ứng là 1.306.150 m³/ngày đêm



XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN



Chất thải rắn phát sinh hàng ngày tại các cơ sở gồm: chất thải sinh hoạt (rau, củ, quả, lá cây, cỏ, giấy...) và chất thải rắn công nghiệp thông thường (các loại bao bì không nằm trong danh mục nguy hại). Khối lượng chất thải trung bình của mỗi cửa hàng xăng dầu khoảng 70kg/tháng.



Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn trong các thùng chứa rác thải hữu cơ và vô cơ đặt tại nhiều địa điểm và từng bộ phận trong kho, cảng và các CHXD, cửa hàng kinh doanh bán lẻ. Các loại chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại được phân loại, thu gom và tập kết tại khu vực chung của từng đơn vị theo quy định.



Các đơn vị ký kết hợp đồng dịch vụ với các Công ty dịch vụ môi trường, Công ty môi trường đô thị địa phương hoặc các đơn vị, hợp tác xã, nghiệp đoàn được cấp phép trên địa bàn quận, huyện; định kỳ đến thu gom, vận chuyển đến nơi tập kết rác thải chung của tỉnh, thành phố để xử lý theo quy định.

XỬ LÝ NƯỚC THẢI



Petrolimex và các đơn vị thành viên luôn nỗ lực triển khai nhiều biện pháp đảm bảo an toàn đối với các công tác quản lý chất thải, triển khai khai đầu tư trạm xử lý nước thải tại kho cảng xăng dầu theo mô hình công nghệ chuẩn hóa quốc tế, áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống của Petrolimex.



Toàn bộ nguồn nước thải phát sinh tại kho, cảng xăng dầu được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý đảm bảo Quy chuẩn Việt Nam 29:2010/BTN-MT trước khi thải ra môi trường.



Toàn bộ nguồn nước thải phát sinh tại cửa hàng xăng dầu được thu gom và đưa về bể lắng gạn dầu để xử lý đảm bảo Quy chuẩn Việt Nam 29:2010/BTNMT cho phép trước khi thải ra môi trường.

KHÔNG VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG



Petrolimex không vi phạm pháp luật, không có sự cố môi trường, không có khiếu nại của cộng đồng xung quanh về môi trường.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHƯƠNG

06

Thông tin về tập đoàn

Các văn bản thành lập	Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 5 tháng 5 năm 1995. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 25 tháng 7 năm 2025.	
Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Thanh	Chủ tịch
	Ông Lưu Văn Tuyền	Ủy viên
	Ông Trần Ngọc Năm	Ủy viên
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
	Ông Trần Tuấn Linh	Ủy viên
	Ông Endo Tsuyoshi	Ủy viên
	Ông Đinh Thái Hương	Ủy viên
	Ông Đào Nam Hải	Ủy viên (tạm dừng tư cách từ 30/5/2025)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lưu Văn Tuyền	Tổng Giám đốc (từ 18/7/2025)
		Phó Tổng Giám đốc (đến 17/7/2025)
	Ông Phạm Văn Thanh	Điều hành Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Phụ trách từ 8/5/2025 đến 17/7/2025)
	Ông Đào Nam Hải	Tổng Giám đốc (đến 29/5/2025) (Tạm dừng quyền và nghĩa vụ từ 8/5/2025)
	Ông Trần Ngọc Năm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Sự	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Sỹ Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Đặng Quang Tuấn	Trưởng ban
	Bà Đinh Thị Kiều Trang	Kiểm soát viên
	Bà Hoàng Mai Ninh	Kiểm soát viên
	Ông Okuma Atsushi	Kiểm soát viên
	Ông Mai Việt Dũng	Kiểm soát viên
Trụ sở đăng ký	Số 1 Khâm Thiên, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn:

- a. báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 144 đến trang 205 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- b. tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lưu Văn Tuyền

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 144 đến trang 205.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

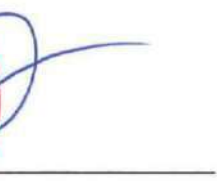
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

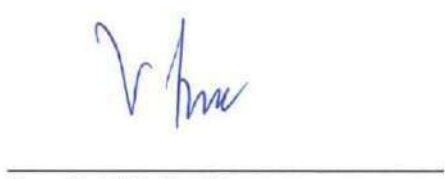
Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00155-26-2



Wang Ton Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Việt Hòa
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3062-2024-007-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		59.561.171.811.187	59.543.529.720.085
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.675.798.547.805	14.933.068.792.315
Tiền	111		7.700.724.630.475	5.329.158.367.088
Các khoản tương đương tiền	112		2.975.073.917.330	9.603.910.425.227
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.857.388.795.085	15.108.762.286.646
Chứng khoán kinh doanh	121		6.641.022.742	6.691.022.742
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.909.000.000)	(2.095.304.108)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	17.852.656.772.343	15.104.166.568.012
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.969.900.845.614	12.465.105.480.349
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.782.706.609.584	12.232.902.323.561
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		532.504.290.962	383.629.822.851
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	958.916.064.386	654.385.304.273
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.304.989.454.114)	(806.531.504.366)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		763.334.796	719.534.030
Hàng tồn kho	140	10	13.861.852.856.196	15.673.039.677.316
Hàng tồn kho	141		14.032.335.228.444	15.746.686.393.576
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(170.482.372.248)	(73.646.716.260)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.196.230.766.487	1.363.553.483.459
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		358.703.338.716	353.345.217.068
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		468.115.179.519	411.308.909.245
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	368.603.997.624	598.191.162.379
Tài sản ngắn hạn khác	155		808.250.628	708.194.767

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		26.294.225.600.625	21.731.105.153.387
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.496.474.226	31.273.357.852
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		275.000.000	285.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		40.376.474.226	33.355.357.852
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(155.000.000)	(2.367.000.000)
Tài sản cố định	220		14.485.935.784.835	13.585.527.863.398
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.002.780.265.336	11.198.732.428.507
Nguyên giá	222		40.060.542.415.255	37.616.410.718.322
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.057.762.149.919)	(26.417.678.289.815)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.483.155.519.499	2.386.795.434.891
Nguyên giá	228		3.485.467.763.955	3.324.142.680.857
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.002.312.244.456)	(937.347.245.966)
Bất động sản đầu tư	230	13	103.409.386.535	107.979.606.627
Nguyên giá	231		197.192.214.283	195.263.598.500
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(93.782.827.748)	(87.283.991.873)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.241.614.584.641	1.445.555.813.867
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.241.614.584.641	1.445.555.813.867
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.732.804.054.774	3.221.257.702.429
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(b)	1.594.875.711.056	1.579.182.296.955
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	260.411.708.977	263.775.498.977
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(d)	(122.483.365.259)	(122.100.093.503)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	5.000.000.000.000	1.500.400.000.000

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản dài hạn khác	260		3.689.965.315.614	3.339.510.809.214
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.377.980.405.351	3.196.608.497.707
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	307.151.391.747	138.666.258.231
Tài sản dài hạn khác	268		4.833.518.516	4.236.053.276
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		85.855.397.411.812	81.274.634.873.472
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		56.293.654.583.191	51.966.660.429.999
Nợ ngắn hạn	310		55.354.328.118.906	51.179.621.629.763
Phải trả người bán ngắn hạn	311		23.980.153.196.577	25.234.288.621.868
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		496.304.121.511	300.833.697.756
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.139.493.701.520	2.118.247.116.721
Phải trả người lao động	314		1.842.959.286.283	1.556.124.473.509
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.465.046.672.500	422.929.120.203
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13.269.380.679	13.322.247.375
Phải trả ngắn hạn khác	319		437.892.810.707	334.920.588.040
Vay ngắn hạn	320		18.085.030.169.112	17.384.522.205.263
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		274.662.894.662	180.779.589.540
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		531.957.067.781	552.181.042.922
Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323		3.087.558.817.574	3.081.472.926.566
Nợ dài hạn	330		939.326.464.285	787.038.800.236
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		16.891.410.920	15.527.760.920
Chi phí phải trả dài hạn	333		51.084.497.063	40.106.480.521
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		15.351.298.243	17.678.083.487
Phải trả dài hạn khác	337		122.116.473.436	68.619.215.898
Vay dài hạn	338	21(b)	609.034.269.222	487.101.948.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	110.123.920.200	100.905.942.410

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự phòng phải trả dài hạn	342		14.724.595.201	57.099.369.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		29.561.742.828.621	29.307.974.443.473
Vốn chủ sở hữu	410	24	29.561.742.828.621	29.307.974.443.473
Vốn cổ phần	411	25	12.938.780.810.000	12.938.780.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.938.780.810.000	12.938.780.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.359.059.317.417	7.359.059.317.417
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.143.845.379.060	966.832.515.772
Cổ phiếu quỹ	415	25	(232.858.460.000)	(232.858.460.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.279.967.589.219)	(1.279.967.589.219)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		169.086.330.934	162.646.100.841
Quỹ đầu tư phát triển	418	26(a)	2.036.014.884.810	2.095.393.107.398
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26(b)	68.510.225.034	84.167.516.368
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.004.042.603.717	3.928.809.359.665
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.328.782.320.672	3.928.809.359.665
-LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.675.260.283.045	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.355.229.326.868	3.285.111.765.231
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		85.855.397.411.812	81.274.634.873.472

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lương Ngọc Tú
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Quang
Kế toán trưởng





Lưu Văn Tuyền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		309.985.192.170.389	284.124.014.890.319
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		110.677.000.450	106.590.351.159
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	4	309.874.515.169.939	284.017.424.539.160
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	4	291.761.774.258.651	266.666.114.613.699
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		18.112.740.911.288	17.351.309.925.461
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.821.538.326.716	1.635.278.874.392
Chi phí tài chính	22	30	1.274.043.644.160	1.196.075.118.805
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		798.238.675.117	568.190.119.356
Phần lãi trong các công ty liên doanh, liên kết	24	31	576.399.716.450	528.005.384.335
Chi phí bán hàng	25	32	14.467.138.972.487	13.517.691.226.147
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	1.192.962.717.820	1.040.695.331.786
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.576.533.619.987	3.760.132.507.450
Thu nhập khác	31		127.238.314.116	294.790.227.180
Chi phí khác	32		60.308.348.009	82.742.455.175
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		66.929.966.107	212.047.772.005
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.643.463.586.094	3.972.180.279.455
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	775.649.251.314	799.607.413.938
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(158.930.228.038)	11.420.925.002
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		3.026.744.562.818	3.161.151.940.515

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		3.026.744.562.818	3.161.151.940.515
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty mẹ	61		2.675.260.283.045	2.889.803.702.540
Cổ đông không kiểm soát	62		351.484.279.773	271.348.237.975
				Đã điều chỉnh lại
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.472	1.509

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.643.463.586.094	3.972.180.279.455
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.303.280.724.135	2.177.193.998.275
Các khoản dự phòng	03	644.787.104.707	456.775.412.122
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(8.254.052.121)	(10.878.154.953)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.848.597.669.126)	(1.546.179.461.991)
Chi phí lãi vay	06	798.238.675.117	568.190.119.356
Các khoản điều chỉnh khác (Biến động Quỹ bình ổn giá xăng dầu – Thuyết minh 23)	07	-	23.302.392.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.532.918.368.806	5.640.584.584.264
Biến động các khoản phải thu			
Biến động hàng tồn kho	09	(3.560.402.853.861)	(1.986.871.618.966)
Biến động các khoản phải trả và	10	1.714.351.165.132	(1.069.142.043.359)
nợ phải trả khác	11	2.936.321.490.697	2.686.050.322.105
Biến động chi phí trả trước	12	(22.365.123.449)	(321.976.620.446)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	50.000.000	-
		6.600.873.047.325	4.948.644.623.598
Tiền lãi vay đã trả	14	(782.247.327.576)	(594.550.108.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(750.566.343.823)	(908.627.737.024)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.085.891.008	5.650.936.646
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.083.777.173.176)	(1.078.126.941.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.990.368.093.758	2.372.990.773.154

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.662.439.492.218)	(1.995.731.599.636)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	27.856.424.965	44.365.512.966
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(49.887.319.948.705)	(22.861.164.367.130)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	43.639.229.744.374	26.024.480.599.593
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.800.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.561.891.116.361	1.339.532.126.854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.318.982.155.223)	2.551.482.272.647
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	82.381.295.263.115	71.468.190.918.980
Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.585.425.630.137)	(73.402.086.128.922)
Tiền trả cổ tức	36	(1.724.767.984.432)	(2.107.418.183.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(928.898.351.454)	(4.041.313.393.727)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.257.512.412.919)	883.159.652.074
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	14.933.068.792.315	14.048.245.083.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	242.168.409	1.664.056.622
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	10.675.798.547.805	14.933.068.792.315

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lương Ngọc Tú
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Quang
Kế toán trưởng



Lưu Văn Tuyển
Tổng Giám đốc



PETROLIMEX

TƯ DUY MỚI - DẪN TƯƠNG LAI

153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) trước đây là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1995. Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng đặc biệt tại Quyết định số 186/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và toàn Tập đoàn đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Theo Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2011 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107370 ngày 1 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 12 năm 2011 với tên gọi là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Tập đoàn kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam theo các quy định của pháp luật.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn có chức năng nhiệm vụ đầu tư, phát triển kinh doanh xăng dầu theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành thương mại của Nhà nước. Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm kinh doanh kho, cảng xăng dầu, vận tải hàng hóa, khâu sát, thiết kế, xây lắp các công trình xăng dầu và dân dụng, xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, gas hóa lỏng, vật tư thiết bị phục vụ ngành xăng dầu và các ngành khác, dịch vụ khách sạn và dịch vụ du lịch. Ngoài ra, Tập đoàn còn được kinh doanh đa ngành theo quy định của pháp luật, thực hiện nhiệm vụ khác do Nhà nước giao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Cơ cấu của Tập đoàn gồm có Công ty mẹ – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Công ty mẹ”) và các công ty thành viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 80 công ty con bao gồm 34 công ty xăng dầu do Tập đoàn sở hữu 100% vốn thuộc Khối Xăng dầu trực thuộc và 46 công ty con khác (1/1/2025: có 98 công ty con bao gồm 51 công ty xăng dầu do Tập đoàn sở hữu 100% vốn thuộc Khối Xăng dầu trực thuộc và 47 công ty con khác), 7 công ty liên doanh, liên kết (1/1/2025: 8 công ty liên doanh, liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	48	Xem Phụ lục 1
Công ty con là công ty liên kết của một số công ty trong Tập đoàn mà báo cáo tài chính của công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	1	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	22	Xem Phụ lục 3
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	9	Xem Phụ lục 4
	80	
Các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất	7	Xem Phụ lục 5
	87	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 26.123 nhân viên (1/1/2025: 25.967 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các công ty con thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và các công ty con thường xuyên có giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn quyết định đầu tư nắm giữ có thời hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các hoản đầu tư này không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước hoặc phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(ii) Hàng hóa bất động sản

Hàng hóa bất động sản được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí để có được quyền sử dụng đất và các chi phí xây dựng liên quan bao gồm cơ sở hạ tầng, thiết bị liên quan và chi phí cho các khu vực chung. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ➤ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ➤ máy móc, thiết bị | 2 – 20 năm |
| ➤ phương tiện vận chuyển | 6 – 30 năm |
| ➤ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 10 năm |
| ➤ tài sản cố định khác | 5 – 10 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm cả chi phí đền bù giải phóng, và san lấp mặt bằng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất. Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm

Phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm và bản quyền vào sử dụng. Nguyên giá của phần mềm máy tính và bản quyền phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(iii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 25 – 50 năm
- nhà cửa 15 – 35 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vở bình gas

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vở bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vở bình gas nhận được. Theo đó, giá trị vở bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản bao gồm các các chi phí phát sinh cho việc bảo dưỡng, thay thế sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Ngoại trừ những khoản dự phòng được trình bày tại các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một

cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ lên đà sửa chữa định kỳ. Chi phí sửa chữa lớn được xác định dựa trên dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Tổng Giám đốc công ty con phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

(n) Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 103/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành về việc “Hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu” theo quy định tại các Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 1 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Theo đó:

- Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương) và được ghi nhận vào Giá vốn hàng bán trong năm đối ứng với khoản nợ phải trả;
- Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương từng thời kỳ. Việc sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định. Khi sử dụng Quỹ cho mục đích bình ổn giá, phần sử dụng được ghi giảm Giá vốn hàng bán trong năm; và
- Lãi phát sinh dương trên tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu hoặc lãi phát sinh âm trên tài khoản vay Quỹ bình ổn giá xăng dầu (khi vay vốn bổ sung do phần sử dụng vượt phần trích) được ghi nhận tăng hoặc giảm tương ứng tài khoản Quỹ bình ổn giá xăng dầu

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông và tái phát hành cổ phiếu quỹ

- Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần, đồng thời, Tập đoàn phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được mua lại. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Đối với những cổ phiếu sau khi mua lại được phép bán ra, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá lại giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo Biên bản Định giá của Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam và căn cứ trên Hồ sơ Quyết toán Cổ phần hóa đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Tập đoàn đã thực hiện ghi nhận tăng giá gốc của các khoản đầu tư này trong bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong khi phần vốn chủ sở hữu của các đơn vị nhận đầu tư này của Tập đoàn không được định giá lại.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được định giá lại và giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(q) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trên cơ sở Nghị quyết này, ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2025. Khoản thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu phải nộp theo quy định của BEPS 2.0 được ghi nhận là thuế thu nhập hiện hành thuộc phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 17 – *Thuế thu nhập*.

Tập đoàn xác định nghĩa vụ thuế thu nhập căn cứ theo vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan thuế có thẩm quyền.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tập đoàn được lập theo khu vực địa lý.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Kinh doanh xăng dầu								
	Khối xăng dầu thành viên (i)	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu thành viên (ii)	Khối kinh doanh các sản phẩm hóa dầu	Khối kinh doanh các sản phẩm gas	Khối kinh doanh dịch vụ vận tải	Khối kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.752.425.695.545	2.629.596.271.686	494.625.957.151	70.476.844.282	1.289.180.770.771	205.976.658.627	1.233.516.349.743	10.675.798.547.805
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.077.452.594.000	-	625.000.000.000	1.680.055.674.395	1.235.539.072.993	239.341.453.697	-	17.857.388.795.085
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.338.085.642.239	15.294.808.932.609	957.579.739.639	502.443.389.478	389.082.708.379	291.466.169.228	(4.803.565.735.958)	15.969.900.845.614
Hàng tồn kho	10.931.914.266.032	1.125.278.475.383	1.010.198.664.785	179.915.939.245	604.272.871.762	212.219.630.770	(201.946.991.781)	13.861.852.856.196
Tài sản ngắn hạn khác	743.090.547.874	49.390.063.784	53.021.867.802	35.071.627.220	228.663.440.916	86.993.218.891	-	1.196.230.766.487
Các khoản phải thu dài hạn	271.915.133.933	3.040.654.740	6.480.087.514	122.223.431	2.755.221.659	4.524.698.602	(248.341.545.653)	40.496.474.226
Tài sản cố định	10.016.698.144.185	534.160.740.379	605.580.611.503	303.673.350.516	2.169.045.536.829	1.103.476.175.809	(246.698.774.386)	14.485.935.784.835
Bất động sản đầu tư	50.199.276.613	-	-	-	37.851.228.821	27.779.149.914	(12.420.268.813)	103.409.386.535
Tài sản dở dang dài hạn	1.091.071.014.461	32.760.136.768	23.238.236.547	22.682.336.141	32.079.181.793	39.783.678.931	-	1.241.614.584.641
Đầu tư tài chính dài hạn	10.524.195.496.467	10.000.000.000	-	-	17.845.328.816	173.994.087.509	(3.993.230.858.018)	6.732.804.054.774
Tài sản dài hạn khác	2.641.300.935.496	246.726.994.444	179.932.140.022	357.232.424.746	120.784.930.026	55.177.312.805	88.810.578.075	3.689.965.315.614
Tổng tài sản	58.438.348.746.845	19.925.762.269.793	3.955.657.304.963	3.151.673.809.454	6.127.100.292.765	2.440.732.234.783	(8.183.877.246.791)	85.855.397.411.812
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	34.476.213.964.899	18.137.629.412.207	2.660.854.552.402	2.130.434.588.297	1.299.329.599.506	612.152.853.146	(3.962.286.851.551)	55.354.328.118.906
Nợ dài hạn	221.750.706.918	8.375.020.000	34.475.390.460	135.905.893.534	740.823.941.868	13.897.480.399	(215.901.968.894)	939.326.464.285
Tổng nợ phải trả	34.697.964.671.817	18.146.004.432.207	2.695.329.942.862	2.266.340.481.831	2.040.153.541.374	626.050.333.545	(4.178.188.820.445)	56.293.654.583.191
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025								
Chi tiêu vốn	2.060.063.776.107	69.194.655.567	85.482.894.810	63.068.637.804	221.446.589.923	65.818.216.151	97.364.721.856	2.662.439.492.218
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.146.790.687.191	97.281.953.347	89.487.769.253	37.099.896.836	260.272.608.846	111.046.218.290	195.405.314.884	1.937.384.448.647
Khấu hao tài sản cố định vô hình	54.090.855.499	15.366.532.204	1.925.186.580	682.625.146	3.226.385.359	507.486.155	(740.441.945)	75.058.628.998
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.693.048.713	-	-	-	1.843.632.249	2.242.435.269	(455.210.850)	6.323.905.381
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	903.953.764.648	43.801.137.200	39.756.223.062	65.701.987.133	106.678.520.487	8.828.983.592	-	1.168.720.616.122

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kinh doanh xăng dầu								
	Khối xăng dầu thành viên (i)	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu thành viên (ii)	Khối kinh doanh các sản phẩm hóa dầu	Khối kinh doanh các sản phẩm gas	Khối kinh doanh dịch vụ vận tải	Khối kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tiền và các khoản tương đương tiền	7623.714.640.959	5.471.867.709.998	298.965.403.934	92.234.971.224	1.190.961.481.295	206.949.869.323	48.374.715.582	14.933.068.792.315
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.140.000.000.000	-	645.707.573.826	1.087.735.468.942	1.080.861.827.285	154.457.416.593	-	15.108.762.286.646
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.815.438.866.632	10.141.276.648.881	1.205.966.310.749	511.252.794.182	488.890.981.536	381.720.493.530	(3.079.440.615.161)	12.465.105.480.349
Hàng tồn kho	12.652.247.899.197	1.107.914.845.445	1.054.340.570.108	210.436.116.218	516.752.290.430	231.011.885.010	(99.663.929.092)	15.673.039.677.316
Tài sản ngắn hạn khác	1.009.830.334.218	78.111.988.945	33.701.248.686	19.343.197.370	144.363.573.778	78.203.140.462	-	1.363.553.483.459
Các khoản phải thu dài hạn	251.174.986.690	2.835.824.740	6.267.821.574	112.549.408	3.235.598.948	4.664.329.455	(237.017.752.963)	31.273.357.852
Tài sản cố định	8.645.589.772.550	600.511.453.805	641.644.077.421	293.641.148.767	2.367.409.214.684	1.186.130.819.475	(149.398.623.304)	13.585.527.863.398
Bất động sản đầu tư	40.016.845.663	-	-	-	39.694.861.070	28.267.899.894	-	107.979.606.627
Tài sản dở dang dài hạn	1.347.304.173.304	19.567.369.544	10.737.047.324	8.440.764.617	42.957.719.868	16.548.739.210	-	1.445.555.813.867
Đầu tư tài chính dài hạn	6.679.515.328.707	10.000.000.000	-	500.400.000.000	18.872.391.665	167.131.678.899	(4.154.661.696.842)	3.221.257.702.429
Tài sản dài hạn khác	2.494.436.086.935	162.670.557.193	182.624.749.292	256.361.660.978	161.059.199.183	62.582.841.731	19.775.713.902	3.339.510.809.214
Tổng tài sản	55.699.268.934.855	17.594.756.398.551	4.079.954.802.914	2.979.958.671.706	6.055.059.139.742	2.517.669.113.582	(7.652.032.187.878)	81.274.634.873.472
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	31.822.055.206.279	15.998.000.947.217	2.812.477.395.506	2.021.564.655.119	1.158.683.474.423	645.007.988.632	(3.278.168.037.413)	51.179.621.629.763
Nợ dài hạn	202.966.023.540	3.040.000.000	17.826.151.168	74.602.656.033	656.367.883.058	15.503.662.217	(183.267.575.780)	787.038.800.236
Tổng nợ phải trả	32.025.021.229.819	16.001.040.947.217	2.830.303.546.674	2.096.167.311.152	1.815.051.357.481	660.511.650.849	(3.461.435.613.193)	51.966.660.429.999
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024								
Chi tiêu vốn	1.655.634.655.156	67.356.495.144	34.116.185.415	25.504.185.968	223.137.337.643	44.648.854.041	(54.666.113.731)	1.995.731.599.636
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.058.171.303.027	98.131.038.436	92.232.559.795	36.487.014.482	562.090.989.169	124.912.573.359	(32.990.858.368)	1.939.034.619.900
Khấu hao tài sản cố định vô hình	43.435.902.930	14.193.021.654	1.339.280.720	600.230.459	3.110.656.967	602.658.629	(594.274.825)	62.687.476.534
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.274.100.643	-	-	358.505.241	1.908.081.996	1.929.192.147	-	6.469.880.027
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	578.427.273.246	33.791.485.024	50.477.187.151	59.070.648.234	39.407.970.936	12.585.864.217	-	773.760.428.808

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kinh doanh xăng dầu								
	Khối xăng dầu thành viên (i)	Các công ty con không thuộc khối xăng dầu thành viên (ii)	Khối kinh doanh các sản phẩm hóa dầu	Khối kinh doanh các sản phẩm gas	Khối kinh doanh dịch vụ vận tải	Khối kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần	196.197.573.553.687	129.868.124.487.727	6.931.744.246.143	4.289.789.849.559	10.398.176.175.587	3.079.602.874.291	(66.747.586.647.834)	284.017.424.539.160
Trong đó: Doanh thu nội bộ	7.243.819.480.815	50.807.214.196.889	1.419.558.774.521	1.182.170.923.149	4.738.262.769.363	417.988.018.551	(66.747.586.647.834)	(938.572.484.546)
Doanh thu thuần bán ra bên ngoài	188.953.754.072.872	79.060.910.290.838	5.512.185.471.622	3.107.618.926.410	5.659.913.406.224	2.661.614.855.740	-	284.955.997.023.706
Chi phí kinh doanh	(194.162.563.062.420)	(129.619.173.163.245)	(6.791.560.173.002)	(4.182.681.580.757)	(10.082.784.003.544)	(3.043.242.360.815)	66.657.503.172.151	(281.224.501.171.632)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(181.401.792.024.826)	(127.939.621.760.969)	(6.109.063.760.422)	(3.549.704.551.529)	(9.274.031.550.221)	(2.683.751.734.657)	64.291.850.768.925	(266.666.114.613.699)
Chi phí bán hàng	(12.760.771.037.594)	(1.660.120.958.311)	(571.820.416.809)	(417.606.469.540)	(236.007.754.123)	(237.016.992.996)	2.365.652.403.226	(13.517.691.226.147)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(19.430.443.965)	(110.675.995.771)	(215.370.559.688)	(572.744.699.200)	(122.473.633.162)	-	(1.040.695.331.786)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (trước hoạt động tài chính)	2.035.010.491.267	248.951.324.482	140.184.073.141	107.108.268.802	315.392.172.043	36.360.513.476	(90.083.475.683)	2.792.923.367.528
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết								528.005.384.335
Doanh thu hoạt động tài chính								1.635.278.874.392
Chi phí tài chính								(1.196.075.118.805)
Kết quả từ các hoạt động khác								212.047.772.005
Lợi nhuận trước thuế TNDN								3.972.180.279.455
Chi phí thuế TNDN hiện hành								(799.607.413.938)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại								(11.420.925.002)
Lợi nhuận sau thuế TNDN								3.161.151.940.515

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khối xăng dầu thành viên bao gồm Công ty mẹ và 34 Công ty xăng dầu thành viên (1 tháng 1 năm 2025: Công ty mẹ và 51 Công ty xăng dầu thành viên).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, 1 tháng 1 năm 2025, các công ty con kinh doanh xăng dầu nhưng không thuộc khối xăng dầu thành viên bao gồm các công ty con sau: Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore, Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào, Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex và Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong lãnh thổ Việt Nam		Ngoài lãnh thổ Việt Nam		Hợp nhất	
	2025	2024	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu thuần bán ra bên ngoài	241.180.317.917.743	212.761.918.007.136	68.694.197.252.196	71.255.506.532.024	309.874.515.169.939	284.017.424.539.160
Chi tiêu vốn	2.660.910.282.365	1.972.386.979.841	1.529.209.853	23.344.619.795	2.662.439.492.218	1.995.731.599.636
	Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày	
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	76.029.358.267.455	71.109.612.868.630	9.826.039.144.357	10.165.022.004.842	85.855.397.411.812	81.274.634.873.472

Tổng doanh thu ngoài lãnh thổ Việt Nam bao gồm:

- Doanh thu của các công ty trong nước bán tái xuất và bán chuyển khẩu cho các khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- Doanh thu của Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore và Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào, các công ty con, bán cho các khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn ngoài lãnh thổ Việt Nam tương ứng là tổng tài sản và tổng chi tiêu vốn của Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore và Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào, các công ty con, không bao gồm các khoản phải thu các công ty trong Tập đoàn.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	62.364.956.985	48.317.246.431
Tiền gửi ngân hàng	7.411.177.141.016	5.046.965.955.718
Trong đó:		
– Số dư tài khoản tiền gửi		
Quỹ bình ổn giá xăng dầu (i)	3.087.558.817.574	3.081.472.926.566
Tiền đang chuyển	227.182.532.474	233.875.164.939
Các khoản tương đương tiền (ii)	2.975.073.917.330	9.603.910.425.227
	10.675.798.547.805	14.933.068.792.315

(i) Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng. Tiền gửi Quỹ bình ổn giá xăng dầu chỉ được sử dụng cho mục đích bình ổn giá và không được sử dụng cho mục đích nào khác.

(iii) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các ngân hàng trong nước.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Trong lãnh thổ Việt Nam		Ngoài lãnh thổ Việt Nam	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	16.852.656.772.343	16.852.656.772.343	12.904.166.568.012	12.904.166.568.012
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.000.000.000.000	(*)	2.200.000.000.000	(*)
Trái phiếu (ii)				
	17.852.656.772.343		15.104.166.568.012	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	–		500.400.000.000	(*)
Trái phiếu (iii)	5.000.000.000.000	(*)	1.000.000.000.000	(*)
	5.000.000.000.000		1.500.400.000.000	

(l) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng trong nước. Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá gốc là 1.000 tỷ VND, có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng. Phương thức trả lãi là trả sau, thời điểm trả lãi định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu, thời hạn trả gốc là ngày đáo hạn của trái phiếu.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào trái phiếu ngân hàng như sau:

- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá gốc là 3.000 tỷ VND, có kỳ hạn 8 năm và đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2033.
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá gốc là 2.000 tỷ VND, có kỳ hạn 8 năm và đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2033.

Các trái phiếu này có phương thức trả lãi là trả sau, thời điểm trả lãi định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Thời hạn trả gốc là ngày đáo hạn của trái phiếu.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết

Kinh doanh xăng dầu													
STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Công ty liên doanh													
1	Công ty TNHH Cas-trol BP-PETCO Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Chế biến các sản phẩm dầu nhờn	35,00%	35,00%	438.395.637.829	-	(*)	35,00%	35,00%	453.231.048.953	-	(*)
Công ty liên kết													
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (i) (**)	Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm	40,95%	40,95%	799.836.563.148	-	908.204.560.000	40,95%	40,95%	781.072.554.216	-	1.035.353.198.400
2	Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Gi-ang	An Giang	Nông sản, xăng dầu	38,94%	38,94%	165.731.665.554	-	(*)	38,94%	38,94%	159.647.370.102	-	(*)
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng, khai thác, quản lý và bảo trì hệ thống đường cao tốc quốc gia	22,38%	22,38%	20.667.757.016	-	(*)	22,38%	22,38%	20.049.644.785	-	(*)
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị xăng dầu	46,00%	46,00%	77.242.619.311	-	(*)	46,00%	46,00%	72.576.937.668	-	(*)
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Hà Nội	Xây lắp	30,00%	30,00%	71.439.224.610	-	(*)	30,00%	30,00%	69.767.760.031	-	(*)
6	Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex	TP. Hồ Chí Minh	Xây lắp	30,00%	30,00%	21.562.243.588	-	(*)	30,00%	30,00%	21.036.981.200	-	(*)
7	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Việt Nam	Hà Nội	Mua bán hàng hóa	-	-	-	-		20,42%	20,42%	1.800.000.000	(677.914.822)	(*)
						1.594.875.711.056	-				1.579.182.296.955	(677.914.822)	

(i) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (“PJICO”) hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã đánh giá ảnh hưởng của các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư góp vốn vào lĩnh vực bảo hiểm tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và Quản lý, Sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Theo đó, Tập đoàn đã có kế hoạch thoái vốn tại công ty liên kết này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, việc thoái vốn chưa diễn ra.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc khối lượng giao dịch cổ phiếu các công ty này trên thị trường không lớn, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 của khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2025					1/1/2025		
STT	Tên công ty	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	-	(*)
2	Công ty Cổ phần An Phú	110.724.000.000	(98.818.473.184)	(*)	110.724.000.000	(98.868.495.513)	(*)
3	Các công ty khác	99.687.708.977	(23.664.892.075)	(*)	103.051.498.977	(22.553.683.168)	(*)
		260.411.708.977	(122.483.365.259)	(*)	263.775.498.977	(121.422.178.681)	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	122.100.093.503	115.392.221.804
Tăng dự phòng trong năm	4.520.000.000	6.707.875.719
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(772.938.244)	(4.020)
Chuyển sang dự phòng phải thu khó đòi	(3.363.790.000)	-
Số cuối năm	122.483.365.259	122.100.093.503

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Vitol Asia Pte. Ltd.	3.471.158.896.087	1.339.895.589.795

Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	1.857.536.220.457	1.662.077.109.770
Các khách hàng khác	10.454.011.493.040	9.230.929.623.996
	15.782.706.609.584	12.232.902.323.561

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	14.315.250.879	14.312.167.441
Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	-	10.994.401.029
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	1.201.778.969	504.656.603
	15.517.029.848	25.811.225.073

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Lãi dự thu	360.721.223.193	189.282.161.558
Phải thu lợi nhuận được chia	106.200.000.000	-
Phải thu thuế bảo vệ môi trường nộp thừa (i)	96.819.331.800	96.819.331.800
Tạm ứng cho nhân viên	59.945.285.297	70.330.110.002
Phải thu Bộ Công Thương về phí bảo quản hàng P10 (ii)	87.337.669.817	87.518.112.552
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	17.193.949.987	26.805.135.443
Phải thu khác liên quan đến thuế giá trị gia tăng	48.151.965.528	8.919.828.285
Phải thu khác	182.546.638.764	174.710.624.633
	958.916.064.386	654.385.304.273

(i) Đây là khoản phải thu thuế bảo vệ môi trường nộp thừa do công ty con của Tập đoàn đã kê khai và tạm nộp cho hàng bán xuất khẩu.

(ii) Đây là khoản phải thu Bộ Công thương liên quan đến phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

		31/12/2025			1/1/2025			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần								
Hàng không Tre Việt	Dưới 1 năm	885.513.650.920	(821.513.650.920)	64.000.000.000	Dưới 6 tháng	743.226.403.606	(358.078.123.761)	385.148.279.845
Khác	Trên 6 tháng	532.489.830.630	(483.630.803.194)	48.859.027.436	Trên 6 tháng	470.592.274.644	(450.820.380.605)	19.771.894.039
		1.418.003.481.550	(1.305.144.454.114)	112.859.027.436			(808.898.504.366)	404.920.173.884
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.304.989.454.114)			(806.531.504.366)		
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(155.000.000)			(2.367.000.000)		

10. HÀNG TỒN KHO

		31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Hàng mua đang đi trên đường	1.479.584.935.669	-	2.375.514.164.537	-	
Nguyên vật liệu	1.043.334.035.411	(4.019.161.584)	1.063.301.216.912	(5.168.406.594)	
Công cụ và dụng cụ	45.395.519.721	-	46.244.530.803	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	200.367.693.589	-	159.495.429.506	-	
Thành phẩm	281.542.231.964	(65.933.800.518)	673.600.650.859	(2.988.753.319)	
Hàng hóa	10.975.249.807.537	(100.529.410.146)	11.421.212.724.406	(65.489.556.347)	
Hàng gửi đi bán	-	-	456.672.000	-	
Hàng hóa bất động sản	6.861.004.553	-	6.861.004.553	-	
		14.032.335.228.444	(170.482.372.248)	15.746.686.393.576	(73.646.716.260)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.954.409.039.684	5.713.911.170.950	13.851.456.574.575	1.032.861.522.108	63.772.411.005	37.616.410.718.322
Tăng trong năm	78.271.643.850	220.275.941.777	249.168.816.884	58.051.114.006	3.250.408.968	609.017.925.485
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.387.511.830.529	578.484.456.373	114.045.528.498	59.138.209.694	14.453.307.295	2.153.633.332.389
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(580.368.182)	-	-	-	-	(580.368.182)
Phân loại lại	(3.846.873.080)	2.054.416.839	15.943.419	1.776.512.822	-	-
Thanh lý và xóa sổ	(164.513.739.623)	(89.912.870.288)	(47.201.564.673)	(18.425.899.164)	(1.015.737.233)	(321.069.810.981)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ báo cáo	1.965.478.494	857.346.383	163.789.512	136.921.652	7.082.181	3.130.618.222
Số dư cuối năm	18.253.217.011.672	6.425.670.462.034	14.167.649.088.215	1.133.538.381.118	80.467.472.216	40.060.542.415.255
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.199.089.796.045	4.450.385.915.815	10.864.911.447.189	863.258.805.744	40.032.325.022	26.417.678.289.815
Khấu hao trong năm	816.371.129.124	375.878.045.986	641.177.464.801	97.144.565.140	6.813.243.596	1.937.384.448.647
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(213.689.356)	-	-	-	-	(213.689.356)
Phân loại lại	(15.834.932.521)	1.062.813.834	1.079.056.677	13.729.002.814	(35.940.804)	-
Thanh lý và xóa sổ	(144.918.516.264)	(89.474.987.390)	(46.056.419.436)	(18.264.443.778)	(437.337.256)	(299.151.704.124)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ báo cáo	920.176.751	853.143.804	159.962.708	117.669.459	13.852.215	2.064.804.937
Số dư cuối năm	10.855.413.963.779	4.738.704.932.049	11.461.271.511.939	955.985.599.379	46.386.142.773	28.057.762.149.919
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.755.319.243.639	1.263.525.255.135	2.986.545.127.386	169.602.716.364	23.740.085.983	11.198.732.428.507
Số dư cuối năm	7.397.803.047.893	1.686.965.529.985	2.706.377.576.276	177.552.781.739	34.081.329.443	12.002.780.265.336

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng với nguyên giá là 14.048.041 triệu VND (1/1/2025: 13.500.122 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các công ty con của Tập đoàn thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 950.426 triệu VND (1/1/2025: 1.039.655 triệu VND) để bảo đảm cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 21(b)).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.556.815.376.437	16.713.815.200	697.939.278.690	52.674.210.530	3.324.142.680.857
Tăng trong năm	38.163.240.412	2.594.930.000	15.143.940.746	1.015.884.102	56.917.995.260
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	53.451.471.296	-	64.617.040.011	4.100.000	118.072.611.307
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(330.091.300)	-	-	-	(330.091.300)
Thanh lý và xóa sổ	(4.179.886.281)	-	(8.830.099.188)	(325.446.700)	(13.335.432.169)
Số dư cuối năm	2.643.920.110.564	19.308.745.200	768.870.160.259	53.368.747.932	3.485.467.763.955
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	316.574.986.179	14.742.570.638	578.225.131.061	27.804.558.088	937.347.245.966
Khấu hao trong năm	30.129.477.882	2.676.189.231	34.409.029.174	7.843.932.711	75.058.628.998
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(63.011.874)	-	-	-	(63.011.874)
Thanh lý và xóa sổ	(1.136.158.079)	-	(8.569.792.220)	(324.668.335)	(10.030.618.634)
Số dư cuối năm	345.505.294.108	17.418.759.869	604.064.368.015	35.323.822.464	1.002.312.244.456
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.240.240.390.258	1.971.244.562	119.714.147.629	24.869.652.442	2.386.795.434.891
Số dư cuối năm	2.298.414.816.456	1.889.985.331	164.805.792.244	18.044.925.468	2.483.155.519.499

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng với nguyên giá là 632.906 triệu VND (1/1/2025: 629.985 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các công ty con của Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 129.034 triệu VND (1/1/2025: 124.268 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 21(b)).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	48.653.519.879	146.610.078.621	195.263.598.500
Tăng trong năm	-	373.148.148	373.148.148
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	746.778.889	746.778.889
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	580.368.182	580.368.182
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	330.091.300	-	330.091.300
Thanh lý	-	(101.770.736)	(101.770.736)
Số dư cuối năm	48.983.611.179	148.208.603.104	197.192.214.283
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	29.569.704.307	57.714.287.566	87.283.991.873
Khấu hao trong năm	67.322.129	6.256.583.252	6.323.905.381
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	213.689.356	213.689.356
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	63.011.874	-	63.011.874
Thanh lý	-	(101.770.736)	(101.770.736)
Số dư cuối năm	29.700.038.310	64.082.789.438	93.782.827.748
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.083.815.572	88.895.791.055	107.979.606.627
Số dư cuối năm	19.283.572.869	84.125.813.666	103.409.386.535

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê nêu trên chưa được xác định do không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.445.555.813.867	919.552.879.504
Mua mới trong năm	2.370.728.647.959	2.370.377.214.728
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.153.633.332.389)	(1.350.900.180.248)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(118.072.611.307)	(44.762.103.079)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(746.778.889)	(108.607.419)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(30.127.322.339)	(73.547.711.416)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(266.333.886.817)	(367.471.466.294)
Thanh lý, xóa sổ	(1.270.443.691)	(4.597.796.387)
Biến động khác	(4.485.501.753)	(2.986.415.522)
Số dư cuối năm	1.241.614.584.641	1.445.555.813.867
Các hạng mục/dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày báo cáo như sau:		
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các dự án đầu tư xây dựng và vận hành trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc Bắc Nam	717.500.748.994	362.199.930.941
Dự án xây dựng trụ sở số 1 Khâm Thiên	-	584.547.579.767
Các dự án khác	524.113.835.647	498.808.303.159
	1.241.614.584.641	1.445.555.813.867

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	207.164.772.209	1.876.412.835.699	489.083.252.608	175.270.554.586	448.677.082.605	3.196.608.497.707
Tăng trong năm	150.424.765.748	398.978.774.324	202.812.009.981	200.219.342.427	130.332.984.002	1.082.767.876.482
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	48.829.562.965	185.678.954.385	8.189.316.050	23.636.053.417	266.333.886.817
Phân bổ trong năm	(52.672.506.403)	(284.513.741.109)	(350.650.649.502)	(215.567.604.074)	(265.316.115.034)	(1.168.720.616.122)
Xóa sổ	(12.854.999)	-	-	(47.026.498)	(19.667.699)	(79.549.196)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ báo cáo	-	1.070.309.663	-	-	-	1.070.309.663
Số dư cuối năm	304.904.176.555	2.040.777.741.542	526.923.567.472	168.064.582.491	337.310.337.291	3.377.980.405.351

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với những khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng tổn thất tài sản	20%	187.258.084.676	93.072.435.846
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng phải trả	20%	23.663.815.494	21.036.944.094
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	96.229.491.577	24.570.739.774
Các khoản khác	20%	-	(13.861.483)
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		307.151.391.747	138.666.258.231
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Dự phòng tổn thất tài sản	20%	(79.406.542.383)	(84.292.517.194)
Các khoản khác	20%	(30.717.377.817)	(16.613.425.216)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(110.123.920.200)	(100.905.942.410)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		197.027.471.547	37.760.315.821

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Vitol Asia Pte. Ltd.	5.186.693.110.274	2.703.489.581.676
Extap A Division of ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd.	3.128.124.678.258	916.187.127.582
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.072.291.001.218	4.388.076.953.663
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn	1.326.797.822.166	3.851.592.326.027
Petrochina International (Singapore) Pte. Ltd.	666.109.095.865	2.635.373.350.458
Các nhà cung cấp khác	10.600.137.488.796	10.739.569.282.462
	23.980.153.196.577	25.234.288.621.868

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	25.293.148.966	29.201.072.443
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	37.849.232.296	18.020.873.900
Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	4.528.912.210	-
	67.671.293.472	47.221.946.343

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động của thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	1/1/2025	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp/ được hoàn trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	(190.822.529.633)	(3.040.782.942.475)	3.183.790.754.634	(47.814.717.474)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	286.690.862.994	(6.379.292.171.595)	6.114.897.204.856	22.295.896.255
Thuế tiêu thụ đặc biệt	213.901.940.841	(2.509.117.842.487)	2.409.513.747.421	114.297.845.775
Thuế xuất nhập khẩu	63.476.808.044	(95.865.434.300)	129.714.042.753	97.325.416.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(410.727.697.370)	(775.649.251.314)	750.566.343.823	(435.810.604.861)
Thuế thu nhập cá nhân	(38.479.355.609)	(323.502.568.039)	333.971.812.608	(28.010.111.040)
Thuế nhà đất	(4.353.610.201)	(370.832.494.147)	450.406.113.356	75.220.009.008
Thuế bảo vệ môi trường	(1.418.523.464.690)	(17.199.163.736.585)	17.073.475.363.293	(1.544.211.837.982)
Các loại thuế khác	(21.218.908.718)	(121.171.962.389)	118.209.271.033	(24.181.600.074)
	(1.520.055.954.342)	(30.815.378.403.331)	30.564.544.653.777	(1.770.889.703.896)
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	598.191.162.379			368.603.997.624
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(2.118.247.116.721)			(2.139.493.701.520)
	(1.520.055.954.342)			(1.770.889.703.896)

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa, vật tư	3.834.517.662.081	67.237.644.969
Phí dôi nhập	376.357.792.538	189.676.486.814
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	114.061.940.104	41.186.339.895
Cảng phí, chi phí thuê tàu ngoài	15.584.255.653	19.891.232.607
Chi phí lãi vay	54.957.388.557	37.943.526.543
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	69.567.633.567	66.993.889.375
	4.465.046.672.500	422.929.120.203

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	190.906.072.458	93.363.449.901
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	45.348.517.124	52.485.610.276
Cổ tức phải trả	12.170.259.741	22.068.158.606
Lãi vay phải trả	-	1.022.514.473
Phải trả, phải nộp khác	189.467.961.384	165.980.854.784
	437.892.810.707	334.920.588.040

21. CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025	Biến động trong năm				31/12/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.219.300.299.971	82.087.038.200.817	(81.369.152.075.073)	25.204.329.355	17.962.390.755.070	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	165.221.905.292	121.629.154.091	(165.221.905.292)	1.010.259.951	122.639.414.042	
	17.384.522.205.263	82.208.667.354.908	(81.534.373.980.365)	26.214.589.306	18.085.030.169.112	

Các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn là các khoản vay ngân hàng bằng VND và USD, có kỳ hạn dưới 12 tháng. Chi tiết như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ	12.002.785.922.059	11.534.922.925.817
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	2.373.317.649.769	1.978.351.939.954
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	2.028.172.822.065	1.718.987.017.001
Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP	1.099.714.979.549	1.171.191.859.550
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	81.500.000.000	115.000.000.000
Các công ty con khác	376.899.381.628	700.846.557.649
	17.962.390.755.070	17.219.300.299.971

Các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn là các khoản vay tín chấp nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, mở các tín dụng thư (L/C) nhập khẩu xăng dầu. Lãi suất của các khoản vay này được quy định theo từng ngân hàng và từng khoản vay.

Các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11) và tài sản cố định vô hình (Thuyết minh).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Vay dài hạn	731.673.683.264	652.323.853.292
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh)	(122.639.414.042)	(165.221.905.292)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	609.034.269.222	487.101.948.000

Các khoản vay dài hạn của Tập đoàn bao gồm các khoản vay ngân hàng có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 120 tháng của các công ty con trong Tập đoàn. Chi tiết như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	280.860.864.784	260.567.711.092
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	147.010.024.194	217.024.516.481
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	97.216.000.000	47.536.943.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	30.252.630.740	45.405.000.000
Các công ty con khác	176.334.163.546	81.789.682.719
	731.673.683.264	652.323.853.292

Mục đích của các khoản vay dài hạn là để tài trợ cho các dự án đầu tư, xây dựng các cửa hàng xăng dầu, mua tàu và xe chở xăng dầu và các dự án khác của Tập đoàn.

Các khoản vay dài hạn của Tập đoàn là các khoản vay bằng VND và USD. Lãi suất của các khoản vay này được quy định theo từng ngân hàng và từng khoản vay.

Các khoản vay dài hạn của Tập đoàn được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11) và tài sản cố định vô hình (Thuyết minh).

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	552.181.042.922	459.902.289.336
Trích lập trong năm	1.063.553.198.035	985.516.019.047
Sử dụng trong năm	(1.083.777.173.176)	(893.237.265.461)
Số dư cuối năm	531.957.067.781	552.181.042.922

23. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

	2025 VND	2024 VND
Biến động trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Tăng trong năm	-	23.302.392.000
Số dư đầu năm	3.081.472.926.566	3.052.519.597.920
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	23.302.392.000
Lãi phát sinh từ tài khoản tiền gửi	6.085.891.008	5.650.936.646
Số dư cuối năm	3.087.558.817.574	3.081.472.926.566

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	12.938.780.810.000	7.359.059.317.417	966.832.515.772	(232.858.460.000)	(1.279.967.589.219)	139.461.256.127	1.769.457.074.318	84.189.002.716	4.194.581.632.922	3.262.571.618.778	29.202.107.178.831
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.889.803.702.540	271.348.237.975	3.161.151.940.515
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.979.060.000	8.979.060.000
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.905.888.352.500)	(192.522.078.227)	(2.098.410.430.727)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	320.415.522.574	385.091	(320.415.907.665)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh)	-	-	-	-	-	-	-	-	(920.458.888.300)	(65.057.130.747)	(985.516.019.047)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	-	-	23.184.844.714	(6.815.748)	(20.037.675)	-	-	23.157.991.291
Công ty liên kết trích quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	-	5.527.326.254	-	(5.527.326.254)	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(1.833.764)	(3.285.501.078)	(207.942.548)	(3.495.277.390)
Số dư tại ngày 1/1/2025	12.938.780.810.000	7.359.059.317.417	966.832.515.772	(232.858.460.000)	(1.279.967.589.219)	162.646.100.841	2.095.393.107.398	84.167.516.368	3.928.809.359.665	3.285.111.765.231	29.307.974.443.473
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.675.260.283.045	351.484.279.773	3.026.744.562.818
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	177.000.000.000	-	-	-	(177.000.000.000)	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.524.710.682.000)	(190.159.403.567)	(1.714.870.085.567)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	103.654.471.646	(15.551.714.216)	(88.102.757.430)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh)	-	-	-	-	-	-	-	-	(972.337.122.588)	(91.216.075.447)	(1.063.553.198.035)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	-	-	6.440.230.093	81.332.773	(105.577.118)	-	-	6.415.985.748
Công ty liên kết trích quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	-	13.885.972.993	-	(13.885.972.993)	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	12.863.288	-	-	-	-	-	(990.503.982)	8.760.878	(968.879.816)
Số dư tại ngày 31/12/2025	12.938.780.810.000	7.359.059.317.417	1.143.845.379.060	(232.858.460.000)	(1.279.967.589.219)	169.086.330.934	2.036.014.884.810	68.510.225.034	4.004.042.603.717	3.355.229.326.868	29.561.742.828.621

25. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Tập đoàn là:

31/12/2025		1/1/2025	
Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.293.878.081	12.938.780.810.000	1.293.878.08112.938.780.810.000
Cổ phiếu quỹ	23.285.846	232.858.460.000	23.285.846232.858.460.000
Vốn cổ phần đang lưu hành	1.270.592.235	12.705.922.350.000	1.270.592.23512.705.922.350.000
Nhà nước	981.686.626	9.816.866.260.000	981.686.6269.816.866.260.000
Cổ đông khác	288.905.609	2.889.056.090.000	288.905.6092.889.056.090.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ đầu tư và phát triển được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(b) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích và sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được thực hiện theo chính sách tài chính hiện hành của Tập đoàn.

27. CỔ TÚC

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết số 02/2025/PLX-NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án phân phối cổ tức bằng tiền với tỷ lệ cổ tức là 12% trên mệnh giá tương đương với 1.524.711 triệu VND (2024: 15% trên mệnh giá tương đương với 1.905.888 triệu VND).

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ (Bộ Công Thương)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn có nhận giữ hộ Bộ Công Thương một danh mục xăng dầu cho mục đích dự trữ quốc gia.

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ (Bên thứ ba)

	Đơn vị	31/12/2025	1/1/2025
Xăng RON 92	Lít 15 (*)	-	1.998
Xăng RON 95	Lít 15 (*)	31.000.998	63.347.731
Xăng E5	Lít 15 (*)	21.239.043	4.699
Dầu DO	Lít 15 (*)	83.160.224	84.509.641
Dầu hỏa	Lít 15 (*)	-	344
Mazút	Kg	-	4.365
Jet A1	Lít 15 (*)	-	29.067.307
Nhựa đường	Kg	3.261.910	3.441.764
Hóa chất	Kg	440.405	4.863.149

(*) Lít 15 là đại lượng đo lường theo lít đo tại nhiệt độ thực tế được quy đổi về nhiệt độ 15°C theo công thức: Lít 15 = Lít thực tế x hệ số VCF. VCF là hệ số điều chỉnh thể tích. VCF được xác định bằng cách tra bảng C.2 của Phụ lục C trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7567:2006 về Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) – Quy tắc giao nhận với nhiệt độ đo được và hệ số tỷ trọng của từng bể.

(c) Ngoại tệ các loại

31/12/2025		1/1/2025	
Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	25.870.298	680.011.889.558	11.016.377278.377.342.119
EUR	370	11.459.163	2.31360.376.272
THB	1.152.372	842.533.960	-
LAK	649.252.135	764.905.908	10.887.725.18212.677.324.721
SGD	151.821	3.020.366.447	36.023676.088.564
		684.651.155.036	291.791.131.676

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.674.312.690.864	2.562.666.607.588
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.068.655.002.905	540.384.543.390

	6.742.967.693.769	3.103.051.150.978
--	-------------------	-------------------

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	1.265.079.782.382	989.944.689.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.609.090.800	11.809.067.445
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	490.723.953.056	563.503.745.603
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.589.123.617	64.454.395.711
Lãi bán hàng trả chậm	2.355.630.334	4.839.216.165
Doanh thu hoạt động tài chính khác	180.746.527	727.759.843
	1.821.538.326.716	1.635.278.874.392

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	798.238.675.117	568.190.119.356
Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	6.419.456.349	4.222.683.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	418.531.141.620	549.704.116.525
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	43.335.071.496	53.576.240.758
Biến động dự phòng các khoản đầu tư	3.560.757.648	14.518.444.324
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.958.541.930	5.863.514.497
	1.274.043.644.160	1.196.075.118.805

31. PHẦN LÃI TRONG CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2025 VND	2024 VND
Công ty liên doanh		
Công ty TNHH Castrol BP-PETCO Việt Nam	437.401.087.279	400.536.498.408
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	100.552.147.658	95.102.486.892

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang	14.021.841.757	9.954.783.423
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	15.091.087.880	14.498.163.161
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 – Petrolimex	8.314.631.049	7.218.558.753
Các công ty liên kết khác	1.018.920.827	694.893.698

	576.399.716.450	528.005.384.335
--	-----------------	-----------------

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	6.453.519.928.019	5.669.236.252.898
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	134.559.960.633	125.139.987.117
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.131.709.582.717	1.013.150.559.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.751.965.762.728	3.504.918.159.232
Chi phí bằng tiền khác	2.995.383.738.390	3.205.246.266.975
	14.467.138.972.487	13.517.691.226.147

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	623.939.516.044	560.794.442.106
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.463.230.265	31.642.381.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.826.033.919	123.642.122.897
Chi phí bằng tiền khác	362.733.937.592	324.616.385.546
	1.192.962.717.820	1.040.695.331.786

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.950.107.959.450	4.699.116.590.974
Chi phí nhân công	8.777.924.589.831	7.932.348.831.477
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.303.280.724.135	2.177.193.998.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.546.901.703.873	4.351.543.854.204

Chi phí khác	4.970.853.107.535	4.183.939.995.969
--------------	-------------------	-------------------

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Chi phí thuế thu nhập theo hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Hoạt động kinh doanh xăng dầu	440.848.915.506	644.614.792.681
Hoạt động kinh doanh hóa dầu	37.534.280.962	27.174.185.220
Hoạt động kinh doanh sản phẩm gas	33.838.593.693	33.328.919.479
Hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải	92.335.534.093	93.006.780.432
Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	12.161.699.022	12.903.661.128

	616.719.023.276	811.028.338.940
--	-----------------	-----------------

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	761.522.266.802	772.731.109.002
Dự phòng thiếu các năm trước	14.126.984.512	26.876.304.936
	775.649.251.314	799.607.413.938

(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(158.930.228.038)	11.420.925.002
Chi phí thuế thu nhập	616.719.023.276	811.028.338.940

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.643.463.586.094	3.972.180.279.455

Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ	728.692.717.219	794.436.055.891
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con	(16.779.376.049)	(4.970.061.514)
Chi phí không được khấu trừ thuế	29.779.934.292	27.611.539.742
Thu nhập không bị tính thuế	(117.601.761.450)	(107.664.338.520)
Biến động chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa được ghi nhận	(1.108.433.765)	90.751.144.329
Dự phòng thiếu trong những năm trước	14.126.984.512	26.876.304.936
Lỗ tính thuế được sử dụng mà trước đây chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(19.128.050.168)	(15.192.596.355)
Ưu đãi thuế	(1.262.991.315)	(819.709.569)
	616.719.023.276	811.028.338.940

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với Công ty mẹ và các công ty con là 20%, trừ:

Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore áp dụng mức thuế suất là 10% và;

Công ty TNHH Liên doanh Kho Ngoại quan Xăng dầu Vân Phong áp dụng mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (từ năm 2012 đến hết năm 2026).

(e) Thuế tối thiểu toàn cầu

Như được đề cập tại Thuyết minh số 3(q), ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu ("IIR") và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn ("QDMTT"). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 ("BEPS 2.0") của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết này quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trên cơ sở Nghị quyết này, ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

Tập đoàn thuộc đối tượng nộp thuế bổ sung theo quy định của BEPS 2.0. Thuế bổ sung liên quan đến các hoạt động tại nước Singapore nơi có thuế suất thuế thu nhập theo luật định thấp hơn 15%. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn không phải nộp thuế bổ sung theo quy định của BEPS 2.0.

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm 2025 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(a) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	2025	2024
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.270.592.235	1.270.592.235

(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông (VND)	2.675.260.283.045	2.889.803.702.540
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(804.435.075.234)	(972.337.122.588)
	1.870.825.207.811	1.917.466.579.952
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	1.270.592.235	1.270.592.235
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.472	1.509

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 804.435 triệu VND.

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Trong năm 2025, Tập đoàn đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024 với số tiền là 972.337.122.588 VND (số ước tính năm 2024 là 644.675.957.489 VND). Vì vậy, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

	2024	2024
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	2.889.803.702.540	2.889.803.702.540
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND)	(644.675.957.489)	(972.337.122.588)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	2.245.127.745.051	1.917.466.579.952
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (số cổ phiếu)	1.270.592.235	1.270.592.235
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.767	1.509

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Các công ty liên doanh, liên kết		
Công ty TNHH Castrol BP-PETCO Việt Nam		
Cổ tức được chia	452.236.498.408	218.073.161.719
Mua hàng hóa	5.868.351.610	7.453.506.991
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		
Mua dịch vụ	604.969.147.355	602.725.266.732
Nhận bồi thường bảo hiểm gốc	52.676.062.776	44.440.741.765
Cổ tức được chia	54.492.480.000	54.492.480.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang		
Bán hàng hóa, dịch vụ	14.024.058.659	77.556.053.802
Mua hàng hóa	186.894.021	–
Cổ tức được chia	5.680.948.800	4.260.711.600
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu		
Bán hàng hóa, dịch vụ	445.867.387.008	498.824.997.000
Mua hàng hóa	146.750.056.963	141.114.406.545
Cổ tức được chia	11.874.814.150	11.560.227.168
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 – Petrolimex		
Cổ tức được chia	5.175.303.000	5.175.303.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	7.971.509.977	23.399.237.561
Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex		

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	16.640.018.332	2.383.730.556
Hội đồng Quản trị (8 thành viên)		
Thù lao	9.376.833.497	9.512.689.000
Ban Tổng Giám đốc không là thành viên		
Hội đồng Quản trị (6 thành viên)		
Tiền lương	9.539.054.655	8.593.477.000
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (7 thành viên)		
Thù lao và tiền lương	7.041.457.312	6.298.214.000

Thù lao, tiền lương của người quản lý chuyên trách tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát) năm 2025 bình quân là 126.917.821 đồng/người/tháng (2024: 114.274.270 đồng/người/tháng). Thù lao của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị năm 2025 bình quân là 26.691.130 đồng/tháng (2024: 23.596.491 đồng/tháng).

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tình hình thế giới

Ngày 28 tháng 2 năm 2026, xung đột giữa Hoa Kỳ, Israel và Iran bùng phát đã khiến tuyến hàng hải qua eo biển Hor-muz gần như bị gián đoạn, qua đó tác động trực tiếp đến thị trường năng lượng toàn cầu, hoạt động vận tải quốc tế và chuỗi cung ứng nhiên liệu. Theo số liệu Tập đoàn thu thập được, khoảng 20% sản lượng dầu thô toàn cầu được vận chuyển qua eo biển này. Bên cạnh đó, nguồn dầu từ Trung Đông hiện đang đáp ứng khoảng 60% – 70% nhu cầu nguyên liệu đầu vào của các nhà máy lọc dầu tại khu vực châu Á.

Do mức độ phụ thuộc lớn vào nguồn dầu từ Trung Đông, kể từ khi xung đột xảy ra, giá dầu thô trên thị trường thế giới đã tăng mạnh, đặc biệt đối với dầu DO. Đồng thời, chi phí vận chuyển quốc tế cũng gia tăng theo biến động giá nhiên liệu, cùng với đó là mức phụ phí vận tải tăng bất thường. Những biến động nêu trên đã và đang gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến môi trường kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Công tác điều hành của Tập đoàn

Trong bối cảnh thị trường xăng dầu thế giới diễn biến phức tạp, ưu tiên hàng đầu của Tập đoàn là đảm bảo nguồn cung xăng dầu ổn định, liên tục cho hệ thống phân phối. Tập đoàn đã xây dựng và triển khai các kịch bản ứng phó, với mục đích hạn chế những tác động bất lợi từ biến động của thị trường xăng dầu thế giới đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do sự kiện xung đột giữa Hoa Kỳ – Israel và Iran phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hiện vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường, Tập đoàn sẽ tiếp tục theo dõi, đánh giá mức độ ảnh hưởng, đồng thời điều chỉnh các biện pháp và định hướng điều hành sản xuất kinh doanh để phù hợp với tình hình thực tế.

39. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lương Ngọc Tú
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Quang
Kế toán trưởng



Lưu Văn Tuyền
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
1	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	100,00%	100,00%	2.196.550.463.185	2.196.550.463.185
2	Công ty TNHH Liên doanh Kho Ngoại quan Xăng dầu Vân Phong	85,00%	85,00%	629.755.076.565	629.755.076.565
3	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	79,00%	79,00%	570.562.500.000	570.562.500.000
4	Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (ii)	-	100,00%	-	316.568.434.951
5	Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP	52,00%	52,00%	306.662.738.200	306.662.738.200
6	Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	100,00%	100,00%	287.897.418.502	287.897.418.502
7	Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	59,00%	59,00%	88.500.000.000	88.500.000.000
8	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào (iii)	100,00%	100,00%	68.162.068.617	68.162.068.617
9	Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	100,00%	100,00%	402.820.800.000	402.820.800.000
10	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (i)	51,06%	-	32.384.930.000	-
11	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (i)	52,73%	-	53.722.150.000	-
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng (i)	51,00%	-	14.030.713.748	-
13	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (i)	51,00%	-	32.910.534.976	-
14	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (i)	51,00%	-	17.935.586.616	-
15	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế (i)	51,00%	-	9.498.019.611	-

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Các công ty con cấp 1 thuộc Khối Xăng dầu trực thuộc (iv)					
16	Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	100,00%	100,00%	812.200.000.000	812.200.000.000
17	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh	100,00%	100,00%	468.000.000.000	468.000.000.000
18	Công ty TNHH MTV Petrolimex Huế	100,00%	100,00%	351.456.408.182	351.456.408.182
19	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	100,00%	100,00%	340.191.000.000	210.957.000.000
20	Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	100,00%	100,00%	283.763.553.673	87.600.000.000
21	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lâm Đồng	100,00%	100,00%	269.000.000.000	106.467.000.000
22	Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	100,00%	100,00%	251.174.000.000	251.174.000.000
23	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đắk Lắk	100,00%	100,00%	248.000.000.000	126.511.000.000
24	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	100,00%	100,00%	246.962.000.000	246.962.000.000
25	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng	100,00%	100,00%	245.000.000.000	168.015.000.000
26	Công ty TNHH MTV Petrolimex Vĩnh Long	100,00%	100,00%	225.000.000.000	128.707.000.000
27	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	100,00%	100,00%	216.800.000.000	156.032.000.000
28	Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	100,00%	100,00%	187.971.000.000	187.971.000.000
29	Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	100,00%	100,00%	187.159.953.049	104.657.953.049
30	Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	100,00%	100,00%	177.900.000.000	72.996.000.000
31	Công ty TNHH MTV Petrolimex Tây Ninh	100,00%	100,00%	157.543.000.000	105.200.000.000
32	Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	100,00%	100,00%	156.752.000.000	156.752.000.000
33	Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	100,00%	100,00%	149.467.000.000	74.581.000.000

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư	
				VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
34	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai	100,00%	100,00%	139.200.000.000	65.714.000.000
35	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị	100,00%	100,00%	138.144.065.636	57.644.065.636
36	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp	100,00%	100,00%	132.800.000.000	86.227.000.000
37	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	100,00%	100,00%	128.507.000.000	128.507.000.000
38	Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	100,00%	100,00%	120.557.000.000	120.557.000.000
39	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cà Mau	100,00%	100,00%	119.000.000.000	98.800.000.000
40	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	100,00%	100,00%	100.000.000.000	50.670.000.000
41	Công ty TNHH MTV Petrolimex Tuyên Quang	100,00%	100,00%	96.800.000.000	57.125.000.000
42	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ngãi	100,00%	100,00%	92.000.000.000	32.100.000.000
43	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	100,00%	100,00%	85.000.000.000	48.486.000.000
44	Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	100,00%	100,00%	78.588.000.000	78.588.000.000
45	Công ty TNHH MTV Petrolimex An Giang	100,00%	100,00%	49.016.000.000	49.016.000.000
46	Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	100,00%	100,00%	48.651.000.000	48.651.000.000
47	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	100,00%	-	43.500.000.000	-
48	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cao Bằng	100,00%	100,00%	40.169.000.000	40.169.000.000
49	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lai Châu	100,00%	100,00%	32.998.000.000	32.998.000.000
50	Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	-	100,00%	-	105.650.000.000
51	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	-	100,00%	-	196.163.553.673
52	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình – Công ty TNHH MTV	-	100,00%	-	129.234.000.000

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư	
				VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
53	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	-	100,00%	-	62.202.000.000
54	Công ty TNHH Xăng dầu Tây Ninh	-	100,00%	-	52.343.000.000
55	Công ty Xăng dầu Lào Cai	-	100,00%	-	56.133.000.000
56	Công ty Xăng dầu Bến Tre	-	100,00%	-	44.000.000.000
57	Công ty Xăng dầu Sông Bé – Công ty TNHH MTV	-	100,00%	-	38.900.000.000
58	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	-	100,00%	-	31.100.000.000
59	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	-	100,00%	-	30.000.000.000
60	Công ty Xăng dầu Thái Bình	-	100,00%	-	21.000.000.000
61	Công ty Xăng dầu Hà Giang	-	100,00%	-	36.893.000.000
62	Công ty Xăng dầu Bắc Ninh	-	100,00%	-	74.886.000.000
63	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Dương	-	100,00%	-	55.300.000.000
64	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Nam	-	100,00%	-	73.373.000.000
65	Công ty TNHH MTV Petrolimex Vĩnh Phúc	-	100,00%	-	56.316.000.000
66	Công ty Xăng dầu Hà Nam	-	100,00%	-	54.272.000.000
67	Công ty TNHH MTV Petrolimex Bình Thuận	-	100,00%	-	94.619.000.000

Theo Quyết định số 1164/PLX–QĐ–HĐQT ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn đã nhận lại tài sản là các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con của Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex với giá trị ghi sổ là 160.481.934.951 VND, bao gồm Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế (Phụ lục 3). Theo đó, các công ty này trở thành các công ty con cấp một do Tập đoàn trực tiếp quản lý.

Quyết định số 356/PLX–QĐ–HĐQT ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Tại ngày 13 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thống nhất phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần vốn góp của Tập đoàn tại Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào bằng hình thức đấu giá công khai. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, việc đấu giá chưa được hoàn thành.

Theo nghị quyết số 290/PLX-NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2025, Hội đồng quản trị Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đã phê duyệt phương án triển khai việc tổ chức và sắp xếp lại các Công ty Xăng dầu trực thuộc Tập đoàn, bao gồm thành lập mới, chia tách và sáp nhập các Công ty con. Đồng thời, theo nghị quyết số 193/PLX-NQ-HĐQT, Hội đồng quản trị Tập đoàn cũng đã thông qua việc đặt tên/đổi tên công ty, chi nhánh công ty trong quá trình thực hiện sắp xếp các Công ty xăng dầu. Danh sách tên công ty, chi nhánh công ty được đặt tên/đổi tên do thành lập mới, chia tách và sáp nhập các công ty con như sau:

STT	Tên công ty, chi nhánh công ty từ ngày 1 tháng 10 năm 2025	Tên công ty, chi nhánh công ty đến ngày 30 tháng 9 năm 2025
1	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Cao Bằng	Công ty Xăng dầu Cao Bằng
2	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Lai Châu	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Lai Châu
3	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Điện Biên	Công ty Xăng dầu Điện Biên
4	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Tuyên Quang	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang – Công ty TNHH Một thành viên
	Chi nhánh Petrolimex Hà Giang	Công ty Xăng dầu Hà Giang
5	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Lào Cai	Công ty Xăng dầu Yên Bái
	Chi nhánh Petrolimex Bắc Lào Cai	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Lào Cai
6	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Thái Nguyên	Công ty Xăng dầu Bắc Thái
7	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Bắc Ninh	Công ty Xăng dầu Hà Bắc
	Chi nhánh Petrolimex Kinh Bắc	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Bắc Ninh
8	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hà Nội	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hà Nội
		Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình – Công ty TNHH Một thành viên
9	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Phú Thọ	Công ty Xăng dầu Phú Thọ
	Chi nhánh Petrolimex Vĩnh Phúc	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Vĩnh Phúc
	Chi nhánh Petrolimex Hòa Bình	Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình của Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình – Công ty TNHH Một thành viên
10	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hải Phòng	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hải Phòng
	Chi nhánh Petrolimex Hải Dương	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Hải Dương
11	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Ninh Bình	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh – Công ty TNHH Một thành viên
	Chi nhánh Petrolimex Hà Nam	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Hà Nam
	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Quảng Ninh	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Quảng Ninh
12		
	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Thanh Hóa	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa – Công ty TNHH
13		
14	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Nghệ An	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Nghệ An
15	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hà Tĩnh	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh
16	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Lạng Sơn	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn của Công ty Xăng dầu Hà Bắc
17	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Sơn La	Công ty Xăng dầu Sơn La
18	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hưng Yên	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hưng Yên
	Chi nhánh Petrolimex Thái Bình	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Thái Bình
19	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Quảng Trị	Công ty Xăng dầu Quảng Bình
	Chi nhánh Petrolimex Đồng Hà	Công ty Xăng dầu Quảng Trị
20	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Huế	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế

STT	Tên công ty, chi nhánh công ty từ ngày 1 tháng 10 năm 2025	Tên công ty, chi nhánh công ty đến ngày 30 tháng 9 năm 2025
21	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Đà Nẵng	Công ty Xăng dầu Khu vực V – TNHH Một thành viên
	Chi nhánh Petrolimex Quảng Nam	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Quảng Nam
22	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Quảng Ngãi	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Quảng Ngãi
	Chi nhánh Petrolimex Kon Tum	Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum của Công ty TNHH Xăng dầu Nam Tây Nguyên
23	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Gia Lai	Công ty Xăng dầu Bình Định
	Chi nhánh Petrolimex Pleiku	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Bắc Tây Nguyên
24	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Đắk Lắk	Công ty TNHH Xăng dầu Nam Tây Nguyên
	Chi nhánh Petrolimex Phú Yên	Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên của Công ty Xăng dầu Phú Khánh
25	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Khánh Hòa	Công ty Xăng dầu Phú Khánh
26	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Lâm Đồng	Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng
	Chi nhánh Petrolimex Bình Thuận	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Bình Thuận
27	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Đồng Nai	Công ty Xăng dầu Đồng Nai
	Chi nhánh Petrolimex Bình Phước	Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước của Công ty Xăng dầu Sông Bé – TNHH Một thành viên
28	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Sài Gòn	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Sài Gòn
	Chi nhánh Petrolimex Bình Dương	Công ty Xăng dầu Sông Bé – TNHH Một thành viên
	Chi nhánh Petrolimex Vũng Tàu	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Bà Rịa – Vũng Tàu
29	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Tây Ninh	Công ty Xăng dầu Long An
	Chi nhánh Petrolimex Bắc Tây Ninh	Công ty Xăng dầu Tây Ninh
30	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Đồng Tháp	Công ty Xăng dầu Tiền Giang
	Chi nhánh Petrolimex Cao Lãnh	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp TNHH Một thành viên
31	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex An Giang	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu An Giang
32	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Vĩnh Long	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long
	Chi nhánh Petrolimex Bến Tre	Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu Bến Tre
	Chi nhánh Petrolimex Trà Vinh	Công ty Xăng dầu Trà Vinh
33	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Cần Thơ	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Cần Thơ
34	Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Cà Mau	Công ty Xăng dầu Cà Mau
	Chi nhánh Petrolimex Bạc Liêu	Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu của Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Cần Thơ

Phụ lục 2

Công ty con là công ty liên kết của một số công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam mà báo cáo tài chính của công ty con này được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp		Giá trị đầu tư trực tiếptheo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
		Công ty liên kết của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP và Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO					
1	Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	57,62%	57,62%	88,88%	88,88%	134.000.000.000	134.000.000.000

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Công ty con của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex							
1	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	51,92%	51,92%	51,92%	51,92%	414.652.170.000	414.652.170.000
2	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	305.033.040.000	305.033.040.000
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	29.830.142.460	29.830.142.460
4	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	51,22%	51,22%	51,22%	51,22%	115.591.076.555	115.591.076.555
5	Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	63,92%	63,92%	63,92%	63,92%	27.498.040.000	27.498.040.000
Công ty con của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP							
6	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	79,07%	79,07%	100,00%	100,00%	254.300.000.000	254.300.000.000
7	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	79,07%	79,07%	100,00%	100,00%	361.400.000.000	361.400.000.000

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Công ty con của Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex							
8	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (i)	-	51,00%	-	51,00%	-	16.084.170.000
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (i)	-	51,06%	-	51,06%	-	37.413.260.000
10	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (i)	-	51,00%	-	51,00%	-	30.518.520.000
11	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế (i)		51,00%	-	51,00%	-	11.475.000.000
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng (i)	-	51,00%	-	51,00%	-	10.455.000.000
13	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (i)	-	52,73%	-	52,73%	-	37.967.550.000
Công ty con của Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP							
14	Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	52,37%	52,37%	100,00%	100,00%	70.000.000.000	70.000.000.000
15	Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	52,37%	52,37%	100,00%	100,00%	40.000.000.000	40.000.000.000
16	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	52,37%	52,37%	100,00%	100,00%	30.000.000.000	30.000.000.000
17	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	52,37%	52,37%	100,00%	100,00%	20.000.000.000	20.000.000.000
18	Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	52,37%	52,37%	100,00%	100,00%	27.000.000.000	27.000.000.000
19	Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	26,71%	26,71%	51,00%	51,00%	11.487.708.826	11.487.708.826
Công ty con của Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex							
20	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51.000.000.000	51.000.000.000
21	Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	50,48%	50,48%	50,48%	50,48%	21.089.520.000	21.089.520.000
22	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	8.898.692.086	8.898.692.086

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
23	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex	52,67%	52,67%	52,67%	52,67%	80.056.110.000	80.056.110.000
24	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	50,33%	50,33%	50,33%	50,33%	28.285.381.284	28.285.381.284
25	Công ty TNHH Hóa chất PTN	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%	31.573.033.783	31.573.033.783
Công ty con của Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn							
26	Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty con của Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp							
27	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Châu	92,03%	92,03%	92,03%	92,03%	5.522.675.737	5.522.675.737
28	Công ty Thương mại Dịch vụ Cái Bè	63,04%	63,04%	63,04%	63,04%	13.332.038.766	13.332.038.766

(i) Theo Quyết định số 1164/PLX – QĐ – HĐQT ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn đã nhận lại tài sản là các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con của Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex với giá trị ghi sổ là 160.481.934.951 VND, bao gồm Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế. Theo đó, các công ty này trở thành các công ty con cấp một do Tập đoàn trực tiếp quản lý (Phụ lục 1).

Phụ lục 4

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư	
		VND					
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO							
1	Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	51,92%	51,92%	100,00%	100,00%	160.000.000.000	160.000.000.000
2	Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	51,92%	51,92%	100,00%	100,00%	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO							
3	Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	51,00%	51,00%	100,00%	100,00%	50.000.000.000	50.000.000.000
4	Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	51,00%	51,00%	100,00%	100,00%	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex							
5	Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	51,22%	51,22%	100,00%	100,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng							
6	Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	51,00%	51,00%	100,00%	100,00%	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu							
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ – Xây dựng Petrolimex	32,13%	32,13%	63,00%	63,00%	1.917.000.000	1.917.000.000
Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex							
8	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	52,67%	52,67%	100,00%	100,00%	120.000.000.000	120.000.000.000
Công ty con của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex							
9	Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào	79,07%	79,07%	100,00%	100,00%	-	-

Phụ lục 5

Các công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn		Giá trị đầu tư trực tiếptheo mệnh giá gốc khoản đầu tư			
				VND			
		31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Công ty liên doanh của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam							
1	Công ty TNHH Castrol BP- PETCO Việt Nam	35,00%	35,00%	169.426.717.325	169.426.717.325	-	-
Công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam							
1	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	40,95%	40,95%	361.849.067.685	361.849.067.685	-	-
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	22,38%	22,38%	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn							
3	Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang	38,94%	38,94%	102.126.729.600	102.126.729.600	56.939.495.600	56.939.495.600
Công ty liên kết của Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex							
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	46,00%	46,00%	67.798.583.999	67.798.583.999	-	-
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 – Petrolimex	30,00%	30,00%	53.724.566.907	53.724.566.907	-	-
6	Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	30,00%	30,00%	25.560.000.000	25.560.000.000	-	-

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

TT	Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
I. Công ty con 100% vốn					
1	Công ty TNHH MTV Petrolimex Tuyên Quang	100%	96.800	Kinh doanh xăng dầu	Số 14, đường Phan Đình Phùng, tổ 1, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang
2	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cao Bằng	100%	40.169	Kinh doanh xăng dầu	Đường Lê Lợi, Phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
3	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lai Châu	100%	32.998	Kinh doanh xăng dầu	Tổ 09, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu
4	Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	100%	78.588	Kinh doanh xăng dầu	Số nhà 89, Tổ dân phố 21, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên,
5	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai	100%	139.200	Kinh doanh xăng dầu	Tổ dân phố Yên Ninh 2, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
6	Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	100%	120.557	Kinh doanh xăng dầu	Số 16, Đường Bắc Nam, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên
7	Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	100%	149.467	Kinh doanh xăng dầu	Số 38 đường Châu Xuyên, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh
8	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	100%	43.500	Kinh doanh xăng dầu	Số 6, Tổ 9, Khối 18, Phường Đồng Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
9	Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	100%	177.900	Kinh doanh xăng dầu	Số 2470, đường Hùng Vương, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ
10	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	100%	340.191	Kinh doanh xăng dầu	Số 26 Đức Giang, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội
11	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	100%	216.800	Kinh doanh xăng dầu	Số 1 Sõ Dầu, Phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
12	Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình	100%	188.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 143 Trần Nhân Tông, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình
13	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh	100%	468.000	Kinh doanh xăng dầu	Khu I, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh
14	Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	100%	156.752	Kinh doanh xăng dầu	Số 305 đường Bà Triệu, Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hóa
15	Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	100%	187.971	Kinh doanh xăng dầu	Số 04, đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
16	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh	100%	128.507	Kinh doanh xăng dầu	Số 29 đường Trần Phú, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh
17	Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	100%	48.651	Kinh doanh xăng dầu	Số 102 A, Đường Lê Duẩn, Tổ 1 Quyết Tâm, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La
18	Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	100%	85.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 689 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
19	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng	100%	245.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 122 đường 2/9, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng
20	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị	100%	139.500	Kinh doanh xăng dầu	Số 118 đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị

TT	Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
21	Công ty TNHH MTV Petrolimex Huế	100%	353.000	Kinh doanh xăng dầu	48 Hùng Vương, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế
22	Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	100%	284.710	Kinh doanh xăng dầu	Số 85 đường Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai
23	Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ngãi	100%	92.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 122 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi
24	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lâm Đồng	100%	269.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 59 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
25	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đắk Lắk	100%	248.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 06 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
26	Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	100%	251.174	Kinh doanh xăng dầu	10B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
27	Công ty TNHH MTV Petrolimex Tây Ninh	100%	157543	Kinh doanh xăng dầu	Số 10 Trà Quý Bình, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh
28	Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	100%	812.200	Kinh doanh xăng dầu	Số 15 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
29	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	100%	100.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 104, đường Hà Huy Giáp, Phường Trần Biên, Đồng Nai
30	Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp	100%	132.800	Kinh doanh xăng dầu	Số 488 Đình Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
31	Công ty TNHH MTV Petrolimex An Giang	100%	49.016	Kinh doanh xăng dầu	Số 1602 Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
32	Công ty TNHH MTV Petrolimex Vĩnh Long	100%	225.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 641 đường Trần Phú, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long,
33	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	100%	246.962	Kinh doanh xăng dầu	Tầng 14-15, Tòa nhà Xổ số kiến thiết Cần Thơ, 29 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Ninh Kiều, TP Cần Thơ
34	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cà Mau	100%	119.000	Kinh doanh xăng dầu	Số 989 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau
35	Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	100%	278.508	Kinh doanh thương mại xăng dầu	#2-05A Southpoint, 200 Cantonment Road, Singapore 089763
36	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	100%	39.376	Kinh doanh xăng dầu	13 North Rd., Sykhaythong Village, Sykhottabong District, Vientiane Capital, Lao PDR
37	Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex	100%	1.500.000	Vận tải xăng dầu đường thủy	Số 1 Khâm Thiên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Thành phố Hà Nội
38	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	100%	402.821	Xây lắp, thiết kế, tin học, xuất nhập khẩu, bất động sản	Tầng 12B, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội

II. Công ty con trên 50% vốn

39	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex	79,07%	807.988	Kinh doanh các sản phẩm hóa dầu	Tầng 18 & 19, số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
40	Tổng công ty Gas Petrolimex	52,37%	603.426	Kinh doanh gas và khí hóa lỏng	Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Petrolimex, Số 1 Khâm Thiên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

TT	Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
41	Công ty TNHH Liên doanh kho ngoại quan xăng dầu Vân Phong	85,00%	674.180	Kinh doanh kho	Toà nhà Vinaconex-VCN đường A1, KĐT Vĩnh Điểm Trung, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
42	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	59,00%	600.000	Kinh doanh nhiên liệu bay	Tầng 6, Tòa Nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
43	Công ty CP thương mại và vận tải Petrolimex Hà Nội	51,06%	73.269	Vận tải đường bộ	Số 49 Đường Đức Giang, Phường Việt Hưng, Tp. Hà Nội
44	Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây	51,00%	35.032	Vận tải đường bộ	Km 17 Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, TP Hà Nội
45	Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	51,00%	64.325	Vận tải đường bộ	Số 01, ngõ 121, đường Nghệ An - Xiêng Khoảng, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An
46	Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Huế	51,00%	27000	Vận tải đường bộ	13 Trần Thanh Mại, phường An Cựu, TP. Huế
47	Công ty CP thương mại và vận tải Petrolimex Đà Nẵng	51,00%	22.000	Vận tải đường bộ	Số 179 Nguyễn Văn Thoại, Phường An Hải , TP Đà Nẵng
48	Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	52,73%	72.000	Vận tải đường bộ	118 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, TP Hồ Chí Minh
III. Công ty liên doanh, liên kết					
49	Công ty TNHH Castrol BP – Petco Việt Nam	35,00%	499.474	Chế biến các sản phẩm dầu nhờn	Phòng 20.01, Tầng 20, Tòa nhà The Nexus, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
50	Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	22,38%	89.373	Đầu tư, xây dựng, khai thác, quản lý và bảo trì hệ thống đường cao tốc quốc gia	Tầng 5, Tòa nhà MITEC, Yên Hoà, Cầu Giấy
51	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	40,95%	1.108.968	Kinh doanh bảo hiểm	Tầng 21-22, tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Hà Nội
52	Công ty CP Thương mại Kiên Giang	38,94%	364.738	Nông sản, xăng dầu	190 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
53	Công ty cổ phần cơ khí Xăng dầu	46,00%	72.277	Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị xăng dầu	446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, TP Hồ Chí Minh
54	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây lắp I – Petrolimex	30,00%	115.000	Xây lắp	Số 550 – 552 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội
55	Công ty cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	30,00%	50.000	Xây lắp	2286 Huỳnh Tấn Phát, Ấp 38, Xã Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC 02: CÁC CÔNG TY THUỘC LĨNH VỰC VẬN TẢI BỘ

	Tên Công ty	Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Chỉ tiêu tài chính
1	Công ty cổ phần thương mại và vận tải Petrolimex Hà Nội (Petajico Hà Nội)	Sản lượng vận tải: 245 triệu m³km, đạt 108% KH và bằng 108% so với năm 2024 Sản lượng kinh doanh xăng dầu: 50.233 m³, đạt 110% KH và bằng 112% so với năm 2024	1.291 tỷ đồng, đạt 105% KH và bằng 108% so với năm 2024	46 tỷ đồng, đạt 164% KH và bằng 137% so với năm 2024	Tổng tài sản là 274 tỷ đồng Vốn chủ sở hữu: 163 tỷ đồng Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE): 23,3% Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 14,1%
2	Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế (PTS Huế)	Sản lượng vận tải: 88 triệu m³km, đạt 116% KH và bằng 117% so với năm 2024 Sản lượng kinh doanh xăng dầu: 13.574 m³, đạt 100% KH và bằng 108% so với năm 2024	398 tỷ đồng, đạt 111% KH và bằng 104% so với năm 2024.	11 tỷ đồng, đạt 124% KH và bằng 107% so với năm 2024	Tổng tài sản là 69 tỷ đồng Vốn chủ sở hữu: 41 tỷ đồng Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE): 22,0% Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 12,7%
3	Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (PTS Sài Gòn)	Sản lượng vận tải: 172 triệu m³km, đạt 120% KH và bằng 124% so với năm 2024 Sản lượng kinh doanh xăng dầu: 22.725 m³, đạt 103% KH và bằng 109% so với năm 2024	796 tỷ đồng, đạt 108% KH và bằng 111% so với năm 2024	11 tỷ đồng, đạt 106% KH và bằng 134% so với năm 2024	Tổng tài sản là 282 tỷ đồng Vốn chủ sở hữu là 121 tỷ đồng Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE): 6,6% Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 3,1%
4	Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây (PTS Hà Tây)	Sản lượng vận tải: 101 triệu m³km, đạt 106% KH và bằng 127% so với năm 2024 Sản lượng kinh doanh xăng dầu: 29.006 m³, đạt 94% KH và bằng 99% so với năm 2024	666 tỷ đồng, đạt 96% KH và bằng 97% so với năm 2024.	7 tỷ đồng, đạt 110% KH và bằng 123% so với năm 2024	Tổng tài sản: 111 tỷ đồng Vốn chủ sở hữu: 52 tỷ đồng Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE): 10,4% tỷ đồng Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 5,2% tỷ đồng
5	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (PTS Nghệ Tĩnh)	Sản lượng vận tải: 109 triệu m3km, đạt 154% KH và bằng 163% so với năm 2024 Sản lượng kinh doanh xăng dầu: 83.611 m³, đạt 99% KH và bằng 92% so với năm 2024	1.753 tỷ đồng, đạt 109% KH và bằng 92% so với năm 2024	23 tỷ đồng, đạt 123% KH và bằng 97% so với năm 2024	Tổng tài sản là 282 tỷ đồng Vốn chủ sở hữu: 103 tỷ đồng Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE): 18,4% Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 7,9%
6	Công ty cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng (Petajico Đà Nẵng)	Sản lượng vận tải: 69 triệu m3km, đạt 133% KH và bằng 136% so với năm 2024 Sản lượng kinh doanh xăng dầu: 24.762 m³, đạt 104% KH và bằng 105% so với năm 2024	579 tỷ đồng, đạt 112% KH và bằng 107% so với năm 2024	8 tỷ đồng, đạt 112% KH và bằng 112% so với năm 2024	Tổng tài sản là 121 tỷ đồng Vốn chủ sở hữu: 41 tỷ đồng Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE): 16,1% Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 6,7%



Tên viết tắt: PETROLIMEX (HOSE: PLX)

Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội

[T] : (024) 3851-2603

[F] : (024) 3851-9203

[W] : www.petrolimex.com.vn